

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
CÂU LẠC BỘ CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

TỌA ĐÀM

**CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG THỜI ĐẠI AI
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 4 năm 2026

HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM
CÂU LẠC BỘ CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

TỌA ĐÀM

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG THỜI ĐẠI AI
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Khánh Hòa, tháng 4 năm 2026

Ban biên tập

TS.Nguyễn Trung Triều

GVCC.TS.Nguyễn Thị Bích Thủy

ThS.Lê Thị Kim Phượng

ThS.Phạm Quang Thuận

Thiết kế bìa

ThS.Phạm Quang Thuận

MỤC LỤC

Tên bài/Tác giả	Trang
Thực trạng và giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu <i>ThS.Tiền Tú Anh</i>	1
Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong bối cảnh AI: góc nhìn từ người trực tiếp bồi dưỡng <i>ThS.Phạm Thị Vân Anh</i>	4
Một số giải pháp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong thời đại AI tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh <i>ThS.Nguyễn Hữu Việt Anh</i>	8
Thực trạng năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ và nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa <i>ThS.Nguyễn Văn Danh</i>	13
Một số giải pháp đào tạo sinh viên ngành Giáo dục Mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình trong thời đại trí tuệ nhân tạo (AI) <i>ThS.Nguyễn Thị Lệ Hường – ThS.Lê Hải Diệu</i>	22
Phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn: thực trạng và giải pháp <i>ThS.Nguyễn Thị Phương Loan – TS.Lê Thị Minh Thi</i>	27
Đào tạo giáo viên mầm non ở Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định trong bối cảnh chuyển đổi số <i>ThS.Trịnh Thị Quỳnh</i>	36
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu khoa học của giảng viên: từ công cụ hỗ trợ đến nguy cơ phụ thuộc <i>ThS.Đặng Thái Sơn – ThS.Trần Thanh Bắc</i>	43
Phát triển năng lực ứng dụng AI cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non <i>PGS.TS.Trương Đình Thắng</i>	51
Thực trạng và giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác đào tạo người học ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương – Nha Trang <i>GVCC.TS.Nguyễn Thị Bích Thủy – ThS.Phạm Quang Thuận</i>	60
Sử dụng mạng xã hội FaceBook là một công cụ chuyên nghiệp nhằm chia sẻ, kết nối các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng <i>ThS.Bùi Thị Thanh Thủy</i>	73

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học phần phương pháp cho trẻ làm quen
với tác phẩm văn học 80

ThS. Phạm Thanh Thủy

Nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giảng dạy của đội ngũ giảng
viên Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số
trong giáo dục 90

TS. Lê Tùng

Tham luận giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác dạy và học tại
Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang 98

ThS. Nguyễn Ngọc Trác

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA - VŨNG TÀU

ThS. Tiền Tú Anh
Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục và đào tạo đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện. AI không chỉ làm thay đổi phương thức dạy học mà còn tái định hình vai trò của người giáo viên trong hệ thống giáo dục.

Đối với giáo dục mầm non - bậc học nền tảng hình thành những yếu tố đầu tiên về nhân cách và năng lực của con người - yêu cầu đổi mới càng trở nên cấp thiết. Điều này đặt ra nhiệm vụ quan trọng cho các cơ sở đào tạo giáo viên, trong đó có Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu, trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thời đại công nghệ số.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và yêu cầu đặt ra

2.1.1. Vai trò của trí tuệ nhân tạo trong Giáo dục mầm non

Trí tuệ nhân tạo đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong giáo dục với các chức năng như: hỗ trợ thiết kế bài giảng và học liệu số; cá nhân hóa hoạt động học tập theo đặc điểm của từng trẻ; hỗ trợ đánh giá sự phát triển của trẻ một cách toàn diện và tăng cường tương tác thông minh thông qua các công cụ số.

Đối với Giáo dục mầm non, AI không thay thế vai trò của giáo viên mà đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, giúp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.1.2. Yêu cầu đối với giáo viên mầm non trong thời đại AI

Căn cứ Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT về việc *Ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên* (có hiệu lực từ ngày 12/5/2026), trong đó giáo viên mầm non cần đạt được 6 miền năng lực số (20 năng lực thành phần) và AI là một trong 6 miền năng lực trên. Miền năng lực này đề cập đến việc giáo viên ứng dụng, tích hợp AI một cách có hiệu quả và có đạo đức vào công việc giảng dạy, hỗ trợ học tập và phát triển chuyên môn.

Do đó, công tác đào tạo giáo viên mầm non cần chuyển từ “truyền thụ kiến thức” sang “phát triển năng lực”.

2.2. Thực trạng ứng dụng AI trong công tác đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu

2.2.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, Nhà trường đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đã được triển khai ở nhiều học phần. Từ năm 2023, chương trình đào tạo của nhà trường đã từng bước được cập nhật theo

định hướng phát triển năng lực người học. Trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non, nhà trường đã giành 2/4 tín chỉ của học phần Tin học để hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng AI cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Đội ngũ giảng viên có tinh thần đổi mới, tích cực tiếp cận các công cụ số.

Sinh viên bước đầu làm quen với công nghệ trong thiết kế giáo án, học liệu.

Đặc biệt, từ năm 2024 đến nay, hàng năm Nhà trường đều quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch và triển khai 01 lớp bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin hoặc AI cho giảng viên, chuyên viên nhà trường do tổ Tin học phụ trách. Năm 2025 với chuyên đề ứng dụng AI trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công tác văn phòng. Năm 2026 với chuyên đề “tập huấn và bồi dưỡng về an toàn thông tin trong môi trường số” với sự kết hợp của tổ Tin học và Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao của công an thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, dự kiến tổ chức vào tháng 5 năm 2026 trong bối cảnh bùng phát tội phạm lừa đảo sử dụng công nghệ AI.

Đồng thời, nhà trường cũng khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

2.2.2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng AI trong công tác đào tạo tại nhà trường vẫn còn một số tồn tại:

(1) Nội dung đào tạo về AI còn hạn chế

Chưa có học phần riêng về AI trong Giáo dục mầm non; nội dung còn lỏng lẻo, chưa hệ thống.

Chưa có khung năng lực AI cụ thể cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non

(2) Năng lực ứng dụng AI của giảng viên và sinh viên chưa đồng đều. Một bộ phận còn e ngại công nghệ và thiếu kỹ năng khai thác hiệu quả các công cụ AI.

(3) Cơ sở vật chất, học liệu số còn hạn chế. Dù được đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học nhưng nhà trường vẫn đang thiếu các phần mềm chuyên dụng; hệ thống học liệu số chưa phong phú.

2.2.3. Nguyên nhân

Nhận thức về AI trong giáo dục của một bộ phận giảng viên, viên chức chưa đầy đủ. Hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể từ các cấp quản lý về ứng dụng AI trong công tác đào tạo. Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số còn hạn chế. Áp lực công việc khiến giảng viên ít có điều kiện nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo

2.3.1. Xây dựng khung năng lực số cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT và Thông tư 18/2026/TT-BGDĐT để xây dựng khung năng lực số cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non với 2 miền giá trị vừa là năng lực số cho sinh viên nói chung và vừa là năng lực số cho sinh viên ngành

Giáo dục Mầm non nói riêng, đồng thời cũng là cơ sở xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

2.3.2. Đổi mới chương trình đào tạo

Xây dựng riêng 1 học phần: “Ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong Giáo dục mầm non” với 2 tín chỉ (tách ra từ học phần Tin học - 4 tín chỉ), trong đó phải tăng cường nội dung về thiết kế học liệu số, dạy học tích hợp công nghệ. Chương trình đào tạo phải định hướng chuyển mạnh sang đào tạo theo năng lực.

2.3.3. Bồi dưỡng đội ngũ giảng viên

Đề giảng viên là người tiên phong đi đầu và làm mẫu cho sinh viên noi theo trong việc ứng dụng AI vào nội dung bài dạy, cần thực hiện các việc sau:

- Tăng cường tham gia đi thực tế ở các trường mầm non.
- Đẩy mạnh tổ chức tập huấn về AI và chuyển đổi số trong Nhà trường.
- Khuyến khích giảng viên chú trọng nghiên cứu khoa học về AI cũng như tham dự các lớp chuyên đề về ứng dụng AI trong giáo dục

2.3.4. Tăng cường cơ sở vật chất và học liệu

Cần chú trọng đầu tư hệ thống phòng học thông minh và trang bị các phần mềm giáo dục ứng dụng AI. Bên cạnh đó, phải xây dựng kho học liệu số dùng chung.

2.3.5. Đổi mới phương pháp giảng dạy

Có thể áp dụng các phương pháp: học tập kết hợp (blended learning), dạy học dự án, dạy học trải nghiệm và tăng cường thực hành ứng dụng AI trong các học phần của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

2.3.6. Đẩy mạnh hợp tác

Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

Tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm chuyên đề về AI để chia sẻ kinh nghiệm.

3. Kết luận

Trong thời đại trí tuệ nhân tạo, công tác đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược lâu dài.

Việc đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ và tăng cường ứng dụng công nghệ không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo mà còn góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

Nhà trường đã và đang có những bước đi mạnh mẽ, đồng bộ và linh hoạt để đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non tương lai có năng lực chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng với công nghệ và đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại./.

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG BỐI CẢNH AI: GÓC NHÌN TỪ NGƯỜI TRỰC TIẾP BỒI DƯỠNG

ThS. Phạm Thị Vân Anh
Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

1. Mở đầu

Trong vài năm gần đây, trí tuệ nhân tạo (AI) không còn là khái niệm xa lạ đối với giáo dục. Giáo dục và đào tạo nghề nghiệp là một trong những lĩnh vực chịu tác động rõ nét. AI không chỉ thay đổi cách tiếp cận tri thức mà còn tác động đến phương thức tổ chức hoạt động dạy học và bồi dưỡng chuyên môn (UNESCO, 2021). Điều đáng chú ý là AI đi vào rất âm thầm, thông qua chính người học. Trong các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non mà chúng tôi trực tiếp tham gia giảng dạy, ngày càng nhiều học viên chia sẻ rằng họ đã hỏi AI trước khi hỏi báo cáo viên, sử dụng AI để soạn kế hoạch giáo dục, hoặc tìm ý tưởng tổ chức hoạt động cho trẻ. Sự thay đổi này đặt người làm công tác bồi dưỡng trước một câu hỏi thực tiễn: *AI đang thay đổi việc bồi dưỡng như thế nào, và vai trò của báo cáo viên sẽ đi về đâu?*

Bài tham luận này không tiếp cận AI từ góc nhìn công nghệ, mà từ trải nghiệm của người trực tiếp tổ chức và triển khai các hoạt động bồi dưỡng cho CBQL và GVMN — những người vừa chứng kiến sự xuất hiện của AI, vừa phải thích ứng với nó trong thực tế nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của AI trong công tác bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp

Một thay đổi dễ nhận thấy nhất là người học ngày nay không còn phụ thuộc hoàn toàn vào lớp bồi dưỡng. Trước đây, giáo viên thường chờ được cung cấp tài liệu hoặc hướng dẫn trực tiếp; hiện nay họ chủ động tìm kiếm câu trả lời ngay khi gặp khó khăn trong công việc, trong đó AI trở thành một công cụ đồng hành thường xuyên. Người học mong muốn được hỗ trợ nhanh, đúng lúc và phù hợp với tình huống cụ thể thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức mang tính khái quát (UNESCO, 2021).

Từ góc độ báo cáo viên, AI thực sự mang lại nhiều hỗ trợ đáng kể. Việc chuẩn bị chuyên đề trở nên linh hoạt hơn khi AI giúp tổng hợp tài liệu, gợi ý cấu trúc nội dung và tạo ra nhiều tình huống sư phạm đa dạng. Những công việc mang tính kỹ thuật trước đây chiếm nhiều thời gian nay được rút ngắn, cho phép người bồi dưỡng tập trung nhiều hơn vào thiết kế trải nghiệm học tập và tương tác với học viên.

Đối với học viên, AI mở rộng cơ hội tự học sau khóa bồi dưỡng. Nhiều giáo viên chia sẻ rằng họ tiếp tục sử dụng AI khi quay trở lại trường để điều chỉnh kế hoạch giáo dục hoặc tìm ý tưởng mới. Như vậy, tác động của bồi dưỡng không còn dừng lại ở thời gian tập huấn mà kéo dài trong thực tiễn nghề nghiệp, phù hợp với xu hướng học tập suốt đời của giáo viên (OECD, 2019).

Từ thực tế này có thể khẳng định: AI đang trở thành một phần của hệ sinh thái học tập nghề nghiệp, chứ không chỉ là một công cụ công nghệ đơn lẻ.

2.2. Giới hạn của AI và vai trò không thể thay thế của báo cáo viên trực tiếp

Sử dụng AI trong quá trình bồi dưỡng cho thấy: AI hỗ trợ rất tốt việc cung cấp thông tin, AI đóng vai trò hỗ trợ quan trọng nhưng chưa thể thay thế trải nghiệm nghề nghiệp trực tiếp trong bồi dưỡng giáo viên mầm non.

Thực tiễn triển khai các hoạt động bồi dưỡng giáo viên mầm non hiện nay cho thấy hình thức tập huấn trực tiếp vẫn giữ vai trò chủ đạo và mang lại hiệu quả rõ rệt. Các lớp bồi dưỡng hiện nay vẫn chủ yếu được tổ chức theo hình thức trực tiếp với sự tham gia tích cực của giáo viên, mức độ tương tác nghề nghiệp cao và nhu cầu, không khí trao đổi chuyên môn tích cực. Trong quá trình bồi dưỡng, tập huấn, giáo viên không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn tham gia thảo luận, phân tích tình huống, chia sẻ kinh nghiệm tổ chức hoạt động giáo dục và cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn lớp học. Việc hình thành năng lực nghề nghiệp không chỉ dựa trên tri thức lý thuyết mà còn phụ thuộc vào quá trình thực hành, thử nghiệm và điều chỉnh hành vi nghề nghiệp trong môi trường tương tác sống động.

Năng lực nghề nghiệp giáo dục mầm non không hình thành từ việc “biết” mà từ việc “làm đúng trong tình huống thật”. Đây không chỉ là năng lực nhận thức mà còn là năng lực hành động, được hình thành thông qua quá trình thực hành, quan sát và phản hồi trực tiếp trong các tình huống cụ thể. Trong các buổi tập huấn, sự tiến bộ của giáo viên thường xuất hiện khi họ được quan sát, được thử nghiệm, được phản hồi ngay lập tức và được điều chỉnh bởi người có kinh nghiệm. Những sai lệch nhỏ trong cách tổ chức hoạt động hay tương tác với trẻ thường chỉ được nhận ra thông qua quan sát trực tiếp. Báo cáo viên đóng vai trò người hướng dẫn và điều chỉnh, giúp học viên nhận diện những sai lệch nhỏ trong tổ chức hoạt động giáo dục – những yếu tố mà AI khó có thể đánh giá đầy đủ khi thiếu bối cảnh thực tế. Chính vì vậy, mặc dù trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng hỗ trợ cung cấp thông tin nhanh chóng và đa dạng, công nghệ này hiện chưa thể thay thế trải nghiệm nghề nghiệp trực tiếp – yếu tố cốt lõi trong bồi dưỡng giáo viên mầm non.

Quan trọng hơn, nghề giáo dục mầm non là nghề giàu cảm xúc. Trong nhiều khóa bồi dưỡng, sự thay đổi nhận thức nghề nghiệp của giáo viên không đến từ nội dung lý thuyết mà từ sự chia sẻ trải nghiệm nghề, sự đồng cảm và động viên từ người hướng dẫn, từ cảm giác được thấu hiểu, chính sự kết nối giữa người với người bằng ngôn ngữ/ phi ngôn ngữ tạo ra động lực thay đổi nghề nghiệp. Đây là những khía cạnh mà AI hiện nay chưa thể tái hiện một cách trọn vẹn. AI có thể đưa ra lời khuyên, nhưng chưa thể truyền cảm hứng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, bồi dưỡng hiệu quả luôn diễn ra trong cộng đồng học tập. Khi giáo viên trao đổi, tranh luận và phản biện lẫn nhau, tri thức nghề nghiệp được hình thành sâu sắc hơn (OECD, 2019). Báo cáo viên không chỉ giảng dạy mà còn đóng vai trò kiến tạo môi trường học tập này. Đây là yếu tố mang tính xã hội mà AI khó có thể thay thế.

Thực tiễn cũng cho thấy khả năng hiểu bối cảnh giáo dục cụ thể của AI còn hạn chế AI thường đưa ra giải pháp mang tính phổ quát, trong khi giáo dục mầm non lại phụ thuộc mạnh vào bối cảnh địa phương, điều kiện trường lớp và đặc điểm đội ngũ. Người báo cáo viên với kinh nghiệm thực tiễn và sự hiểu biết bối cảnh có thể điều chỉnh nội dung bồi dưỡng phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, với từng địa phương – một năng lực mang tính nghề nghiệp cao, điều mà các hệ thống AI hiện nay khó thực hiện đầy đủ.

Bên cạnh đó, tác động của trí tuệ nhân tạo đến nội dung bồi dưỡng giáo viên mầm non hiện vẫn chưa thể hiện rõ nét. Điều này không phản ánh sự chậm đổi mới của hoạt động bồi dưỡng mà chủ yếu xuất phát từ đặc thù của giáo dục mầm non. Trọng tâm của giáo dục ở giai đoạn này là sự tương tác trực tiếp giữa con người với trẻ nhỏ, bao gồm yếu tố cảm xúc, giao tiếp, sự thấu hiểu tâm lý và khả năng xử lý linh hoạt các tình huống sư phạm. Đây là những năng lực mang tính cá nhân hóa cao và khó có thể được số hóa hoặc chuẩn hóa hoàn toàn thông qua công nghệ. Do đó, việc tích hợp AI vào nội dung bồi dưỡng cần được thực hiện theo hướng hỗ trợ và tăng cường hiệu quả đào tạo, thay vì thay thế các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp mang tính tương tác trực tiếp.

Trong bối cảnh đó, báo cáo viên trực tiếp giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn đóng vai trò người hướng dẫn, cố vấn nghề nghiệp và người điều chỉnh quá trình học tập của giáo viên. Thông qua kinh nghiệm thực tiễn, báo cáo viên giúp học viên nhận diện những chi tiết tinh tế trong tổ chức hoạt động giáo dục, từ ngôn ngữ giao tiếp, cách xử lý tình huống đến thái độ tương tác với trẻ. Đây là những yếu tố mang tính nghề nghiệp cao, khó được mô hình hóa hoàn toàn bằng thuật toán.

2.3. Định hướng phối hợp giữa AI và con người trong bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp

Từ trải nghiệm thực tiễn, vấn đề không phải là AI có thay thế báo cáo viên hay không, mà là sử dụng AI như thế nào để báo cáo viên làm tốt hơn vai trò của mình.

Một hướng tiếp cận hiệu quả là mô hình kết hợp hai yếu tố này. Trong mô hình đó, AI đảm nhận vai trò hỗ trợ xử lý thông tin, cá nhân hóa học tập và duy trì hỗ trợ liên tục sau bồi dưỡng, trong khi báo cáo viên tập trung vào dẫn dắt học tập, huấn luyện thực hành và phát triển năng lực nghề nghiệp sâu. AI đảm nhiệm vai trò hỗ trợ liên tục, còn con người đảm nhiệm vai trò dẫn dắt phát triển nghề nghiệp. Mô hình này cho phép phát huy đồng thời ưu thế công nghệ và giá trị không thể thay thế của con người. trong mô hình này, điều đáng chú ý là AI không làm giảm vai trò của báo cáo viên, mà ngược lại, buộc báo cáo viên phải chuyển đổi vai trò — từ người truyền đạt kiến thức sang người dẫn dắt quá trình phát triển nghề nghiệp, giúp học viên biết cách sử dụng AI một cách có chọn lọc, phản tư và phù hợp với bối cảnh giáo dục mầm non.

AI cũng nên được sử dụng để hỗ trợ và tăng cường hiệu quả của bồi dưỡng trực tiếp, thay vì thay thế hình thức bồi dưỡng vốn phù hợp với đặc thù giáo dục mầm non. Trong xu thế chuyển đổi số giáo dục, AI đang mở ra nhiều khả năng đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Tuy nhiên, đối với giáo dục mầm non, việc ứng

dụng AI cần được định hướng theo nguyên tắc hỗ trợ, nhằm nâng cao hiệu quả của hình thức bồi dưỡng trực tiếp – vốn đã được thực tiễn chứng minh là phù hợp với đặc thù nghề nghiệp.

3. Kết luận

Từ góc nhìn của người trực tiếp bồi dưỡng, AI là một cơ hội lớn để đổi mới công tác phát triển nghề nghiệp cho CBQL và GVMN thông qua việc mở rộng khả năng tiếp cận tri thức và hỗ trợ học tập liên tục. AI giúp việc học trở nên linh hoạt hơn, liên tục hơn và cá nhân hóa hơn. Tuy nhiên, bản chất của phát triển năng lực nghề nghiệp trong giáo dục mầm non vẫn gắn chặt với trải nghiệm thực tiễn, tương tác xã hội và giá trị nhân văn của nghề giáo. Vì vậy, tương lai của bồi dưỡng giáo viên mầm non không phải là thay thế con người bằng AI, mà là xây dựng sự cộng hưởng giữa hai yếu tố: AI hỗ trợ hiệu quả – con người dẫn dắt sự phát triển nghề nghiệp. Đây không chỉ là lựa chọn công nghệ, mà là lựa chọn cách giữ gìn bản chất nhân văn của giáo dục trong thời đại trí tuệ nhân tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Kolb, D. A. (1984). *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Prentice Hall.
- OECD. (2019). *TALIS 2018 results (Volume I): Teachers and school leaders as lifelong learners*. OECD Publishing.
- UNESCO. (2021). *AI and education: Guidance for policy-makers*. UNESCO.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO VIÊN MẦM NON TRONG THỜI ĐẠI AI TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

ThS.Nguyễn Hữu Việt Anh
Trường CĐSP Bắc Ninh

1. Mở đầu

Chúng ta đang sống và làm việc trong môi trường số phát triển và thay đổi không ngừng, tác động trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Ngành Giáo dục và đào tạo cũng không ngoại lệ, đặc biệt là ở bậc mầm non; việc đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng chuyển đổi số (CDS) và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trong bối cảnh hiện nay nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của xã hội là vấn đề đang được đặt ra rất cấp bách. Trong yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục mầm non (GDMN) (Bộ GD&ĐT, 2021) và Chương trình thí điểm mới đây cũng đã nhấn mạnh việc tăng cường ứng dụng phương tiện công nghệ và học liệu số trong tổ chức hoạt động giáo dục, qua đó đòi hỏi giáo viên tương lai phải có khả năng thiết kế và triển khai các sản phẩm số hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Cùng với Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học, nhiều nhà khoa học, trường sư phạm đã nghiên cứu và đề xuất khung năng lực số cho sinh viên ngành GDMN theo các đặc thù đặc trưng. Nhiều tỉnh thành trong cả nước đang đẩy mạnh các nội dung cụ thể về CDS theo tinh thần quyết liệt của TW (văn bản số 8177/BKHCN-CĐSQG ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ V/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030, Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;...). Đây chính là cơ hội cho các trường sư phạm có thể đẩy nhanh tiến độ xây dựng và triển khai nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên mầm non (GVMN) trong môi trường số, đặc biệt là về AI. Trong bối cảnh chung nói trên, Trường CĐSP Bắc Ninh đã tập trung một số giải pháp trong công tác đào tạo; bồi dưỡng CBQL, GVMN trong thời đại AI bước đầu góp phần đáp ứng được yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương trong bối cảnh CDS sâu rộng.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận, pháp lý đề xuất các giải pháp đào tạo và bồi dưỡng CBQL, GVMN trong thời đại AI

Một số khái niệm liên quan: Theo Thông tư 18 của Bộ GD&ĐT (Bộ GD&ĐT, 2026), *Trí tuệ nhân tạo* là lĩnh vực khoa học và công nghệ nhằm tạo ra các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện những chức năng trí tuệ của con người như học tập, suy luận, nhận thức, giao tiếp và ra quyết định. *Trí tuệ nhân tạo tạo sinh* là một lĩnh

vực con của trí tuệ nhân tạo (AI) tập trung vào việc tạo ra dữ liệu mới, có thể là văn bản, hình ảnh, âm thanh, hoặc video, dựa trên dữ liệu đầu vào đã có trước đó.

Thuyết kiến tạo và lý thuyết kết nối: Thuyết kiến tạo trong đào tạo, bồi dưỡng trong ngành GDMN hiện nay vẫn đang là một xu hướng hiện đại đang được nhiều nước xem là cơ sở lý luận trong các tiến trình đổi mới. Với chu trình kiến tạo, học trải nghiệm mà D. Kolb đề xuất bắt đầu từ khám phá, tiếp đến là phản tỉnh, dự đoán và thử nghiệm tích cực. Trong 20 năm qua, công nghệ đã tái tổ chức cách sống, cách giao tiếp/truyền thông, và cách học của chúng ta. Các nhu cầu và lý thuyết học mô tả những nguyên lý và tiến trình học phải phản ánh môi trường xã hội nền tảng. Vaill nhấn mạnh rằng “học phải là một cách hiện hữu – một tổng thể thái độ và hành động của các cá nhân và nhóm, khiến họ tìm cách bắt kịp những sự kiện bất ngờ, mới mẻ, hỗn độn, nổi lên, lặp lại...”. Mới 40 năm trước đây, người học chỉ cần hoàn thành chương trình học ở nhà trường rồi vào làm một nghề thường kéo dài suốt đời. Thông tin phát triển chậm. Đời sống của kiến thức đo được bằng thập niên. Ngày nay, các nguyên lý nền tảng đã thay đổi. Kiến thức tăng trưởng theo cấp số nhân. AI hỗ trợ cá nhân hóa học tập (personalized learning), cho phép GVMN tiếp cận kho dữ liệu tri thức khổng lồ và xây dựng lộ trình bồi dưỡng riêng.

Năng lực số của nhà giáo: Không chỉ là kỹ năng tin học, mà là khả năng tư duy AI, sử dụng AI để đánh giá, thiết kế môi trường giáo dục, và tương tác với trẻ em một cách an toàn. Theo Thông tư 18 của Bộ GDĐT (Bộ GD&ĐT, 2026), một trong những điểm nổi bật của Thông tư là việc lần đầu tiên thiết lập một Khung năng lực số thống nhất cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục. Với cấu trúc gồm 06 miền năng lực và 20 năng lực thành phần, bao quát toàn diện các hoạt động dạy học và quản lý trong môi trường số, Thông tư có nhiều điểm mới đáng chú ý. *Thứ nhất*, Khung năng lực chuyển trọng tâm từ việc “sử dụng công nghệ” sang “tổ chức dạy học trong môi trường số”, yêu cầu giáo viên thiết kế, tổ chức và quản lý hoạt động dạy học trên nền tảng số, hướng tới cá nhân hóa người học và tăng cường tương tác, hợp tác trong học tập. *Thứ hai*, công nghệ số được tích hợp một cách hệ thống vào kiểm tra, đánh giá, với yêu cầu sử dụng công cụ số để đa dạng hóa hình thức đánh giá, phân tích dữ liệu học tập và hỗ trợ điều chỉnh quá trình dạy học. *Thứ ba*, Khung năng lực nhấn mạnh việc trao quyền cho người học thông qua công nghệ, tạo môi trường học tập số có tính tiếp cận, hòa nhập, thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của người học. *Thứ tư*, các yêu cầu về kỹ năng công nghệ số được quy định gắn với bảo đảm an toàn thông tin và đạo đức số, bao gồm khả năng tìm kiếm, đánh giá thông tin, sáng tạo nội dung số và phòng tránh rủi ro trong môi trường số. *Thứ năm*, Khung năng lực gắn phát triển năng lực số với phát triển chuyên môn liên tục, khuyến khích giáo viên sử dụng công nghệ để hợp tác, học tập suốt đời và xây dựng cộng đồng học tập số. *Thứ sáu*, lần đầu tiên trí tuệ nhân tạo (AI) được đưa thành một miền năng lực riêng, với yêu cầu ứng dụng AI trong dạy học và phát triển chuyên môn đi đôi với các nguyên tắc về đạo đức, minh bạch, công bằng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. *Thứ bảy*, các năng lực được thiết kế

theo 03 mức độ: cơ bản, thành thạo và nâng cao, tạo cơ sở để đánh giá, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ theo lộ trình phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số.

Quản lý giáo dục thông minh: CBQL cần kỹ năng phân tích dữ liệu, ra quyết định dựa trên minh chứng (data-driven decisions) để quản lý hoạt động bồi dưỡng hiệu quả. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo (AI) đang dần khẳng định vai trò trung tâm trong việc tái cấu trúc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Quản lý giáo dục, vốn là một hoạt động mang tính hệ thống, đòi hỏi sự phối hợp giữa con người, công nghệ và tổ chức, đang đứng trước cơ hội chuyển mình mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ của các công nghệ mới, đặc biệt là AI. Hiện nay, các mô hình quản lý giáo dục truyền thống đang bộc lộ nhiều hạn chế, như sự chậm trễ trong thu thập và xử lý thông tin, thiếu cơ sở dữ liệu đáng tin cậy để ra quyết định, và khó khăn trong việc cá nhân hóa quản lý đối với từng đối tượng người học, giáo viên. Trong khi đó, AI với khả năng phân tích dữ liệu lớn, học hỏi và thích nghi liên tục, hứa hẹn mang lại những giải pháp đột phá, giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa quy trình vận hành và dự báo xu hướng phát. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội to lớn, việc ứng dụng AI trong quản lý giáo dục cũng đặt ra nhiều thách thức. Các vấn đề về bảo mật dữ liệu cá nhân, đạo đức trong sử dụng AI, chi phí đầu tư ban đầu cao, và sự chênh lệch về năng lực công nghệ giữa các địa phương, cơ sở giáo dục là những trở ngại không thể xem nhẹ. Việc thiếu hụt nguồn nhân lực quản lý am hiểu công nghệ cũng làm gia tăng nguy cơ lạm dụng, vận hành sai lệch hoặc phụ thuộc quá mức vào AI. Trước những vấn đề trên, bài báo này nhằm phân tích thực trạng ứng dụng AI trong quản lý giáo dục hiện nay, làm rõ những cơ hội mà AI mang lại, đồng thời nhận diện các thách thức và rào cản lớn cần vượt qua.

Luật Giáo dục 2019: Khẳng định quyền và trách nhiệm của nhà giáo trong việc tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức.

Chương trình GDMN (Bộ GD&ĐT): Yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, trong đó tin học và công nghệ là công cụ hỗ trợ quan trọng. Theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình giáo dục mầm non, năm học 2025-2026, chương trình giáo dục mầm non mới sẽ được triển khai thí điểm với những yêu cầu cập nhật về nội dung, phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em cũng đã được đề cập tại phần nhiệm vụ chung trong Công văn số 4868/BGDĐT-GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 29/8/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non.

Trước tình hình trên, các trường mầm non cần có những kế hoạch cụ thể, đặc biệt trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên có thể ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Các quy định về chuẩn nghề nghiệp GVMN & CBQL: Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (GVMN) và Cán bộ quản lý (CBQL) được quy định chủ yếu tại Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT và Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT (chuẩn hiệu trưởng),

bao gồm các tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn, năng lực xây dựng môi trường, phát triển mối quan hệ và khả năng sử dụng công nghệ/ngoại ngữ. Nhấn mạnh năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong công tác.

Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số: Chiến lược chuyển đổi số quốc gia Việt Nam đến năm 2025, định hướng 2030 (theo Quyết định 749/QĐ-TTg) tập trung phát triển toàn diện 3 trụ cột: Chính phủ số, Kinh tế số, và Xã hội số. Mục tiêu kép là vừa chuyển đổi số toàn diện, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Make in Viet Nam, nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia số ổn định, thịnh vượng. Đó chính là đặt nền móng cho việc ứng dụng AI trong quản lý và giảng dạy.

2.2. Đề xuất các giải pháp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong thời đại AI tại Trường CĐSP Bắc Ninh

2.2.1. Tập trung rà soát, bổ sung Chương trình đào tạo sinh viên GDMN đáp ứng yêu cầu CDS của xã hội

Ngay sau khi Nhà nước có chủ trương đẩy mạnh nhiệm CDS, Nhà trường đã căn cứ định hướng của Bộ GD&ĐT trong phát triển chương trình GDMN, chủ động các bước để xây dựng Chương trình đồng bộ; trong đó trọng tâm vào đổi mới Chương trình môn Tin học theo định hướng CDS, ĐT trong môi trường có tham gia của AI.

2.2.2. Ưu tiên công tác NCKH về lĩnh vực CDS trong đội ngũ

Đây có thể nói là nhiệm vụ nhằm mong muốn đạt được 2 mục tiêu, thứ nhất là đặt sự quan tâm, ưu tiên của Nhà trường đối với vấn đề khó, mới; thứ hai là nâng cao trình độ của đội ngũ CBQL, Giảng viên của Trường. Kết quả là nhiều công trình NCKH có chất lượng đã được công bố kịp thời.

2.2.3. Chỉ đạo xây dựng Khung NLS đối với sinh viên ngành GDMN

Căn cứ vào Khung NLS của Bộ GD&ĐT theo TT 02/2025/TT-BGDĐT; Nhà trường đã xây dựng và đề xuất khung NLS với đặc thù rất riêng, rất đặc trưng của sinh viên ngành GDMN. Sản phẩm đã được công bố trong Tạp chí GD 2025. Tiếp tục mở rộng và nghiên cứu xây dựng Khung đánh giá NL sáng tạo nội dung số cho sinh viên sư phạm MN dựa trên quy trình thiết kế kỹ thuật EDP (công bố tại tạp chí GD, Tập 26, số 5 tháng 3/2026).

2.2.4. Phối hợp với một số ngành liên quan, tổ chức bồi dưỡng năm 2025 các chuyên đề sâu cho CBQL, GVMN một số đơn vị

Chuyên đề 1: Tổng quan và nguyên tắc quan trọng khi khai thác sử dụng AI trong công tác quản lý, công tác, chăm sóc trẻ: Giới thiệu tổng quan về AI và vai trò của AI trong công tác quản trị, quản lý, dạy học bậc MN; Một số nguyên tắc, thủ thuật trong việc khai thác trí tuệ nhân tạo AI.

Chuyên đề 2: Ứng dụng AI (Chat GPT, Gemini, NotebookLM,..) trong công việc quản lý, chuyên môn của GVMN: Ứng dụng AI để xử lý, phân tích dữ liệu; xây dựng công văn, báo cáo, kế hoạch,..

Chuyên đề 3: Thực hành và chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng AI trong quản lý và dạy học đối với GVMN.

2.2.5. Tham mưu với UBND tỉnh Bắc Ninh đầu tư CSVC đồng bộ cho Trường giai đoạn 2026-2030 để thực hiện nhiệm vụ CDS

- a) Nâng cấp hạ tầng CNTT toàn trường bảo đảm thực hiện Kế hoạch 17/KH-UBND và các mục tiêu về hạ tầng số tỉnh Bắc Ninh tại CĐSP Bắc Ninh
- b) Ứng dụng IoT trong quản lý cơ sở vật chất, ký túc xá, phòng học của Trường CĐSP Bắc Ninh
- c) Hệ thống quản lý tích hợp AI liên thông dữ liệu của Trường CĐSP Bắc Ninh
- d) Triển khai Firewall và hệ thống giám sát ATTT tại Trường CĐSP Bắc Ninh

Với những giải pháp nêu trên, bước đầu Nhà trường có thể đáp ứng yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV trong thời đại AI.

3. Kết luận

Những giải pháp trên được chủ động đề xuất, phối hợp triển khai tại Trường CĐSP Bắc Ninh trong vài năm trở lại đây và hiện tại đang đẩy mạnh các khâu của quá trình. Chúng tôi cho rằng, trong tương lai, các giải pháp này sẽ tiếp tục điều chỉnh bổ sung và làm sâu trên các trụ cột phát triển đội ngũ, cơ sở vật chất và cơ chế chính sách; nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý ngành GDMN trong thời đại AI sẽ góp phần nâng cao chất lượng GD&ĐT./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bers, M. U. (2019). *Coding as another language: A pedagogical approach for teaching computer science in early childhood*. *Journal of Computers in Education*, 6(4), 499-528. <https://doi.org/10.1007/s40692-019-00147-3>
- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình giáo dục mầm non*.
- Bộ GD-ĐT (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 Quy định khung năng lực số cho người học*.
- Bộ GD-ĐT (2026). *Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 Ban hành khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*.
- Bui, T. T. H. (2024). *Developing creative thinking in STEM education through design-based learning*. *VNU Journal of Science: Education Research*, 40(2). <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4888>
- Capraro, R. M., & Jones, M. (2013). *Interdisciplinary Stem Project-Based Learning*. In R. M. Capraro, M. M.
- Cinar, S. (2019). *Integration of engineering design in early education: How to achieve it*. *Cypriot Journal of Educational Science*. 14(4), 520-534. <https://doi.org/10.18844/cjes.v11i4.4057>
- Xi, F., Ma, H., Pi, Z., Dong, Y., Sun, J., & Jin, R. (2024). *Integrating the engineering design process into the conceive-design-implement-operate model for promoting high school students' STEM competence*. *Educational technology research and development*, 72(4), 2267-2295.

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ VÀ NHU CẦU BỒI DƯỠNG CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

ThS. Nguyễn Văn Danh

Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

1. Mở đầu

Sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đưa Trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành một trong những động lực cốt lõi thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số toàn diện trên bình diện toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Theo định hướng của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc về việc ứng dụng AI tạo sinh (Generative AI), công nghệ này đang định hình lại phương pháp sư phạm, cách thức cá nhân hóa lộ trình học tập và tối ưu hóa quy trình quản trị giáo dục (UNESCO, 2023). Riêng đối với giáo dục mầm non – bậc học mang tính nền tảng đòi hỏi tính trực quan sinh động cao, AI cho thấy tiềm năng vô cùng to lớn. Các nghiên cứu học thuật gần đây đã chỉ ra rằng, ứng dụng AI trong giáo dục sớm không chỉ giới hạn ở việc tương tác máy móc, mà giá trị cốt lõi nằm ở việc hỗ trợ giáo viên tạo ra các hình ảnh, video hoạt hình sinh động, gợi mở các ý tưởng sư phạm sáng tạo và cắt giảm triệt để thời gian soạn giảng (Su & Yang, 2022). Đây cũng chính là những lợi ích thực tiễn mà đội ngũ nhà giáo luôn kỳ vọng để nâng cao chất lượng bài giảng.

Tuy nhiên, quá trình đưa AI từ tiềm năng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tại các trường mầm non đang vấp phải một nghịch lý sâu sắc. Đặc thù nghề nghiệp của giáo viên mầm non gắn liền với khối lượng công việc chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ vô cùng lớn, đòi hỏi sự giám sát liên tục và chiếm trọn vẹn quỹ thời gian trực tiếp trên lớp. Sự căng thẳng về mặt thời gian và áp lực công việc khiến phần lớn giáo viên rơi vào trạng thái quá tải, hầu như không còn quỹ thời gian trống để tự mày mò, nghiên cứu hay làm quen với các công nghệ mới mang tính đột phá. Thêm vào đó, rào cản về sự thiếu hụt cơ sở vật chất đồng bộ, hệ thống máy tính và đường truyền internet tại các điểm trường chưa đáp ứng đủ yêu cầu đã làm trầm trọng thêm vấn đề. Hệ quả tất yếu là một khoảng trống lớn về năng lực số: dù nhận thức được tầm quan trọng của AI, năng lực thực hành của phần đông giáo viên hiện nay chỉ dừng lại ở mức “Biết sơ qua” hoặc “Biết rõ” về mặt khái niệm, tỷ lệ giáo viên có thể ứng dụng “Thành thạo” hoặc “Rất thành thạo” các công cụ AI vào công việc hàng ngày là rất hiếm hoi.

Tại Việt Nam, tiến trình chuyển đổi số ngành giáo dục đang được đẩy mạnh mẽ theo lộ trình của Quyết định 131/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành, với mục tiêu ứng dụng triệt để công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy và học (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Hòa chung nhịp độ đó, ngành giáo dục tỉnh Khánh Hòa cũng đang nỗ lực thúc đẩy năng lực số cho đội ngũ nhà giáo. Dù vậy, thực tiễn tại địa phương cho thấy việc triển khai bồi dưỡng công nghệ cho giáo viên mầm non đang đối

mặt với những thách thức mang tính đặc thù. Do rào cản về kỹ năng công nghệ nền tảng và tâm lý e ngại sự phức tạp của các câu lệnh (prompt), giáo viên thường gặp khó khăn khi tham gia các khóa học online thuần túy vì không theo kịp thao tác máy móc. Thực trạng này đặt ra một yêu cầu bức thiết: quy trình bồi dưỡng không thể dừng lại ở việc phổ biến lý thuyết chung chung, mà phải chuyển hướng sang các hình thức tập huấn mang tính “cầm tay chỉ việc”, thực hành trực tiếp và bám sát vào đúng những khó khăn thực tế mà nhà giáo đang đối mặt.

Để giải quyết bài toán trên, việc tiến hành một nghiên cứu bài bản, dựa trên dữ liệu thực chứng tại địa phương là điều kiện tiên quyết. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu *"Thực trạng năng lực ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ và nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa"* được thực hiện. Nghiên cứu hướng đến hai mục tiêu cốt lõi: (1) Khảo sát và đánh giá chính xác thực trạng năng lực, mức độ ứng dụng AI của đội ngũ giáo viên mầm non hiện nay; và (2) Định vị rõ những rào cản thực tế cùng nhu cầu bồi dưỡng cụ thể của giáo viên. Thông qua các kết quả phân tích, nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp cơ sở khoa học vững chắc để đề xuất các giải pháp tập huấn, bồi dưỡng khả thi, giúp giáo viên mầm non tại Khánh Hòa thực sự làm chủ công nghệ, giảm tải áp lực công việc và nâng cao chất lượng giáo dục trong kỷ nguyên số.

2. Nội dung

Nghiên cứu này được tiến hành dựa trên thiết kế nghiên cứu hỗn hợp (Mixed-methods research), kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp tiếp cận định lượng và định tính. Mẫu khảo sát gồm 600 giáo viên mầm non. Các đặc điểm nhân khẩu học cơ bản của mẫu khảo sát như sau:

Giới tính: Hầu hết là nữ giới chiếm 99,8%, chỉ duy nhất 1 GVMN trong mẫu khảo sát là nam giới.

Độ tuổi: Lực lượng giáo viên chủ yếu nằm trong độ tuổi chín mươi về nghề nghiệp, với 39,2% từ 36-45 tuổi và 35% từ 25-35 tuổi. Tỷ lệ giáo viên trên 45 tuổi chiếm 21,5%.

Trình độ chuyên môn: Khách thể nghiên cứu có trình độ chuyên môn cao, trong đó 78,3% đạt trình độ Đại học và 20,7% đạt trình độ cao đẳng.

Thâm niên công tác: Đa số giáo viên có bề dày kinh nghiệm với 37,8% có thâm niên từ 11-20 năm và 22,7% công tác trên 20 năm.

Địa bàn công tác: Khảo sát được tiến hành trên cả địa bàn Khánh Hòa (cũ) với tỷ lệ 75,3% và tại Ninh Thuận (cũ) tỷ lệ 24,7%. Xét theo khu vực, 48,5% giáo viên công tác tại xã đồng bằng, 30,3% tại xã miền núi và 21,2% tại khu vực phường.

2.1. Thực trạng năng lực và mức độ ứng dụng AI

Kết quả khảo sát thực trạng năng lực và mức độ ứng dụng AI của GVMN Khánh Hòa được trình bày qua bảng sau:

Bảng 1. Năng lực ứng dụng AI của GVMN Khánh Hòa (4/2026)

Mức độ	1-Không biết		2-Biết sơ qua		3-Biết rõ		4-Thành thạo		5-Rất thành thạo		ĐTB
Nội dung	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
8. Tôi biết về Trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ phổ biến (ChatGPT, Canva AI...)	15	2.5	255	42.5	236	39.3	75	12.5	19	3.2	2.7
9. Tôi đã từng sử dụng AI để soạn kế hoạch CS-GD trẻ	40	6.7	250	41.7	211	35.2	79	13.2	20	3.3	2.6
10. Tôi biết dùng AI tạo hình ảnh minh họa, video ngắn cho các hoạt động CS-GD trẻ	56	9.3	271	45.2	175	29.2	78	13	20	3.3	2.6
11. Tôi sử dụng AI hỗ trợ theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ	83	13.8	258	43	177	29.5	61	10.2	21	3.5	2.5
12. Tôi biết cách sử dụng AI để giao tiếp với phụ huynh (chatbot, tin nhắn tự động)	98	16.3	242	40.3	162	27	75	12.5	23	3.8	2.5
Tổng	292	9.7	1276	42.5	961	32	368	12.3	103	3.4	2.6

Như được minh họa tại Bảng 1, kết quả khảo sát cho thấy năng lực ứng dụng AI của GVMN hiện vẫn đang ở giai đoạn sơ khởi. Xét trên thang điểm 5, điểm trung bình (ĐTB) của các tiêu chí tự đánh giá (từ câu 8 đến câu 12) chỉ dao động trong khoảng từ 2.5 đến 2.7. Trong đó, mức độ am hiểu chung về AI và các công cụ phổ biến (ChatGPT, Canva AI...) đạt 2.7 điểm, trong khi những kỹ năng chuyên sâu hơn như sử dụng AI để theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ hay giao tiếp với phụ huynh lại thấp hơn, dừng ở mức 2.5 điểm. Đáng chú ý, tỷ lệ giáo viên đạt đến độ “Thành thạo” (12.3%) và “Rất thành thạo” (3.4%) chiếm tỷ trọng vô cùng khiêm tốn. Phần lớn khách thể nghiên cứu tự xếp mình vào nhóm “Biết sơ qua” (42.5%) và “Biết rõ” (32%). Những số liệu này chỉ ra rằng quá trình tiếp cận AI của đội ngũ nhà giáo mới chỉ dừng ở bề mặt, chưa tiến tới việc làm chủ triệt để công cụ nhằm tối ưu hóa công tác chuyên môn.

Bảng 2. Năng lực chuyển đổi số chung của GVMN Khánh Hòa (4/2026)

Mức độ	1-Không biết		2-Biết sơ qua		3-Biết rõ		4-Thành thạo		5-Rất thành thạo		ĐTB
Nội dung	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
13. Sử dụng phần mềm quản lý trường học (SMAS, Vnedu...)	52	8.7	195	32.5	222	37	97	16.2	34	5.7	2.8
14. Sử dụng Google Workspace/Office 365 trong công việc	61	10.2	212	35.3	212	35.3	94	15.7	21	3.5	2.7
15. Xây dựng bài giảng điện tử, sử dụng màn hình tương tác	25	4.2	223	37.2	231	38.5	98	16.3	23	3.8	2.8
16. Quản lý dữ liệu trẻ em trên nền tảng số (hồ sơ điện tử)	32	5.3	180	30	244	40.7	113	18.8	31	5.2	2.9
Tổng	170	7.1	810	33.8	909	37.9	402	16.8	109	4.5	2.8

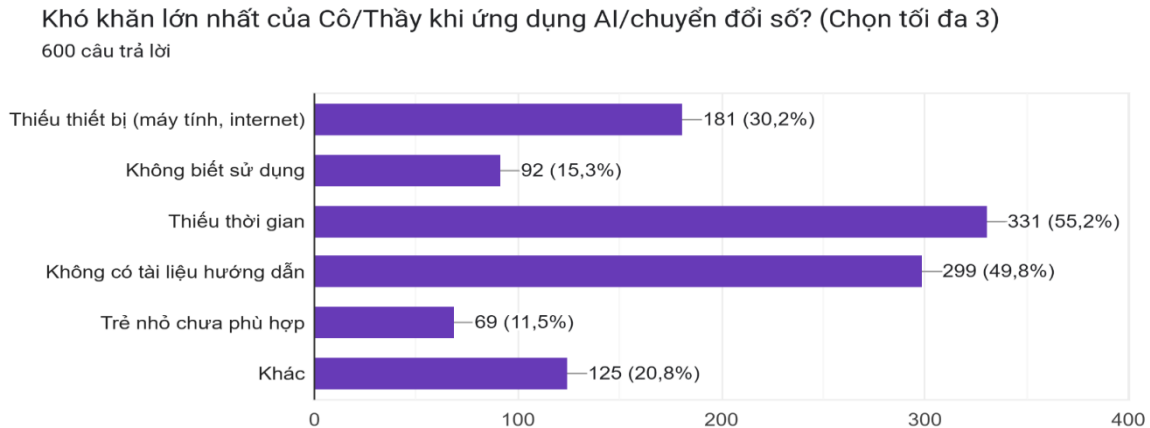
Dữ liệu trên cho thấy, hạn chế này càng bộc lộ rõ nét khi đặt trong lăng kính đối sánh với năng lực chuyển đổi số nói chung. Phân tích số liệu từ câu 13 đến câu 16 cho thấy, nhóm kỹ năng khai thác các phần mềm quản lý trường học (SMAS, VnEdu), lưu trữ hồ sơ điện tử hay thiết kế bài giảng tương tác ghi nhận mức ĐTB cao hơn đáng kể, dao động từ 2.7 đến 2.9 (tổng ĐTB toàn nhóm là 2.8). Điển hình là kỹ năng quản lý dữ liệu trẻ em trên nền tảng số dẫn đầu với ĐTB 2.9 và 40.7% giáo viên đánh giá bản thân đạt mức “Biết rõ”. Sự chênh lệch này là tất yếu bởi hệ thống cơ sở dữ liệu đã được ngành giáo dục chuẩn hóa và yêu cầu triển khai từ lâu, giúp giáo viên hình thành hệ phản xạ kỹ năng cố định. Trong khi đó, AI là bước sóng công nghệ mới bùng nổ, đòi hỏi sự linh hoạt và khả năng tự học lớn, tất yếu tạo ra sự lúng túng nhất định trong giai đoạn đầu chuyển giao.

Dù chưa thật sự tự tin về mặt năng lực, lực lượng GVMN lại thể hiện sự nhạy bén đáng ghi nhận trong việc nắm bắt những tiện ích cốt lõi của công nghệ. Xét về mức độ và hình thức ứng dụng thực tế (câu 9 và 10), họ chủ yếu huy động AI vào hai khâu tiêu tốn nhiều tâm sức nhất: hỗ trợ soạn kế hoạch chăm sóc - giáo dục (ĐTB 2.6) và kiến tạo hình ảnh minh họa, video ngắn (ĐTB 2.6). Những phản hồi định tính càng củng cố thêm xu hướng này khi rất nhiều giáo viên phản khởi chia sẻ rằng “*AI/công nghệ giúp tiết kiệm thời gian soạn giáo án*” và hỗ trợ đắc lực trong việc tìm kiếm “*ý tưởng hoạt động phong phú*”. Đứng từ góc độ hiệu quả giáo dục, họ khẳng định AI có khả năng thiết kế “*hình ảnh sinh động, thu hút trẻ*”, làm cho “*trẻ hứng thú*” và “*kích thích tính tò mò ham học hỏi*” vượt trội so với phương pháp truyền thống. Như vậy, bức tranh ứng dụng AI hiện tại đang đan xen giữa thái độ cởi mở, hào hứng tiếp nhận

với những khoảng trống lớn về kỹ năng thao tác, tạo ra một “điểm nghẽn” thực tiễn cần được khẩn trương khơi thông.

2.2. Những rào cản và khó khăn thực tế

Để khơi thông “điểm nghẽn” năng lực nêu trên và chuyển hóa sự hào hứng ban đầu thành kỹ năng sư phạm thuần thực, cần nhìn nhận thấu đáo những rào cản đang trực tiếp kìm hãm quá trình trải nghiệm công nghệ của giáo viên.



Biểu đồ 1. Khó khăn lớn nhất của GVMN khi ứng dụng AI/chuyển đổi số

Quan sát Biểu đồ 1, có thể nhận thấy nổi cộm nhất trong hệ thống rào cản chính là áp lực về mặt thời gian, với 55.2% giáo viên khẳng định “Thiếu thời gian” là khó khăn lớn nhất. Đặc thù của bậc học mầm non buộc giáo viên phải cuốn vào nhịp độ chăm sóc, nuôi dưỡng liên tục. Những lời bộc bạch như “*thời gian trên lớp của tôi đã quá tải rồi*” hay “*công việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ chiếm nhiều thời gian*” đã phản ánh chân thực một quỹ thời gian vô cùng eo hẹp. Khi gánh nặng chuyên môn trên lớp khép lại, buổi tối là lúc họ xoay xở với công việc gia đình và chuẩn bị giáo án cho ngày mới. Vì vậy, việc dành hàng giờ đồng hồ để mày mò các câu lệnh (prompt) tối ưu là một thách thức lớn: “*buổi tối còn phải lo cho con cái, gia đình, nên có khi 9,10h tối mới ngồi vào máy tính làm, làm xong 1 bài giảng AI hay, chất lượng thì nhiều lúc cũng phải 1,2h sáng*”.

Bên cạnh áp lực thời gian, sự hụt hẫng về phương pháp tiếp cận cũng tạo ra sức ỳ đáng kể. Khảo sát chỉ ra 49.8% ý kiến đang vướng mắc vì “*Không có tài liệu hướng dẫn*” và 15.3% thừa nhận “*Không biết sử dụng*”. Sự bùng nổ của quá nhiều công cụ số khiến những người tự mày mò rơi vào trạng thái nhiễu loạn thông tin, “*quá nhiều nên dẫn đến khó lựa chọn, chưa nắm rõ cách khai thác triệt để*”, từ đó làm nảy sinh nhu cầu bức thiết về một bộ “*hướng dẫn cụ thể chính thống*”. Bài toán này càng trở nên nan giải với nhóm nhà giáo lớn tuổi – những người chịu rào cản kép về độ nhạy bén công nghệ: “*tuổi cao, kiến thức về tin học còn hạn chế*” và “*với những cô lớn tuổi việc tiếp nhận công nghệ cũng gặp nhiều khó khăn*”.

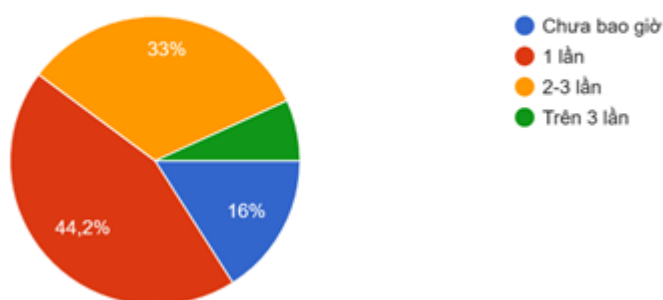
Mất xích yếu cuối cùng nhưng không kém phần cản trở là các điều kiện hạ tầng và tài chính. Có 30.2% giáo viên đối diện với khó khăn do “*Thiếu thiết bị (máy tính,*

internet)”, cụ thể là “đường truyền internet nhiều khi không được tốt” và “thiếu thiết bị để cháu có thể tương tác trên màn hình”. Thêm vào đó, chi phí duy trì phần mềm cũng là một rào cản đáng ngại. Đa số các ứng dụng thiết kế đồ họa, video sắc nét đều khóa tính năng cao cấp, buộc người dùng phải “*nạp tiền để đăng kí*” hoặc “*mất một khoản phí lớn để đầu tư*”. Thực trạng “*đa số bản pro đều tính phí*” không chỉ gây cản trở trải nghiệm mà còn làm nản lòng nỗ lực đổi mới sáng tạo trong điều kiện thu nhập của giáo viên còn nhiều hạn chế.

2.3. Nhu cầu bồi dưỡng và nâng cao năng lực

Sự cộng hưởng phức tạp giữa áp lực thời gian, rào cản thao tác và thiếu hụt hạ tầng cho thấy ngành giáo dục không thể phó mặc tiến trình chuyển đổi số cho sự “tự bơi” của từng cá nhân. Một chiến lược bồi dưỡng mang tính hệ thống, sát sườn với thực tiễn đang trở thành đòi hỏi cấp bách hơn bao giờ hết.

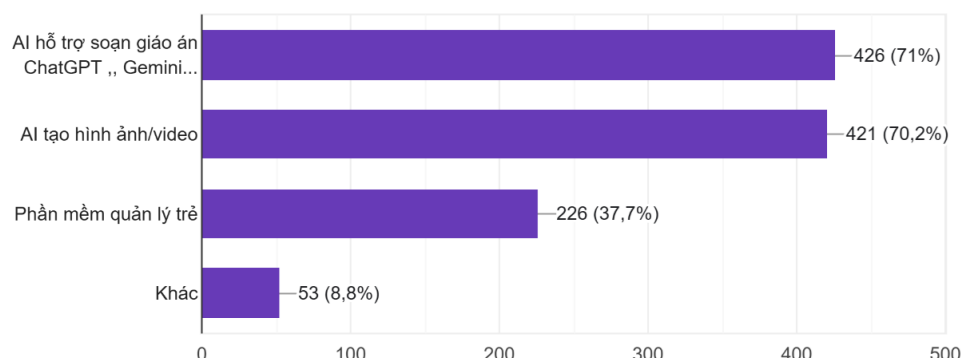
Cô/Thầy đã tham gia tập huấn về AI/chuyển đổi số chưa?
600 câu trả lời



Biểu đồ 2. Thực trạng tham gia tập huấn về AI/chuyển đổi số của GVMN

Như được trình bày tại Biểu đồ 2, tính cấp bách này được minh chứng rõ nét qua tiền sử đào tạo của lực lượng GVMN. Tỷ lệ giáo viên mới chỉ được tiếp cận các lớp tập huấn ở mức độ 1 lần chiếm tỷ trọng cao nhất (44.2%), và đáng quan ngại hơn, 16% khách thể khảo sát thừa nhận “*Chưa bao giờ*” tham gia bất kỳ chương trình bồi dưỡng nào về AI. Đây chính là căn nguyên sâu xa lý giải cho việc năng lực tự đánh giá của phần đông giáo viên vẫn chững lại ở mức “*Biết sơ qua*”.

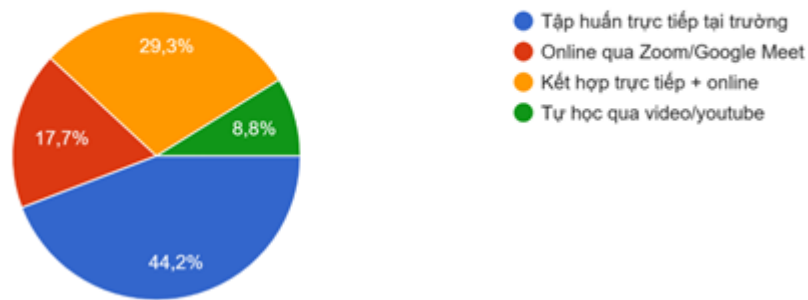
Công cụ AI nào Cô/Thầy quan tâm học thêm? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều)
600 câu trả lời



Biểu đồ 3. Các công cụ AI mà GVMN quan tâm được học thêm

Phân tích số liệu từ Biểu đồ 3 cho thấy, mặc dù xuất phát điểm còn khiêm tốn, định hướng phát triển chuyên môn của giáo viên lại vô cùng mạch lạc. Khi khảo sát về nhóm công cụ mong muốn được đào sâu, hai lựa chọn áp đảo thuộc về AI hỗ trợ soạn giáo án (ChatGPT, Gemini...) với 71% và AI tạo hình ảnh/video đạt 70.2%. Con số này bỏ xa nhu cầu tìm hiểu phần mềm quản lý trẻ (chỉ 37.7%). Khuynh hướng này chứng tỏ giáo viên đang đặt trọng tâm vào việc dùng công nghệ để trực tiếp nâng tầm nghệ thuật sư phạm trên bục giảng. Họ ập ủ việc tự tay thiết kế “*video truyện ,tạo các ảo thuật giúp trẻ tích cực hơn, hứng thú hơn trong hoạt động*”, hướng tới mục tiêu kép: vừa “*giảm việc làm đồ dùng học liệu cho giáo viên*”, vừa “*khơi dậy trong trẻ niềm yêu thích học tập*” thông qua khả năng “*biến những nhân vật trong thơ, truyện thành hình ảnh hoạt hình dễ thương, gần gũi với trẻ*”.

Để nâng cao năng lực sử dụng AI/chuyển đổi số, Cô/Thầy mong muốn hình thức bồi dưỡng nào? (Chọn 1)
600 câu trả lời



Biểu đồ 4. Hình thức bồi dưỡng nâng cao năng lực AI/chuyển đổi số đối với GVMN

Thông qua kết quả khảo sát tại Biểu đồ 4, để hiện thực hóa những kỳ vọng sư phạm đó, phương thức tổ chức đào tạo cũng cần được thiết kế nương theo đặc thù công việc. Hình thức “*Tập huấn trực tiếp tại trường*” nhận được sự tín nhiệm tuyệt đối (44.2%), trong khi phương pháp “*Tự học qua video/youtube*” lại tỏ ra kém hiệu quả với chỉ 8.8% lựa chọn. Lý giải cho sự chênh lệch này, các giáo viên thẳng thắn chia sẻ rằng những bài giảng lý thuyết ngắn ngủi thường khiến họ “*khó nắm bắt kiến thức một cách chưa toàn diện*”. Thay vào đó, một môi trường học tập mang tính thực chiến, “*tổ chức lớp học trực tiếp cầm tay chỉ việc để GV nắm vững và thành thạo hơn*” là điều được khấn thiết mong mỏi. Đội ngũ GVMN đang rất cần những bộ giải pháp được chuẩn hóa, đi kèm “*tài liệu hướng dẫn cụ thể chính thống*” chỉ rõ “*hướng dẫn trình tự các bước thực hiện của 1 số công cụ AI*”, giúp họ dễ dàng chuyển hóa tri thức công nghệ mới mẻ thành kỹ năng nghề nghiệp vững vàng hàng ngày.

3. Kết luận và Kiến nghị

3.1. Kết luận

Nghiên cứu về thực trạng ứng dụng AI của GVMN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa cho thấy một bức tranh đan xen giữa tiềm năng công nghệ và những thách thức mang tính hệ thống. Về mặt nhận thức, đội ngũ GVMN thể hiện thái độ rất tích cực, cởi mở và khao khát ứng dụng AI vào chuyên môn, đặc biệt trong các khâu soạn thảo kế hoạch

giáo dục và sáng tạo học liệu số như hình ảnh, video sinh động nhằm gia tăng sự hứng thú cho trẻ. Dù vậy, năng lực tự đánh giá của giáo viên phần lớn mới chỉ dừng lại ở mức “*biết sơ qua*” (42.5%) với điểm trung bình dao động khiêm tốn từ 2.5 đến 2.7 trên thang điểm 5.

Thực tế nghiên cứu đã nhận diện ba “*điểm nghẽn*” chiến lược đang kìm hãm tiến trình này: (1) Quỹ thời gian làm việc của giáo viên bị quá tải do đặc thù chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trực tiếp trên lớp và gánh nặng hồ sơ sổ sách, khiến việc tự nghiên cứu công nghệ trở nên bất khả thi (55.2%); (2) Sự thiếu hụt đồng bộ về hạ tầng thiết bị (máy tính, internet) và áp lực chi phí khi duy trì các tài khoản phần mềm bản quyền (30.2%); (3) Sự thiếu vắng các chương trình bồi dưỡng mang tính thực tiễn cao, khi giáo viên có nhu cầu cấp thiết về các lớp tập huấn trực tiếp theo phương thức “*cầm tay chỉ việc*” ngay tại trường (44.2%) thay vì lý thuyết hàn lâm diện rộng.

3.2. Kiến nghị

Nhằm tháo gỡ các nút thắt nêu trên và nâng cao năng lực ứng dụng AI cho đội ngũ GVMN, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp sau:

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và UBND cấp Xã/Phường:

Cần xác lập cơ chế phối hợp để đầu tư, nâng cấp đồng bộ hạ tầng mạng internet tốc độ cao tại các trường mầm non trực thuộc quản lý của UBND Phường.

Xem xét ngân sách hỗ trợ mua và cấp tài khoản các phần mềm AI trả phí (như Canva Pro cho giáo dục, ChatGPT Plus) theo hình thức dùng chung cho các đơn vị trường học trên địa bàn Phường, nhằm xóa bỏ rào cản về chi phí bản quyền vốn đang gây nản lòng cho giáo viên.

Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (Các trường Đại học, CĐ Sư phạm):

Phát huy vai trò nòng cốt trong việc phối hợp với chính quyền địa phương để thiết kế các module bồi dưỡng năng lực số chuyên biệt cho bậc học mầm non, tập trung vào các công cụ AI hỗ trợ soạn giảng và tạo video truyện/ảo thuật – vốn là những nội dung giáo viên quan tâm nhất (hơn 70%).

Đổi mới phương thức bồi dưỡng: Cử đội ngũ giảng viên chuyên trách xuống trực tiếp các trường mầm non để tổ chức tập huấn “*thực chiến*”. Thay vì giảng dạy lý thuyết, cần cung cấp các quy trình đóng gói sẵn và tài liệu hướng dẫn cụ thể từng bước để giáo viên có thể áp dụng và tạo ra sản phẩm sư phạm ngay tại lớp học.

Đối với Ban Giám hiệu các trường Mầm non:

Thực hiện quyết liệt việc rà soát, tối ưu hóa quy trình làm việc và cắt giảm các thủ tục hồ sơ sổ sách không cần thiết nhằm tạo “*khoảng thở*” về mặt thời gian, giúp giáo viên có điều kiện nghiên cứu và thực hành AI.

Thành lập các Tổ/Nhóm nòng cốt về chuyển đổi số ngay tại đơn vị, trong đó lực lượng giáo viên trẻ nhạy bén công nghệ sẽ đóng vai trò hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật cho nhóm giáo viên lớn tuổi theo phương thức đồng hành thường xuyên.

Đối với Giáo viên mầm non:

Cần chủ động thay đổi tư duy, bước ra khỏi vùng an toàn để làm quen với các công nghệ mới, xem AI là một trợ lý đắc lực giúp nâng cao hiệu suất công việc và sự

sáng tạo sư phạm.

Quán triệt việc sử dụng AI chỉ dừng lại ở vai trò “công cụ trợ giảng” (làm hình ảnh, âm thanh, video minh họa). Tuyệt đối không để các sản phẩm nhân tạo làm lu mờ hoặc thay thế sự tương tác trực tiếp, giao tiếp bằng ánh mắt và tình cảm ấm áp giữa cô và trẻ – những yếu tố quyết định chất lượng giáo dục mầm non./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*. Hà Nội.

Su, J., & Yang, W.(2022). *Artificial intelligence in early childhood education: A scoping review*. Computers and Education: Artificial Intelligence, 3, 100049. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2022.100049>

UNESCO. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization. Paris, France. (ISBN: 978-92-3-100610-4).

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÒA BÌNH TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)

ThS.Nguyễn Thị Lệ Hường – ThS.Lê Hải Diệu
Trường CĐSP Hòa Bình

1. Mở đầu

Đào tạo sinh viên trong thời đại trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho các nhà trường. Nâng cao chất lượng đào tạo qua việc ứng dụng AI là một tất yếu. Công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN (Giáo dục mầm non) hiện nay cũng không ngoại lệ, diễn ra trong bối cảnh của AI phát triển mạnh mẽ. Điều đó đặt ra các cơ hội và thách thức mới cho công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN của trường CĐSP Hòa Bình. Nhà trường xác định rõ các nhiệm vụ cần tập trung, đó là: tìm hiểu thực trạng, điều kiện ứng dụng AI trong giảng dạy và học tập; nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, giảng viên, sinh viên; đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn hiện nay. Đây là những định hướng cũng như nhiệm vụ chính cần thúc đẩy và tổ chức thực hiện.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình trong thời đại trí tuệ nhân tạo (AI)

2.1.1. Thực trạng công tác chỉ đạo

Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình có bề dày trong công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN trình độ Cao đẳng hơn 30 năm qua. Nhà trường đã đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non có chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp GVMN và trở thành những cán bộ quản lý và GVMN xuất sắc, tiêu biểu, nòng cốt của địa phương.

Trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), nhà trường xác định rõ định hướng và nhiệm vụ cụ thể của công tác đào tạo, bồi dưỡng. Đó là: Ứng dụng AI trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng là nhiệm vụ, yêu cầu cấp thiết đối với mỗi giảng viên; Ứng dụng AI trong công tác đào tạo GVMN, đào tạo nghề, bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường, bồi dưỡng thường xuyên với cách thức tổ chức, thực hiện phù hợp, hiệu quả. Từ những định hướng đó, công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN đã được nhà trường chỉ đạo đơn vị chuyên môn cụ thể hóa theo các nhiệm vụ cơ bản:

- (1) Xác định thực trạng về ứng dụng AI của giảng viên, sinh viên
- (2) Nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng sử dụng về AI cho giảng viên, sinh viên
- (3) Khuyến khích giảng viên, sinh viên ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và học tập.

2.1.2. Thực trạng công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN

Công tác đào tạo sinh viên ngành GDMN bắt đầu từ công tác tuyển sinh. Hiện nay công tác tuyển sinh của nhà trường cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức về chỉ

tiêu, số lượng, chất lượng đầu vào... do đó ảnh hưởng phần nào đến chất lượng đào tạo.

Chương trình đào tạo với mục tiêu là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng nền tảng của nghề GVMN. Tập trung vào các môn học truyền thống với hình thức chủ yếu là trên giờ học chính khóa trên lớp. Chương trình rèn kỹ năng nghề nghiệp được thực hiện trong các đợt KTSP, TTSP, TTTN. Công tác đào tạo coi trọng kiến thức và kỹ năng nền tảng cho sinh viên. Do vậy đôi khi khó khăn trong cập nhật kiến thức và kỹ năng mới bởi những quy định cần tuân thủ về thời lượng và nội dung chương trình.

Bối cảnh hiện tại ngày nay, khi AI ngày càng phát triển và được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực, công tác đào tạo GVMN cần cập nhật, đổi mới, ứng dụng AI để nâng cao chất lượng và phát triển. Một thực tế, các cơ sở GDMN luôn thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai và ứng AI trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Vì vậy người học cần được trang bị, cập nhật kiến thức, kỹ năng về AI, ứng dụng AI trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là rất cần thiết. Về phía giảng viên và sinh viên, tuy đã chủ động trong tìm hiểu và ứng dụng AI trong giảng dạy và học tập nhưng thực tế việc ứng dụng AI diễn ra còn chậm, chưa thường xuyên, ngại thay đổi, còn có khó khăn nhất định như chưa được tham gia bồi dưỡng tập huấn, chưa mạnh dạn ứng dụng AI, thiếu điều kiện về trang thiết bị, cơ sở vật chất...

2.2. Một số giải pháp đào tạo sinh viên ngành GDMN của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình trong thời đại trí tuệ nhân tạo (AI)

2.2.1. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về AI và ứng dụng AI

Bồi dưỡng kiến thức về AI và một số kỹ năng ứng dụng AI qua tập huấn cho giảng viên toàn trường giúp nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết, công cụ AI, sử dụng công cụ AI trong tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập. Nhiều giảng viên sau khi tập huấn, chủ động học hỏi, nghiên cứu, ứng dụng AI trong hoạt động chuyên môn.

Tổ chức chuyên đề về ứng dụng AI cho sinh viên ngành GDMN. Các em sinh viên được trang bị kiến thức về AI, ứng dụng AI phù hợp với nhu cầu học học tập. Nhiều sinh viên có sản phẩm học tập chất lượng, khả năng ứng dụng AI vào quá trình học tập được sinh viên thực hiện thường xuyên hơn, vì thế kết quả học tập được nâng cao.

2.2.2. Khuyến khích giảng viên, sinh viên ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và học tập

Ứng dụng AI vào công tác chuẩn bị bài giảng và nhiệm vụ học tập

Hiện nay, các mô hình AI đã có khả năng nổi bật trong việc tra cứu, sàng lọc và tổng hợp thông tin. Giảng viên chỉ mất vài giờ để có thể tìm kiếm, sàng lọc và tổng hợp các dữ liệu học thuật quan trọng cho bài giảng. Trí tuệ nhân tạo cũng hỗ trợ cho giảng viên hệ thống hóa các luận điểm sử dụng trong bài giảng, bài nghiên cứu và hỗ trợ kiểm tra các dữ liệu sử dụng. Điều này hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng của bài giảng, đảm bảo tính chuẩn xác khoa học của bài giảng, tiết kiệm rất nhiều thời gian nghiên cứu..

Với những ưu thế đó, việc ứng dụng AI trong công tác chuẩn bị bài giảng và nhiệm vụ học tập là phù hợp và cần thiết. Khai thác ứng dụng AI trong tìm kiếm, xử lý

và tổng hợp dữ liệu, thông tin liên quan đến nội dung bài học. Ứng dụng AI trong thiết kế nội dung bài giảng, thiết kế hình ảnh video minh họa... Thiết kế trò chơi, phiếu học tập, phiếu khảo sát... Sinh viên ứng dụng AI trong chuẩn bị bài học trước khi lên lớp với sản phẩm học tập như bản báo cáo, bài tập, bài thuyết trình, video, trò chơi...

Những sản phẩm của công tác chuẩn bị được thiết lập thành hệ thống tài liệu theo từng học phần để giảng viên và sinh viên tham khảo, sử dụng, từ đó tạo thuận lợi trong giảng dạy và học tập.

Khuyến khích giảng viên ứng dụng AI vào quá trình tổ chức hoạt động giảng dạy

Các hệ thống trí tuệ nhân tạo AI hiện nay đã có thể hỗ trợ rất nhiều cho giảng viên trong quá trình tổ chức hoạt động giảng dạy. Giảng viên ứng dụng AI trong trình bày, chia sẻ thông tin, tổng hợp, khái quát vấn đề, phân tích, báo cáo thực trạng, đưa ra các minh chứng, khuyến nghị, giải pháp, xây dựng hệ thống câu hỏi... với nhiều hình thức đa dạng. Điều đó tạo hấp dẫn, hứng thú và khơi gợi được nhiều ý tưởng sáng tạo trong dạy và học; hơn nữa hệ thống kiến thức, kỹ năng trong bài học được trình bày khoa học, rõ ràng, thực tế, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

Khuyến khích giảng viên ứng dụng AI vào thực hiện một số nội dung trong quá trình tổ chức học phần, đó là:

- (1) Thiết lập hệ thống câu hỏi khảo sát về nhận thức của sinh viên đối với học phần đào tạo.
- (2) Thiết lập hệ thống câu hỏi khảo sát về nhu cầu học tập các học phần, học phần chuyên ngành GDMN.
- (3) Thiết lập câu hỏi nhằm đánh giá năng lực của sinh viên trong quá trình học tập...
- (4) Đề xuất giải pháp hỗ trợ dạy và học tập học phần hiệu quả.

Khuyến khích sinh viên ứng dụng AI vào giải quyết các nhiệm vụ học tập, đặc biệt là các học phần chuyên ngành GDMN

Để có kiến thức, kỹ năng, năng lực của nghề nghiệp GVMN, sinh viên ngành cần thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản trong quá trình học tập các học phần chuyên ngành:

- (1) Lập kế hoạch tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- (2) Thiết kế môi trường giáo dục.
- (3) Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- (3) Đánh giá trẻ.

Từ bối cảnh hiện nay, việc sinh viên ứng dụng AI vào việc giải quyết các nhiệm vụ là quan trọng, cần thiết, đặc biệt giảng viên giảng dạy các học phần chuyên ngành cần thúc đẩy mạnh mẽ việc sinh viên ứng dụng AI trong học tập. Đó là:

Khuyến khích sinh viên ứng dụng AI trong lập kế hoạch tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thiết kế môi trường giáo dục; tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá trẻ. Giảng viên cần giao các nhiệm vụ học tập, khuyến khích sinh viên giải quyết nhiệm vụ học tập có ứng dụng AI.

Tổ chức cho sinh viên chia sẻ kết quả, sản phẩm học tập có ứng dụng AI, từ đó để không chỉ chia sẻ kinh nghiệm, cách làm mà còn động viên, khích lệ, lan tỏa, tạo động lực cho sinh viên.

Tổ chức chuyên đề về ứng dụng AI cho sinh viên với các chủ đề, nội dung phù hợp, thiết thực.

Ứng dụng AI vào hỗ trợ kiểm tra, đánh giá

Đối với phần hỗ trợ đánh giá sinh viên, sau khi thu thập đủ dữ liệu từ sinh viên, các hệ thống trí tuệ nhân tạo AI có thể cung cấp phản hồi về vấn đề học tập của các sinh viên. Khi giảng dạy một lớp học phần, giảng viên cần theo dõi và đánh giá sự tiếp thu của sinh viên thông qua các phương pháp đánh giá. Các công cụ trí tuệ nhân tạo AI giúp cho bài chấm của của sinh viên được chính xác và nhất quán, không theo cảm tính như giảng viên tự chấm. Từ đó giảng viên sẽ có kết quả đánh giá phù hợp nhất, tránh những sai sót trong phân tích, tổng hợp kết quả học tập sau đó đưa ra những điều chỉnh kịp thời cho quá trình giảng dạy. Bước đầu, ứng dụng AI trong kiểm tra, đánh giá được được nhà trường xác định ở một số nội dung cơ bản như sau:

- (1) Kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ với các nội dung kiểm tra được thiết kế ở hình thức trắc nghiệm.
- (2) Kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ với các nội dung kiểm tra được thiết kế ở hình thức tự luận.
- (3) Kiểm tra, đánh giá năng lực nghề nghiệp của sinh viên đối với các nội dung kiểm tra được thiết kế ở hình thức vấn đáp-thực hành.

Cách thực hiện:

- (1) Thiết lập hệ thống câu hỏi, đáp án cho từng học phần chuyên ngành; nhiệm vụ này do nhóm chuyên môn xây dựng, được nhà trường thẩm định.
- (2) Bộ phận tin học của nhà trường hỗ trợ thiết lập nội dung kiểm tra đánh giá trên nền tảng số.
- (3) Giảng viên tiếp cận, sử dụng.
- (4) Giảng viên thiết kế và thực hiện toàn phần.

3. Kết luận

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đào tạo sinh viên ngành GDMN của trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình đã được triển khai, thực hiện và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Từ thực tế đó, nhà trường tiếp tục chỉ đạo và khuyến khích các đơn vị, giảng viên, sinh viên tiếp tục nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng, khả năng ứng dụng AI trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giảng dạy, học tập phù hợp, chất lượng, hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Giang (2025). *Ứng dụng AI trong giáo dục: Cơ hội để nâng cao hiệu quả giảng dạy*. Truy cập tại <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89562/211/ung-dung-ai-trong-giao-duc-co-hoi-de-nang-cao-hieu-qua-giang-day/>
- Tổng Minh Hiếu (2025). *Lợi ích và ứng dụng của trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục*. Truy cập tại <https://daklak.vnpt.vn/loi-ich-va-ung-dung-cua-tri-tue-nhan-tao-ai-trong-giao-duc-140.html>
- Nguyễn Nam (2024). *Tìm giải pháp để vận dụng AI hiệu quả và đúng hướng cho hoạt động giáo dục - đào tạo*. Truy cập tại <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/tim-giai-phap-de-van-dung-ai-hieu-qua-va-dung-huong-cho-hoat-dong-giao-duc-%E2%80%93-dao-1491930744>.
- Nga Nguyễn (2025). *Vai trò then chốt của giảng viên trong thời đại AI*. Truy cập tại <https://tuoitre.vn/vai-tro-then-chot-cua-giang-vien-trong-thoi-dai-ai-20251120102120887.htm>.
- Doãn Nhân (2025). Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Xây dựng chiến lược ứng dụng AI trong giáo dục*. Truy cập tại <https://giaoduc.net.vn/bo-giao-duc-va-dao-tao-xay-dung-chien-luoc-ung-dung-ai-trong-giao-duc-post250172.gd>.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ VÀ ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS.Nguyễn Thị Phương Loan – TS.Lê Thị Minh Thi
Trường Cao đẳng Lạng Sơn

1. Mở đầu

Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang tác động mạnh đến toàn bộ hoạt động giáo dục. Tác động đó không chỉ diễn ra ở phương tiện hay công cụ dạy học, mà sâu hơn là ở tư duy quản trị, phương pháp đào tạo và yêu cầu mới đối với năng lực nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo.

Giáo dục mầm non chịu ảnh hưởng rất rõ của xu thế này. Giáo viên mầm non trong bối cảnh mới không chỉ cần vững chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và hiểu biết tâm lý lứa tuổi, mà còn cần biết khai thác học liệu số, sử dụng nền tảng số trong tổ chức hoạt động giáo dục, phối hợp với cha mẹ trẻ trên môi trường số, quản lý hồ sơ chuyên môn điện tử và bước đầu vận dụng trí tuệ nhân tạo một cách phù hợp, an toàn, có trách nhiệm.

Định hướng này đã được đặt ra khá rõ trong các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của ngành. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ xác định chuyển đổi số là một nội dung trọng tâm của đổi mới giáo dục và đào tạo. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hiện đại hóa giáo dục, gắn đào tạo với thực tiễn, với công nghệ và với yêu cầu phát triển mới của đất nước. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT quy định Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Những văn bản này cho thấy phát triển năng lực số đang trở thành yêu cầu có tính chuẩn hóa đối với cả người học và đội ngũ nhà giáo.

Vấn đề đặt ra đối với các cơ sở đào tạo giáo viên hiện nay không còn là giúp sinh viên “biết dùng công nghệ”, mà phải đào tạo để sinh viên có thể làm nghề trong môi trường số. Với ngành Giáo dục mầm non, điều đó có nghĩa là phát triển năng lực số cho sinh viên phải hướng tới hình thành năng lực nghề nghiệp số của giáo viên mầm non tương lai.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Trường Cao đẳng Lạng Sơn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh Lạng Sơn, được thành lập theo Quyết định số 2417/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2025 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn và Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn vào Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. Sau sáp nhập, Nhà trường phát triển theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực, đa trình độ, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng

nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhà trường hiện có 05 phòng chức năng, 08 khoa chuyên môn, 01 Trung tâm Khoa học công nghệ và Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, cùng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Quý Đôn. Bộ máy này tạo nền tảng để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về đào tạo, bảo đảm chất lượng, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ người học.

Thời điểm tháng 12/2025, đội ngũ cơ hữu của nhà trường có 239 viên chức, nhà giáo và người lao động; trong đó có 172 nhà giáo, 38 cán bộ quản lý, 29 viên chức và người lao động phục vụ; 04 tiến sĩ, 109 thạc sĩ, 106 đại học và 20 người có trình độ cao đẳng, trình độ khác. Đối với ngành Giáo dục mầm non, 100% giảng viên trực tiếp giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và được bồi dưỡng cập nhật công nghệ mới hằng năm.

Năm học 2025-2026, Nhà trường hơn 2.000 học sinh, sinh viên đang theo học các trình độ cao đẳng, trung cấp, liên thông cao đẳng và sơ cấp. Nhà trường còn tổ chức hoạt động giảng dạy văn hóa cho hơn 1.000 học sinh của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Quý Đôn và học sinh khối giáo dục thường xuyên.

Nhà trường hiện tổ chức đào tạo nhiều ngành, nghề ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp, với cơ cấu khá đa dạng, gồm các nhóm ngành như ngoại ngữ, kinh tế, công nghệ thông tin, kỹ thuật-công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, nghệ thuật, sức khỏe và đào tạo giáo viên. Một số ngành, nghề như Điều dưỡng, Công nghệ ô tô, Hàn, Hướng dẫn du lịch và Điện công nghiệp đã được công nhận là ngành, nghề trọng điểm ở cấp quốc gia hoặc khu vực ASEAN.

Ngành Giáo dục mầm non giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu đào tạo của Nhà trường. Năm học 2025-2026, Nhà trường đang đào tạo 03 khóa cao đẳng với tổng số 196 sinh viên. Đây là ngành có quy mô ổn định và có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho ngành Giáo dục và Đào tạo.

Những dữ liệu trên cho thấy Trường Cao đẳng Lạng Sơn có quy mô đủ lớn, cơ cấu đào tạo đủ rộng và nền tảng đội ngũ tương đối tốt để triển khai đổi mới đào tạo theo hướng hiện đại. Trong tổng thể đó, phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non là một yêu cầu vừa có cơ sở thực tiễn, vừa có ý nghĩa chiến lược.

2.2. Thực trạng phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

2.2.1. Kết quả và nền tảng đã có

Nhà trường đã có bước chuyển khá rõ về nhận thức và chỉ đạo triển khai chuyển đổi số. Trường đã ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và chuyển đổi số hằng năm; kế hoạch triển khai Khung năng lực số cho người học; kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035; đồng thời kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ tham mưu và giúp việc, xây dựng quy định về bài giảng điện tử, phát triển hạ tầng và học liệu số.

Nhà trường đã quan tâm phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về kỹ năng số, xây dựng bài giảng điện tử và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho giảng viên, cán bộ quản lý. Nội dung tập huấn không chỉ dừng ở năng lực số chung, mà còn gắn với tích hợp sự phạm số, phát triển học liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và đạo đức số trong giáo dục.

Bước đầu tạo dựng được môi trường giáo dục số: xây dựng kho học liệu và kho bài giảng điện tử, bước đầu sử dụng hệ thống LMS để tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến tích hợp trên Trang thông tin điện tử của Nhà trường; triển khai xây dựng 06 bài giảng điện tử/học phần thuộc ngành Giáo dục mầm non, cấp quyền truy cập các trang bài giảng điện tử và học liệu số cho toàn thể nhà giáo và sinh viên trong toàn trường; Nhiều phòng học có máy chiếu hoặc tivi thông minh, wifi và đủ điều kiện tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp.; 100% văn bản nội bộ được ký số. Hồ sơ giảng dạy, kết quả học tập, văn bằng, chứng chỉ đã được số hóa.

Nhà trường đã triển khai Khung năng lực số theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đặt yêu cầu tích hợp nội dung năng lực số vào chương trình đào tạo, dạy học và hoạt động giáo dục. Tổ chức cuộc thi “Sáng tạo nội dung số” dành cho học sinh, sinh viên, góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo và thực hành công nghệ trong môi trường học tập.

Đối với ngành Giáo dục mầm non, đây có thể xem là một điểm sáng bước đầu. Nhà trường đã tổ chức tập huấn ứng dụng AI cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non và triển khai các hoạt động sáng tạo sản phẩm số. Sinh viên đã được hướng dẫn xây dựng video, làm clip và tạo lập sản phẩm số phục vụ học tập, rèn nghề.

Điều này cho thấy sinh viên mầm non không chỉ tiếp cận công nghệ ở mức công cụ, mà đã bắt đầu vận dụng công nghệ và AI vào những hoạt động gắn với nghề nghiệp tương lai, như thiết kế học liệu trực quan, kể chuyện bằng hình ảnh, làm video hoạt động và xây dựng sản phẩm số phục vụ tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường bước đầu hình thành đội ngũ cốt cán về công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Đây là lực lượng giữ vai trò nòng cốt trong tham mưu, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn triển khai nền tảng số, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử và lan tỏa năng lực số trong các đơn vị chuyên môn. Như vậy, Nhà trường không chỉ có chủ trương, mà đã có lực lượng nội sinh để từng bước triển khai chuyển đổi số theo hướng bài bản và bền vững.

Những kết quả trên cho thấy Trường Cao đẳng Lạng Sơn đã có những bước đi ban đầu khá rõ trong phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, từ chỉ đạo, đội ngũ, hạ tầng, học liệu đến tổ chức triển khai đối với giảng viên và sinh viên. Đây là nền tảng thực tiễn quan trọng để Nhà trường tiếp tục phát triển trong giai đoạn tới.

2.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, việc phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non còn có một số hạn chế sau:

Việc phát triển năng lực số và ứng dụng AI trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non chưa thật sự được cấu trúc theo logic nghề nghiệp. Sinh viên tuy đã được tiếp cận công nghệ, video, clip, sản phẩm số và trí tuệ nhân tạo, nhưng các hoạt động này mới chủ yếu dừng ở mức hỗ trợ học tập hoặc trải nghiệm bước đầu. Chúng chưa được thiết kế thành một tiến trình rõ ràng để hình thành năng lực nghề nghiệp số của giáo viên mầm non tương lai.

Hạ tầng và dữ liệu số của Nhà trường vẫn chưa thật sự đồng bộ sau sáp nhập. Mạng nội bộ giữa các cơ sở chưa liên thông đầy đủ. Dữ liệu giữa các phần mềm quản lý còn phân tán. Một số phân hệ của phần mềm JSC và kho học liệu số chưa khai thác hiệu quả. Nguồn học liệu số tuy đã hình thành nhưng chưa đủ chiều sâu và chưa thật chuyên biệt cho từng ngành, trong đó có ngành Giáo dục mầm non.

Năng lực số của đội ngũ và người học chưa đồng đều. Nhà trường đã tổ chức tập huấn, nhưng giữa các giảng viên, giữa các đơn vị và giữa các nhóm sinh viên vẫn còn chênh lệch đáng kể về khả năng khai thác nền tảng số, học liệu số và công cụ AI. Điều này làm cho hiệu quả triển khai chưa đồng bộ, chưa tạo được một mặt bằng chuyển đổi số đủ mạnh trong toàn trường.

Việc gắn phát triển năng lực số của sinh viên với chuẩn đầu ra, với thực hành, thực tập, với đánh giá và với hệ thống bảo đảm chất lượng của ngành Giáo dục mầm non chưa thật rõ. Nếu chưa gắn với chuẩn đầu ra và đánh giá, năng lực số rất dễ bị hiểu như một kỹ năng bổ sung, chứ chưa trở thành thành tố cấu thành năng lực nghề nghiệp.

2.2.3. Nguyên nhân

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trường mới được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba cơ sở đào tạo, hiện đang hoạt động trên 03 cơ sở với hạ tầng, phần mềm, dữ liệu và quy trình vận hành khác nhau. Việc đồng bộ hệ thống tất yếu cần thêm thời gian, nguồn lực và cơ chế phối hợp. Đây là nguyên nhân có tính cấu trúc, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả chuyển đổi số toàn trường.

Sự chênh lệch về năng lực số trong đội ngũ vẫn còn khá rõ. Chuyển đổi số không chỉ là câu chuyện thiết bị hay phần mềm, mà trước hết là chuyển đổi tư duy và cách làm việc. Một bộ phận giảng viên và viên chức vẫn còn chịu ảnh hưởng của thói quen làm việc truyền thống, nên việc khai thác công nghệ số và AI chưa thật sâu, chưa thật tự nhiên trong hoạt động chuyên môn.

Việc phát triển năng lực số cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non hiện vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và thử nghiệm, chưa có đủ thời gian để chuẩn hóa thành hệ thống học liệu, công cụ đánh giá, phương pháp đào tạo và môi trường thực hành nghề nghiệp đồng bộ.

Đặc điểm người học của Nhà trường khá đa dạng. Không ít sinh viên đến từ khu vực nông thôn, miền núi; điều kiện tiếp cận công nghệ, kỹ năng tự học, phương tiện công nghệ còn hạn chế; năng lực nền tảng không đồng đều. Quá trình phát triển năng lực số vì vậy cần có lộ trình phù hợp và có giải pháp hỗ trợ tương ứng.

2.3. Giải pháp phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Việc phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non cần được triển khai bằng những giải pháp đồng bộ, có trọng tâm và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường.

2.3.1. Đổi mới tư duy đào tạo theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp số cho giáo viên mầm non tương lai

Để việc đổi mới đi vào chiều sâu, cần thống nhất nhận thức về mục tiêu và hướng tiếp cận trong đào tạo. Phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non không phải là bổ sung một vài kỹ năng công nghệ vào chương trình, mà là đổi mới cách tiếp cận đào tạo theo hướng hình thành năng lực nghề nghiệp số của giáo viên mầm non tương lai.

Đích đến không phải là sinh viên “biết dùng AI”, mà là sinh viên biết làm nghề trong môi trường số; biết vận dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách phù hợp, an toàn, hiệu quả và nhân văn. Việc phát triển năng lực số cần được nhìn nhận như một cấu phần của chất lượng đào tạo, gắn với chuẩn đầu ra, gắn với thực hành nghề nghiệp và gắn với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

2.3.2. Hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng tích hợp năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Yêu cầu trên cần được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo là khâu trung tâm, quyết định mức độ thực chất của việc phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhà trường. Việc rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo hướng tích hợp có hệ thống các yêu cầu về năng lực số, đồng thời từng bước đưa nội dung ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các học phần phù hợp, bảo đảm gắn với chuẩn đầu ra và yêu cầu nghề nghiệp của giáo viên mầm non trong bối cảnh mới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Nhà trường cần rà soát chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non theo hướng tích hợp có hệ thống Khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, đồng thời tham chiếu khung năng lực số đối với giáo viên mầm non để định hướng chuẩn đầu ra phù hợp. Việc tích hợp cần bảo đảm sự chuyển tiếp từ năng lực số nền tảng của người học sang năng lực ứng dụng công nghệ và AI trong học tập nghề nghiệp, rồi tiến tới năng lực nghề nghiệp số của giáo viên mầm non.

Nội dung đào tạo cần cụ thể hóa các nhóm năng lực: năng lực số nền tảng; năng lực ứng dụng công nghệ và AI trong học tập nghề nghiệp; năng lực nghề nghiệp số của giáo viên mầm non tương lai. Chỉ khi làm được điều này, chương trình đào tạo mới thật sự đi từ “học công nghệ” sang “học để hành nghề trong môi trường số”.

2.3.3. Phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới phương pháp đào tạo

Đội ngũ giảng viên là lực lượng giữ vai trò trực tiếp trong việc hiện thực hóa các mục tiêu đổi mới. Nhà trường tiếp tục bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu hơn, nhất là đổi

với giảng viên trực tiếp tham gia đào tạo ngành Giáo dục mầm non.

Nội dung bồi dưỡng không chỉ dừng ở kỹ thuật sử dụng công cụ, mà phải hướng tới năng lực thiết kế học phần, xây dựng bài giảng số, học liệu số, tổ chức dạy học kết hợp, kiểm tra - đánh giá trên môi trường số và hướng dẫn sinh viên ứng dụng AI trong học tập, rèn nghề.

Duy trì và mở rộng các hoạt động đã triển khai như xây dựng bài giảng điện tử, phát triển học liệu số, tập huấn về trí tuệ nhân tạo, tích hợp sơ phạm số, đạo đức số và phát triển chương trình số hóa.

Đội ngũ cốt cán về công nghệ thông tin hiện có cần được phát huy như lực lượng hạt nhân trong chuyển đổi số của Nhà trường. Lực lượng này có vai trò hỗ trợ giảng viên về kỹ thuật và chuyên môn, hướng dẫn xây dựng bài giảng số, học liệu số, khai thác nền tảng số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, đồng thời lan tỏa năng lực số và kết nối các sáng kiến đổi mới phương pháp đào tạo trong toàn trường.

Tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên cốt cán về chuyển đổi số, tiến tới hình thành nhóm chuyên gia nội bộ về AI, phân tích dữ liệu và thiết kế học liệu số, làm lực lượng dẫn dắt đổi mới trong toàn trường.

2.3.4. Phát triển năng lực số cho sinh viên gắn với thực hành nghề nghiệp trong môi trường giáo dục số

Phát triển năng lực số cho sinh viên cần được tổ chức gắn trực tiếp với hoạt động nghề nghiệp, bảo đảm sự chuyển dịch từ “biết sử dụng công nghệ” sang “biết vận dụng công nghệ trong thực hành giáo dục”. Nhà trường định hướng triển khai mô hình “học qua sản phẩm số mầm non”, trong đó quá trình học tập được thiết kế thông qua việc xây dựng các sản phẩm số phục vụ hoạt động giáo dục như video kể chuyện, học liệu trực quan, trò chơi tương tác, hồ sơ theo dõi trẻ hoặc nội dung phối hợp với cha mẹ trẻ trên nền tảng số.

Sản phẩm số vừa là kết quả học tập, vừa là công cụ đánh giá và có thể trở thành tư liệu nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp, qua đó góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp số một cách thực chất và liên tục. Đồng thời, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo được định hướng theo cách tiếp cận “AI hỗ trợ thiết kế hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, trong đó sinh viên sử dụng AI như công cụ hỗ trợ, nhưng phải được kiểm soát trên cơ sở yêu cầu sơ phạm, tâm lý lứa tuổi và đạo đức nghề nghiệp.

Nhà trường tăng cường gắn kết với các cơ sở giáo dục mầm non để tổ chức thực hành, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm số trong môi trường thực tế, qua đó giúp sinh viên phát triển năng lực thích ứng, sáng tạo và năng lực tổ chức hoạt động giáo dục trong bối cảnh số hóa. Mô hình này có thể từng bước hoàn thiện và nhân rộng trong đào tạo giáo viên mầm non.

2.3.5. Xây dựng hệ sinh thái học liệu số và môi trường đào tạo số phục vụ ngành Giáo dục mầm non

Việc triển khai hiệu quả các giải pháp đòi hỏi phải bảo đảm hạ tầng số, học liệu số và môi trường đào tạo số. Nhà trường tiếp tục đầu tư đồng bộ hạ tầng số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, LMS, LCMS, kho học liệu số và môi trường học tập số. Kế hoạch

chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030 đã đặt ra các chỉ tiêu khá rõ: đến năm 2030, số hóa 100% giáo trình, tài liệu; ít nhất 70% học phần triển khai dạy học kết hợp; 100% người học có hồ sơ học tập số; 100% giảng viên, viên chức đạt tối thiểu mức 3 về năng lực số. Những chỉ tiêu này cần được cụ thể hóa trong từng năm học, từng đơn vị và từng ngành đào tạo.

Nghiên cứu xây dựng hệ sinh thái học liệu của ngành Giáo dục mầm non gồm giáo án số, video minh họa, câu chuyện số, trò chơi học tập, kho tranh ảnh, âm thanh, biểu mẫu quan sát và đánh giá trẻ, tài liệu phối hợp với cha mẹ trẻ, cùng hướng dẫn khai thác AI trong thiết kế học liệu. Các sản phẩm do giảng viên và sinh viên cùng xây dựng và sưu tầm. Khi có một hệ sinh thái như vậy, việc phát triển năng lực số cho sinh viên sẽ bền vững hơn và gắn chặt hơn với yêu cầu nghề nghiệp.

Tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn để sinh viên được tiếp cận thực tiễn chuyển đổi số trong môi trường nghề nghiệp. Đây là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo trong nhà trường với môi trường làm việc thực tế sau tốt nghiệp.

2.3.6. Đổi mới đánh giá, bảo đảm chất lượng, triển khai theo lộ trình chuyển đổi số

Phát triển năng lực số và năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cần được đặt trong tổng thể hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ, trong đó các thành tố về chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đội ngũ, người học, hạ tầng và công tác đánh giá được vận hành đồng bộ.

Trước hết, cần cụ thể hóa năng lực số và năng lực ứng dụng AI trong chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non, làm căn cứ thiết kế chương trình và tổ chức đánh giá. Việc đánh giá cần gắn với đặc thù nghề nghiệp, thông qua sản phẩm số, hồ sơ học tập số và các tình huống thực hành, bảo đảm đo lường khả năng vận dụng công nghệ trong hoạt động giáo dục.

Đồng thời, cần đầu tư và khai thác hiệu quả hạ tầng số, bao gồm LMS, LCMS, cơ sở dữ liệu dùng chung và các nền tảng quản lý học liệu, hồ sơ học tập. Hạ tầng không chỉ là điều kiện kỹ thuật mà là nền tảng vận hành của hệ thống bảo đảm chất lượng, cho phép thu thập và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý và cải tiến.

Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống dữ liệu số về quá trình học tập và sản phẩm của sinh viên, làm căn cứ theo dõi sự phát triển năng lực và điều chỉnh hoạt động đào tạo. Công tác bảo đảm chất lượng được vận hành theo chu trình cải tiến liên tục, gắn đánh giá với điều chỉnh chương trình, phương pháp và tổ chức thực hành.

Lộ trình triển khai cần được xác định theo các giai đoạn từ hoàn thiện chuẩn đầu ra, hạ tầng và công cụ đánh giá đến chuẩn hóa và nhân rộng. Một số chỉ tiêu định hướng gồm: tăng tỷ lệ học phần có đánh giá qua sản phẩm số; bảo đảm 100% sinh viên có hồ sơ học tập số; nâng tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn năng lực số; và từng bước đưa năng lực số trở thành thành tố bắt buộc trong đánh giá và tốt nghiệp.

3. Kết luận và kiến nghị

Từ thực tiễn triển khai tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, chúng tôi nhận thấy rằng phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non

không còn là một lựa chọn mang tính thử nghiệm, mà đã trở thành một yêu cầu tất yếu đối với các cơ sở đào tạo giáo viên trong giai đoạn hiện nay.

Vấn đề cốt lõi hiện nay không phải chỉ là đưa công nghệ vào nhà trường, mà là phải tổ chức lại quá trình đào tạo theo hướng giúp sinh viên sư phạm, đặc biệt là sinh viên ngành Giáo dục mầm non, có thể làm nghề trong môi trường số; biết sử dụng công nghệ, khai thác học liệu số, vận dụng trí tuệ nhân tạo đúng mục đích, đúng giới hạn, đúng yêu cầu sư phạm và đạo đức nghề nghiệp.

Thực tế cho thấy các trường đã bắt đầu chuyển động, nhưng mức độ còn chưa đồng đều; có nơi làm tốt từng phần, có nơi còn lúng túng về chương trình, học liệu, đội ngũ, công cụ đánh giá và cơ chế phối hợp. Vì vậy, nếu không có cách tiếp cận đồng bộ, phát triển năng lực số rất dễ dừng lại ở phong trào, còn ứng dụng trí tuệ nhân tạo dễ dừng ở mức trải nghiệm công cụ, chưa đi vào chiều sâu của chất lượng đào tạo.

Từ góc độ một cơ sở đào tạo giáo viên, chúng tôi cho rằng: đào tạo giáo viên mầm non trong bối cảnh mới không chỉ là đào tạo người biết dạy học, mà là đào tạo người có khả năng tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ trong một môi trường ngày càng số hóa, liên thông dữ liệu, tăng cường tương tác và chịu tác động ngày càng rõ của công nghệ trí tuệ nhân tạo. Đây là yêu cầu mới, khó hơn, nhưng cũng là cơ hội để các cơ sở đào tạo khẳng định vai trò, vị thế và năng lực thích ứng của mình.

Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo đang đặt ra những yêu cầu mới, đồng thời cũng mở ra những khả năng mới cho giáo dục. Với các cơ sở đào tạo giáo viên, điều quan trọng không phải là đi nhanh theo phong trào, mà là đi đúng hướng, đi chắc chắn và đi bằng chất lượng thực chất. Chúng tôi tin rằng, nếu có sự định hướng thống nhất từ cơ quan quản lý, sự đồng hành của các tổ chức nghề nghiệp và sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo, thì việc phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo ngành Giáo dục mầm non sẽ không chỉ dừng ở yêu cầu trước mắt, mà sẽ trở thành một động lực quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trong giai đoạn mới.

Từ nhận thức đó, chúng tôi xin đề xuất đối với các cơ quan, tổ chức hữu quan cụ thể như sau:

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tiếp tục hoàn thiện định hướng và hướng dẫn triển khai phát triển năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo giáo viên theo hướng cụ thể hơn, phù hợp hơn với từng ngành đào tạo. Đối với ngành Giáo dục mầm non, cần có định hướng rõ về chuẩn năng lực nghề nghiệp số, về mức độ tích hợp trong chương trình đào tạo và về nguyên tắc sử dụng AI trong học tập, thực hành, thực tập và đánh giá.

Đối với Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam: Tiếp tục phát huy vai trò kết nối học thuật và điều phối mạng lưới, tổ chức nhiều hơn các diễn đàn chuyên đề, các hoạt động bồi dưỡng, các không gian chia sẻ mô hình tốt về chuyển đổi số, học liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo giáo viên. Trong bối cảnh hiện nay, sự kết nối liên trường có ý nghĩa rất lớn, nhất là đối với các cơ sở đào tạo còn nhiều khó khăn về nguồn lực.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Tăng cường vai trò kết nối giữa các cơ sở đào tạo với hệ thống cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn để sinh viên được tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp trong môi trường sớm hơn, sát hơn và thực chất hơn. Sự phối hợp này không chỉ phục vụ thực tập mà còn rất quan trọng cho việc điều chỉnh chương trình đào tạo theo đúng nhu cầu của địa phương.

Đối với Câu lạc bộ các trường cao đẳng sư phạm: Tiếp tục khẳng định vai trò là diễn đàn chuyên môn thiết thực; thúc đẩy mạnh hơn cơ chế chia sẻ học liệu, chia sẻ kinh nghiệm triển khai, chia sẻ sản phẩm số và các mô hình đào tạo hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển GD & ĐT.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 2417/QĐ-BGDĐT ngày 27/8/2025 về việc sáp nhập Trường CĐ Nghề Lạng Sơn và Trường CĐ Y tế Lạng Sơn vào Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn, đổi tên thành Trường Cao đẳng Lạng Sơn.*

Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.*

Trường Cao đẳng Lạng Sơn, *Báo cáo số 136/BC-CĐLS ngày 07/11/2025 tổng kết thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

Trường Cao đẳng Lạng Sơn, *Báo cáo số 206/BC-CĐLS ngày 18/11/2025 về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh hội nhập quốc tế năm 2025.*

Trường Cao đẳng Lạng Sơn, *Kế hoạch số 262/KH-CĐLS ngày 04/12/2025 về chuyển đổi số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035.*

Trường Cao đẳng Lạng Sơn, *Dự thảo Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045.*

ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NAM ĐỊNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

**ThS.Trịnh Thị Quỳnh
Trường CĐSP Nam Định**

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ lên các nền tảng số, ở Việt Nam, chuyển đổi số không còn là phương hướng mà đó là mệnh lệnh. Phát biểu tại hội thảo: “Trí tuệ nhân tạo, tương lai của đất nước”, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Nguyễn Văn Phúc khẳng định: “Chúng ta đang chứng kiến những đột phá đáng kinh ngạc của trí tuệ nhân tạo trong thời gian gần đây. Là những người làm giáo dục, chúng ta đều thấy cần phải nghĩ, phải hiểu và làm những việc cần thiết khi trí tuệ nhân tạo đang lan tỏa rất nhanh tới giáo dục.”

Xác định được tầm quan trọng của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, với mong muốn đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non vừa giỏi chuyên môn, vừa làm chủ công nghệ, sẵn sàng tham gia vào thế giới việc làm trong bối cảnh chuyển đổi số, trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định đã và đang thực hiện đổi mới đào tạo theo hướng tiếp cận ứng dụng công nghệ số và AI trong quá trình đào tạo.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho người học

Việt Nam đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ, với sự phát triển vượt bậc của công nghệ số trên mọi lĩnh vực, từ thương mại điện tử, tài chính, đến giáo dục và y tế, công nghệ... Chuyển đổi số được xác định là một trong những trụ cột quan trọng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Từ Nghị quyết Đại hội Đảng đến Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, các văn kiện chiến lược đều thể hiện rõ quan điểm nhất quán về vai trò của chuyển đổi số trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Đặc biệt, năm 2025, đất nước chứng kiến một động lực mới mạnh mẽ hơn khi các bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nghị quyết này không chỉ tái khẳng định tầm quan trọng của chuyển đổi số mà còn nâng nó lên thành một trong những đột phá chiến lược để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Sự chỉ đạo này được cụ thể hóa qua các chương trình hành động của Chính phủ, tạo ra một làn sóng triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống chính trị.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Bộ GD&ĐT đã ban hành một loạt các chương trình, đề án, kế hoạch để triển khai thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành. Một trong những nhiệm vụ được xác định ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 là: “Triển khai phát triển năng lực số cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người học, đặc biệt là năng lực AI; phổ cập kỹ năng số trong toàn ngành. Mục tiêu năm 2026: 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành đạt

chuẩn kỹ năng số, 100% học sinh từ cấp Tiểu học trở lên được trang bị kiến thức, kỹ năng số”¹. Bộ GD&ĐT cũng ban hành Khung năng lực số đối với người học (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân) và Khung năng lực số đối với cán bộ quản lý, giáo viên (Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT, ngày 27/3/2026 quy định Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên).

Trước bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo là phải triển khai năng lực số cho người học, đó là yêu cầu bắt buộc. Đối với các cơ sở đào tạo sư phạm, việc trang bị năng lực số cho người học còn là “yêu cầu kép”, người học vừa phải đạt được năng lực số theo Khung năng lực số quy định cho người học tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, vừa phải hướng đến đáp ứng yêu cầu năng lực số của người dạy sau khi trường theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT. Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo, các trường sư phạm còn phải thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng: “Trên cơ sở Khung năng lực số, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng triển khai nghiên cứu, bổ sung, cập nhật yêu cầu về năng lực số cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục vào chương trình, tài liệu học tập, tài liệu hướng dẫn; đồng thời bảo đảm các điều kiện cần thiết để triển khai Khung năng lực số theo các chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên và theo các quy định pháp luật hiện hành”².

2.2. Tiếp cận và triển khai năng lực số trong đào tạo giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

2.2.1. Phương án tiếp cận

Công văn số 2957/BGDĐT-GDDH ngày 11/6/2026 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn triển khai khung năng lực số cho người học đã gợi ý 03 phương án để các cơ sở đào tạo lựa chọn. Phương án của trường CĐSP Nam Định là tiếp cận tích hợp theo 04 quan điểm chủ đạo chính sau:

Việc triển khai Khung năng lực số cho người học được thực hiện theo hướng tích hợp, không làm phát sinh thêm thời lượng học tập cho người học. Các nội dung phát triển năng lực số được lồng ghép một cách hợp lý vào các học phần hiện có trong chương trình đào tạo hoặc thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu, thực hành chuyên môn.

Việc áp dụng Khung năng lực số không nhằm thiết lập một hệ thống chứng chỉ riêng biệt bắt buộc, gây thêm chi phí tài chính và thời gian cho người học. Các năng lực số cần được đánh giá thông qua quá trình học tập chính khóa và hoạt động đào tạo thường xuyên, liên tục trong môi trường học tập số.

Việc triển khai Khung năng lực số cần được thực hiện một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của chuyên ngành đào tạo, điều kiện thực tế của người học và của nhà trường.

¹ Chuyển đổi số trong Giáo dục: Cơ hội, thách thức và định hướng giai đoạn 2026 - 2030

² Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT, ngày 27/3/2026 của Bộ GD&ĐT

Việc phát triển năng lực số không chỉ tập trung vào người học mà cần mở rộng tới đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tạo thành một hệ sinh thái số toàn diện trong giáo dục và đào tạo.

2.2.2. Các hoạt động triển khai khung năng lực số trong quá trình đào tạo

2.2.2.1. Tích hợp Khung năng lực số vào chương trình đào tạo

Năm 2025, trường CDSP Nam Định tiến hành rà soát chương trình đào tạo (CTĐT) và đề cương chi tiết (ĐCCT) các học phần. Bên cạnh yêu cầu cập nhật các nội dung như Giới và Bình đẳng giới, các phương pháp giáo dục tiên tiến, tiếp cận chương trình giáo dục mầm non mới..., nhà trường chú trọng cập nhật Khung năng lực số cho người học. Với quan điểm tích hợp, các nội dung phát triển năng lực số được lồng ghép một cách hợp lý vào CTĐT, lồng ghép trong các học phần hoặc thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu, thực hành chuyên môn. Cụ thể:

Trong CTĐT Giáo dục Mầm non, mục tiêu Năng lực số được thể hiện ở mã CH11: “Sử dụng được CNTT và công nghệ số trong tự học, nghiên cứu khoa học, trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ”.

Mục tiêu CH11 của CTĐT trước hết được cụ thể hoá qua mục tiêu học phần Tin học: “Sau khi học xong học phần, sinh viên hình thành và phát triển năng lực số cơ bản tương ứng bậc 2, đồng thời rèn luyện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non, đáp ứng chuẩn đầu ra CH11, đồng thời góp phần thực hiện các chuẩn đầu ra CH02, CH12, CH13 và CH14 của chương trình đào tạo. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng tư duy công nghệ, phát huy tinh thần học tập suốt đời, xây dựng thái độ nghề nghiệp đúng đắn và khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường số trong bối cảnh đổi mới giáo dục” [Trích ĐCCT học phần Tin học].

Để đáp ứng mục tiêu CH11 của CTĐT, học phần Tin học đã được chỉnh sửa theo hướng giúp người học vừa đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, vừa tiếp cận khung NLS theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT. Theo đó, các CDR của học phần đều hướng đến CDR CH11 của CTĐT.

Bảng 1. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Mức độ đáp ứng: Thấp: 1; Trung bình: 2; Cao: 3)

	CH02	CH11	CH12	CH13	CH14
CDR01	2	2			
CDR02	3	3			
CDR03	3	2			
CDR04		2	2	2	2
CDR05	2	3			
CDR06	2	3			
CDR07	2	3			
CDR08		2	2		
CDR09		2	2	2	2

Bên cạnh học phần Tin học, CDR CH11 còn được tích hợp qua 17 học phần chuyên môn khác:

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		Kiến thức						Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12	CH13	CH14
1	Tin học		x									x	x	x	x
2	Âm nhạc và Múa		x			x	x	x	x			x	x	x	x
3	Mĩ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN		x			x	x	x	x			x			x
4	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non		x			x	x	x	x	x		x	x		x
5	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non		x			x		x	x	x		x	x		x
6	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x
7	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học		x			x			x			x	x		x
8	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non			x		x	x	x	x			x	x		x
9	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá KH về môi trường XQ		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x
10	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			x		x			x	x		x	x		x
11	Rèn nghiệp vụ mầm non		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
12	Thực tập sư phạm 1			x	x	x		x	x	x		x	x	x	x
13	Thực tập sư phạm 2		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
14	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một		x			x		x	x	x		x	x	x	x
15	Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN					x	x	x	x			x	x	x	x
16	Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN		x			x		x	x	x		x	x	x	x
17	Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x

Tại các học phần này, NLS của người học được hình thành thông qua các hoạt động thực hành, tự học, qua sản phẩm học tập và trong quá trình tổ chức dạy học của giảng viên.

Như vậy, qua học phần Tin học và 17 học phần chuyên môn, về cơ bản sinh viên đã hình thành NLS theo khung NLS dành cho người học và bước đầu hình thành NLS của giáo viên mầm non thông qua các hoạt động thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

Với các sinh viên chưa đủ tự tin hoặc có hứng thú chuyên sâu về NLS, CTĐT có thêm học phần tự chọn thay thế khoá luận tốt nghiệp mang tên: “Chuyển đổi số trong GDMN”. Học phần với mục tiêu: “sinh viên có được năng lực số cơ bản, hiểu được một số vấn đề cơ bản về chuyển đổi số trong giáo dục mầm non (GDMN); nắm được những kiến thức cơ bản về một số phần mềm thông dụng trong dạy học mầm non; thiết kế và triển khai các hoạt động học tập tích hợp công nghệ số phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mầm non; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để thiết kế học liệu số; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non; có ý thức trong việc đảm bảo an toàn và đạo đức số trong môi trường giáo dục

mầm non; phát triển kỹ năng nhận thức và vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp giáo viên mầm non, hình thành năng lực nghề nghiệp của người giáo viên mầm non”.

2.2.2.2. Triển khai các hoạt động chuyên môn, học thuật, dự án thực tế liên quan đến ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực chuyên ngành

Bên cạnh hoạt động dạy học, nhà trường còn tổ chức các hoạt động chuyên môn, học thuật nhằm nâng cao năng lực số cho người học:

Bồi dưỡng năng lực số cho người học: Với sinh viên năm thứ 2 và 3 đã học qua học phần Tin học và một số học phần phương pháp, nhà trường tổ chức các lớp “bồi dưỡng năng lực số cho người học”. Lớp học được tổ chức tập trung vào đầu tháng 10 giúp sinh viên có được những kỹ năng số cần thiết để ứng dụng, thực hành ngay trong Hội thi NVSP vào cuối tháng 10, đầu tháng 11.

Đổi mới nội dung, hình thức Hội thi NVSP: Bổ sung phần thi “Sáng tạo nội dung số” trong Hội thi, đồng thời tại các nội dung thi như Tiểu phẩm, Thi Giảng đều bổ sung tiêu chí chấm điểm liên quan đến việc ứng dụng công nghệ số và AI. Kết quả, Hội thi đã đem đến nhiều điều mới mẻ, thể hiện khả năng sáng tạo và sử dụng công nghệ thông minh của người học.

Tổ chức hội nghị SV NCKH và định hướng rõ lĩnh vực ưu tiên nghiên cứu của năm là ứng dụng công nghệ số và AI trong dạy học. Kết quả, năm học 2025 - 2026 có 23 đề tài NCKH của sinh viên thì có tới 16 đề tài chọn nghiên cứu ứng dụng công nghệ số và AI.

2.2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

Sự hình thành và phát triển NLS của học sinh là một quá trình phức hợp, chịu tác động bởi sự tương tác của nhiều yếu tố đa dạng. Bên cạnh nội dung, chương trình dạy học, năng lực của chính giảng viên trong việc sử dụng và tích hợp công nghệ số vào giảng dạy là yếu tố then chốt. Theo UNESCO (2017)³, việc giáo viên sử dụng ICT có mối tương quan tích cực với trình độ NLS của học sinh. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn không chỉ là việc sử dụng, mà là cách sử dụng. Một phương pháp sư phạm hiện đại, xem công nghệ số là công cụ để tổ chức các hoạt động học tập tích cực, kiến tạo kiến thức và giải quyết vấn đề sẽ thúc đẩy NLS của HS hiệu quả hơn nhiều so với việc chỉ dùng công nghệ để trình chiếu thông tin. Theo hướng tiếp cận này, nhà trường đã quyết liệt trong chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường ứng dụng công nghệ số và AI trong tổ chức hoạt động dạy học. Việc ứng dụng công nghệ vào dạy học và đào tạo được chia sẻ thông qua các phương pháp và hình thức thực hành đa dạng, gia tăng cơ hội tiếp cận công nghệ cho sinh viên, giúp các em phát triển NLS gồm: giảng viên hỗ trợ sinh viên phát triển NLS thông qua việc sử dụng môi trường mạng kết hợp với các công cụ số để triển khai các hoạt động học tập tại lớp học. Triển khai các phương pháp dạy học tích cực với hỗ trợ của các công cụ công nghệ trong lớp học để phát triển NLS cho sinh viên. Thiết kế các nguồn học liệu, đặc biệt là các nguồn học liệu số hỗ trợ sinh viên phát triển NLS. Bên cạnh đó, các hoạt động đánh giá thông qua sản phẩm học tập có ứng dụng công nghệ số cũng được phát huy tại

³ UNESCO. (2017). Review of national policies on mobile learning in Asia and the Pacific

các lớp học. Tất cả đã tạo ra một môi trường học tập tích cực, tạo điều kiện phát triển năng lực số cho người học.

2.2.2.4. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của giảng viên

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo năng lực số cho người học, việc bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được xác định là nhiệm vụ then chốt nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và quản lý giáo dục. Với ưu thế có đội ngũ thạc sĩ chuyên ngành Tin học và CNTT, Trường giao cho bộ môn xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ giảng viên theo hướng đáp ứng nhu cầu và năng lực của người học. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá kỹ năng đã có và mong muốn của người học, Bộ môn đã xây dựng chương trình bồi dưỡng phù hợp và triển khai bồi dưỡng trực tiếp kết hợp đánh giá kết quả thông qua sản phẩm học tập của người học. Bên cạnh đó, giảng viên cũng chủ động đăng ký tham gia các chương trình bồi dưỡng, các lớp học trực tuyến miễn phí và có phí để nâng cao năng lực số cho bản thân, chủ động tích cực làm chủ công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

2.2.2.5. Tăng cường cơ sở vật chất

Cùng với việc đổi mới nội dung, CTĐT, phương pháp tổ chức dạy học, nhà trường tiến hành rà soát các máy tính, tivi, máy chiếu, nâng cấp đường truyền wifi tại các phòng học, đảm bảo 100% máy tính ở các phòng học đều được kết nối Internet. Tuy nhiên, đây cũng là điểm yếu của trường khi số lượng người dùng hàng năm tăng, cơ sở vật chất cũ, giới hạn gói cước có hạn. Tuy nhiên, do sinh viên được hỗ trợ kinh phí học tập nên đa số các em cũng tự trang bị được điện thoại thông minh, máy vi tính để học tập.

2.2.2.6. Tạo động lực cho người học

Một trong những biện pháp nâng cao năng lực số cho sinh viên ở trường CĐSP Nam Định là tạo động lực cho người học. Giảng viên chủ động làm chủ công nghệ, say mê công nghệ để truyền cảm hứng cho người học. Giảng viên khuyến khích các sản phẩm sáng tạo, cộng điểm cho cá nhân, nhóm học tập có áp dụng công nghệ số an toàn và thông minh trong học tập. Nhà trường cũng khuyến khích, tạo động lực cho người học bằng cách đưa việc ứng dụng công nghệ số, AI vào tiêu chí chấm điểm tại nhiều phần thi, cuộc thi.

3. Kết luận và khuyến nghị

Phần trình bày phía trên là phác thảo toàn cảnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng NLS cho người học ở trường CĐSP Nam Định trong thời gian gần đây. Với việc triển khai đồng bộ các phương pháp, giải pháp, hoạt động đào tạo NLS cho người học bước đầu có chuyển biến tích cực. Từ thực tiễn triển khai, chúng tôi nhận thấy để việc trang bị NLS cho người học đi vào thực chất và hiệu quả:

Thứ nhất, cần quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện. Như chúng ta đã biết, yêu cầu chuyển đổi số đã được đặt ra từ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 với những định hướng chiến lược trong phát triển nguồn nhân lực: “Rà soát tổng thể, thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển;.... Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo cho chất lượng đào tạo của các trường đại học trong

lĩnh vực công nghệ thông tin. Khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên các nền tảng số⁴. Tuy nhiên, sự chuyển biến tích cực của nhà trường chỉ thực sự bắt đầu khi triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW. Nguyên nhân trước đó nhà trường chưa quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện để biến nhận thức thành hành động. Từ khi có Nghị quyết 57-NQ/TW và đặc biệt là những định hướng chỉ đạo rõ ràng, quyết liệt của Bộ GD&ĐT, các hoạt động CDS ở trường CĐSP Nam Định mới được triển khai và đạt được thành quả nhất định. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng bộ, Nhà trường đã ban hành và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 và những năm tiếp theo của trường CĐSP Nam Định. Dựa trên kế hoạch, các đơn vị phòng, khoa xác định nhiệm vụ trọng tâm triển khai tại đơn vị, quán triệt đến từng giảng viên để triển khai thực hiện. Yêu cầu ứng dụng CDS và AI còn được đưa vào tiêu chí đánh giá giờ dạy, đánh giá thi đua và xếp loại tập thể, cá nhân cuối năm học.

Thứ hai, cần đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ số. Việc trình triển khai CDS trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại trường gặp một rào cản không nhỏ là hạ tầng công nghệ số. Do năng lực tài chính có hạn, các phần mềm quản lý đào tạo, website, đường truyền wifi của Trường còn hạn chế dung lượng. Việc ứng dụng công nghệ số và AI của giảng viên và sinh viên chủ yếu khai thác các phần mềm miễn phí, do vậy, chất lượng và hiệu quả dạy học ứng dụng công nghệ số chưa cao. Trong thời gian tới, muốn đẩy mạnh phát triển NLS cho người học, Trường cần ưu tiên nguồn lực để trang bị hạ tầng cơ sở vật chất cho CDS. Trước hết, nhà trường cần thực hiện rà soát, đánh giá để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng các thiết bị hiện có, từ phòng máy tính, máy chiếu đến hệ thống mạng Internet. Dựa trên thực trạng đó, một lộ trình đầu tư nâng cấp cần được xây dựng một cách hợp lý, có trọng tâm và phù hợp với khả năng tài chính. Bên cạnh nguồn lực từ ngân sách, việc huy động các nguồn lực xã hội hóa theo đúng quy định của pháp luật cũng là một kênh quan trọng để tăng cường và hiện đại hóa cơ sở vật chất, tạo điều kiện tốt nhất cho việc dạy và học trong kỉ nguyên số.

Cuối cùng, ở cấp vĩ mô, Chính phủ, Bộ GD&ĐT, UBND cấp tỉnh cần quan tâm phát triển, tạo ra môi trường chung cho việc phát triển NLS. Hạ tầng công nghệ quốc gia: Tỷ lệ phủ sóng Internet, chất lượng đường truyền và chi phí truy cập ảnh hưởng đến khả năng kết nối chung của toàn xã hội, bao gồm cả nhà trường và gia đình. Hệ sinh thái nội dung số: Sự sẵn có của các tài nguyên học tập, thông tin, giải trí... bằng ngôn ngữ địa phương và phù hợp với văn hóa sẽ khuyến khích người học tham gia và khai thác môi trường số một cách hiệu quả hơn./.

⁴ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN: TỪ CÔNG CỤ HỖ TRỢ ĐƠN NGUYÊN CƠ PHỤ THUỘC

ThS.Đặng Thái Sơn – ThS.Trần Thanh Bắc
Trường CĐSP Điện Biên

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số đang định hình lại mọi lĩnh vực, giáo dục đại học và NCKH đang trải qua một sự thay đổi mang tính kiến tạo. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của AI, đặc biệt là AI tạo sinh (Generative AI), đã mở ra những chân trời mới về phương pháp luận và hiệu suất. AI không còn là công cụ hỗ trợ đơn thuần mà đã trở thành một “trợ lý ảo” đắc lực cho đội ngũ giảng viên. Những nền tảng như ChatGPT hay Gemini, Copilot có thể hỗ trợ soạn thảo, lập luận và gợi ý cấu trúc, trong khi các công cụ chuyên sâu như Scite, Elicit hay Semantic Scholar đang cách mạng hóa cách chúng ta tìm kiếm, tổng hợp và phân tích tài liệu [13]. Khả năng xử lý dữ liệu lớn, tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại (như sàng lọc tài liệu hoặc phân tích thống kê) và phát hiện các mẫu hình phức tạp của AI đang giúp rút ngắn đáng kể thời gian nghiên cứu, mở rộng biên giới tri thức và tăng cường khả năng tiếp cận khoa học.

Tuy nhiên, song hành với những cơ hội to lớn là nguy cơ về sự “phụ thuộc hóa” (dependency) vào AI - một hiện tượng mới nhưng đáng lo ngại trong giới học thuật. Khi các công cụ thông minh ngày càng tinh vi và đảm nhận nhiều khâu sáng tạo cốt lõi của con người, ranh giới giữa “AI hỗ trợ” (AI-assisted) và “AI thay thế” (AI-replaced) trở nên vô cùng mong manh. Mỗi nguy không chỉ dừng lại ở việc lạm dụng công cụ, mà còn là sự xói mòn tiềm tàng đối với tư duy phản biện, tính nguyên bản (originality) và năng lực nghiên cứu cốt lõi. Hơn nữa, các vấn đề về độ tin cậy của thông tin do AI tạo ra (hiện tượng “ảo giác” - *hallucinations*), tính thiên vị trong thuật toán và sự thiếu minh bạch trong quy trình xử lý dữ liệu đặt ra những câu hỏi nghiêm trọng về tính chính xác và khách quan của kết quả nghiên cứu.

Điều này đặt ra một thách thức kép đối với giảng viên: họ vừa là nhà nghiên cứu phải vật lộn với các quy chuẩn mới về liêm chính học thuật (academic integrity) khi sử dụng AI, vừa là nhà giáo dục có trách nhiệm định hướng đạo đức và phương pháp tư duy khoa học cho thế hệ sinh viên đang lớn lên cùng AI. Tốc độ thâm nhập của các công cụ AI vào môi trường học thuật đang nhanh hơn đáng kể so với tốc độ xây dựng các khung khổ pháp lý, quy định thể chế và chuẩn mực đạo đức.

Bối cảnh này cho thấy sự cấp thiết của việc phân tích sâu các thách thức đa chiều mà giảng viên phải đối mặt. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm mục tiêu phân tích những thách thức chủ yếu (bao gồm cả thách thức về mặt kỹ năng, tâm lý, học thuật và đạo đức) trong việc sử dụng AI của giảng viên khi thực hiện NCKH. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm giúp giảng viên không chỉ khai thác AI một cách hiệu quả để nâng cao năng suất, mà còn duy trì được tính liêm chính, chủ

động trong tư duy, có trách nhiệm và đảm bảo sự phát... bền vững của hoạt động nghiên cứu trong kỷ nguyên số.

2. Nội dung

2.1. AI với vai trò “công cụ hỗ trợ” trong nghiên cứu khoa học

Sự thâm nhập của AI vào môi trường học thuật đã khởi đầu một giai đoạn tái cấu trúc căn bản hoạt động NCKH, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục đại học. Nếu phương pháp nghiên cứu truyền thống vốn phụ thuộc vào năng lực cá nhân và quy trình xử lý thủ công, sự xuất hiện của AI đã mang đến một hệ công cụ mạnh mẽ, có khả năng tối ưu hóa thời gian, gia tăng độ chính xác và dân chủ hóa việc tiếp cận kho tri thức toàn cầu.

Trong khảo sát “2024 Global AI Student Survey”, Digital Education Council thu được 3.839 phản hồi từ sinh viên hệ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ tại 16 quốc gia - các lĩnh vực học tập khác nhau. Trên bình quân, mỗi sinh viên sử dụng trên 2 công cụ AI cho khóa học của mình. Trong đó, công cụ phổ biến nhất là ChatGPT (66%), tiếp theo là Grammarly và Microsoft Copilot (mỗi công cụ 25%). Những trường hợp sử dụng phổ biến gồm: Tìm kiếm thông tin (69%); Kiểm tra ngữ pháp (42%); TÓM TẮT tài liệu (33%); Diễn giải lại văn bản (28%); Tạo bản thảo đầu tiên (24%) [3].

Ở góc độ tích cực, AI có thể được sử dụng để tìm kiếm tài liệu, phân tích dữ liệu, gợi ý đề cương nghiên cứu, chỉnh sửa chính tả và cải thiện hành văn theo ngôn ngữ tự nhiên, qua đó giúp nhà nghiên cứu tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc [6]. AI vận hành như một “trợ lý học thuật”, cho phép giảng viên hệ thống hóa và đẩy nhanh tiến độ các công đoạn nghiên cứu, từ tổng quan tài liệu, phân tích dữ liệu đến soạn thảo và công bố.

2.1.1. Hỗ trợ tổng quan tài liệu (Literature review)

Tổng quan tài liệu, một công đoạn nền tảng nhưng tiêu tốn nhiều tài nguyên, đang được AI định hình lại. Trước bối cảnh dữ liệu khoa học tăng trưởng theo cấp số nhân, việc rà soát thủ công trở nên kém hiệu quả và tiềm ẩn nguy cơ bỏ sót các công trình quan trọng. Các nền tảng ứng dụng AI như Google Scholar, Copilot, Elicit hay Research Rabbit đã giải quyết thách thức này bằng cách sử dụng thuật toán học máy để tự động hóa việc đề xuất các bài báo liên quan, TÓM TẮT nội dung cốt lõi và trực quan hóa mối liên hệ giữa các công trình. Người nghiên cứu cần ghi lại rõ ràng những công cụ AI đã sử dụng, mục đích sử dụng, cũng như kết quả đầu ra của các tương tác đó. Đồng thời, hãy chuẩn bị để công khai minh bạch những công cụ, cơ sở dữ liệu và tiêu chí đã dùng để lựa chọn, phân tích nguồn tài liệu. Cần ghi nhớ rằng bạn là người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với mọi sản phẩm được tạo ra - còn AI chỉ đóng vai trò trợ lý hỗ trợ [13].

Các mô hình ngôn ngữ lớn (LLMs) như ChatGPT hay Gemini còn mở rộng khả năng này bằng việc hỗ trợ xây dựng khung lý thuyết và xác định các “khoảng trống nghiên cứu” (research gaps). Điều này không chỉ rút ngắn giai đoạn khởi đầu của một đề tài mà còn tăng cường khả năng tiếp cận tri thức cho giảng viên tại các cơ sở đào tạo ở khu vực xa trung tâm, nơi nguồn lực truy cập cơ sở dữ liệu học thuật còn hạn chế. Mặc dù vậy, giá trị của sự hỗ trợ này phụ thuộc vào năng lực thẩm định của nhà nghiên cứu. AI chỉ cung cấp kết quả dựa trên dữ liệu được huấn luyện, do đó, vai trò giám sát,

đánh giá và lựa chọn của con người vẫn là yếu tố quyết định để đảm bảo tính xác thực và chiều sâu học thuật.

2.1.2. Hỗ trợ phân tích dữ liệu và nhận diện xu hướng

Năng lực của AI không chỉ giới hạn ở việc tìm kiếm tài liệu mà còn thể hiện ưu thế vượt trội trong phân tích dữ liệu. Thông qua học máy (machine learning) và xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), các công cụ AI có khả năng nhận diện các mẫu (patterns) và mối tương quan tiềm ẩn trong những tập dữ liệu quy mô lớn.

Trong các lĩnh vực khoa học xã hội và giáo dục, AI hỗ trợ hiệu quả việc xử lý dữ liệu khảo sát, mã hóa phản hồi định tính và tự động hóa quy trình thống kê thông qua các nền tảng như ChatGPT Advanced Data Analysis hay NVivo AI Assistant. Minh chứng cho điều này là dự án của Emma Zang tại Đại học Yale, nơi AI được sử dụng để giải mã 1,5 triệu bản án pháp lý tại Trung Quốc, giúp phân tích tác động của thay đổi luật pháp lên bất bình đẳng giới trong các vụ ly hôn - một công việc bất khả thi nếu thực hiện thủ công [15]. Tương tự, các nhà nghiên cứu tại Stanford đã sử dụng LLMs để mô phỏng phản ứng của con người trong các thử nghiệm ngẫu nhiên có kiểm soát, cho thấy kết quả dự đoán của AI tương quan mạnh (0.85) với các hiệu ứng đo lường được trên người thật [1]. Dẫu vậy, AI không thể thay thế sự am hiểu về phương pháp luận. Dữ liệu đầu vào thiếu chính xác hoặc mô hình phân tích không phù hợp vẫn sẽ dẫn đến kết quả sai lệch, khẳng định rằng tư duy phản biện của con người phải luôn giữ vai trò trung tâm.

2.1.3. Hỗ trợ soạn thảo và hoàn thiện bản thảo nghiên cứu

Một trong những ứng dụng phổ biến nhất của AI là hỗ trợ soạn thảo và biên tập học thuật. Các công cụ như Grammarly, QuillBot, hay Writefull có khả năng chỉnh sửa ngữ pháp, đề xuất cách diễn đạt học thuật và cải thiện cấu trúc logic của văn bản. Một khảo sát của Rakshita Verma, Mini Amit Arrawatia và Sapna - Đại học Phụ nữ Jayoti Vidyapeeth, Jaipur, Ấn Độ cho thấy 46.3% sinh viên và nhà nghiên cứu sử dụng AI cho việc viết và biên tập [10]. 89.3% người dùng xác nhận AI giúp họ hoàn thành dự án nhanh hơn hoặc công bố nhiều hơn [10].

AI cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo liêm chính học thuật thông qua các công cụ kiểm tra đạo văn như Turnitin hay GPTZero, giúp giảng viên kiểm soát tính nguyên bản của công trình. Trong bối cảnh các cơ sở giáo dục khuyến khích công bố quốc tế, AI hoạt động như một “huấn luyện viên viết học thuật”, giúp nhà nghiên cứu tự tin hơn trong việc trình bày luận điểm. Cần có sự phân định rạch ròi giữa “AI biên tập” và “AI sáng tạo nội dung”. Việc để AI tạo ra toàn bộ phần lý luận hay phân tích sẽ làm xói mòn vai trò của nhà khoa học. Giữ AI ở vị thế công cụ đồng nghĩa với việc con người phải làm chủ hoàn toàn tư duy, lập luận và giá trị khoa học của sản phẩm cuối cùng.

2.2. Quá trình chuyển hóa “từ hỗ trợ đến phụ thuộc”

Ranh giới giữa việc sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ và trạng thái phụ thuộc đang ngày càng trở nên mong manh. Sự phát triển của các LLMs đã đơn giản hóa quy trình nghiên cứu đến mức có thể thực hiện chỉ bằng một chuỗi lệnh. Sự tiện lợi này, dù

giúp tăng năng suất, lại tiềm ẩn nguy cơ làm suy giảm khả năng tư duy độc lập - phẩm chất cốt lõi của một nhà nghiên cứu.

2.2.1. Ranh giới mờ nhạt giữa hỗ trợ hiệu quả và lạm dụng AI

Quá trình chuyển hóa thường bắt đầu một cách vô thức. Ban đầu, giảng viên sử dụng AI để tra cứu tài liệu hoặc chỉnh sửa ngữ pháp. Khi nhận thấy khả năng tạo ra các bản tóm tắt hay đề cương nghiên cứu chỉ trong vài phút, thói quen “ủy thác” cho AI dần hình thành. Sự phổ biến này được phản ánh qua các con số: một khảo sát toàn cầu năm 2024 cho thấy 46,7% người tham gia thường xuyên sử dụng các công cụ AI (hàng ngày hoặc gần như hàng ngày) và 89,3% khẳng định rằng AI giúp họ xuất bản nhiều hơn hoặc hoàn thành dự án nhanh hơn. [10]. Trong khi đó, theo một khảo sát mới từ Digital Education Council - liên minh toàn cầu gồm các trường đại học và doanh nghiệp về sáng tạo giáo dục - phần lớn sinh viên (86%) cho biết họ đã sử dụng AI trong học tập. Họ dùng khá thường xuyên: 24% báo cáo sử dụng AI mỗi ngày; 54% sử dụng mỗi ngày hoặc mỗi tuần; 54% ít nhất mỗi tuần [3]

Các yếu tố tâm lý và áp lực thể chế càng thúc đẩy quá trình này. Áp lực công bố và thời hạn hoàn thành đề tài khiến nhiều giảng viên lựa chọn giải pháp “tối ưu hóa” bằng cách giao phó các công đoạn phức tạp cho AI. Các khảo sát gần đây cho thấy một bộ phận không nhỏ giảng viên thừa nhận đã để AI viết một phần bài nghiên cứu mà không kiểm chứng kỹ lưỡng. Từ một công cụ hỗ trợ, AI có nguy cơ trở thành một “cái nạng học thuật”, thay thế cho quá trình tư duy sáng tạo.

2.2.2. Biểu hiện và nguyên nhân của sự phụ thuộc học thuật

Sự phụ thuộc vào AI biểu hiện rõ nhất ở sự suy giảm năng lực tư duy phản biện. Khi quá trình tổng hợp và phân tích được AI thực hiện gần như toàn bộ, nhà nghiên cứu có xu hướng chấp nhận kết quả một cách thụ động mà không kiểm chứng nguồn gốc thông tin. Kê đến là sự xói mòn các kỹ năng học thuật nền tảng như viết, lập luận logic và phân tích dữ liệu. Một số giảng viên trẻ, do quen sử dụng AI từ sớm, có thể dần mất khả năng tự mình bảo vệ một luận điểm khoa học.

Nguyên nhân của hiện tượng này bắt nguồn từ tâm lý “ngại tiện lợi” và sự thiếu hụt nhận thức phản biện về công nghệ. Nhiều người dùng chưa hiểu rõ cơ chế hoạt động và giới hạn của AI, dẫn đến việc sử dụng thiếu kiểm soát. Môi trường học thuật thiếu các quy định rõ ràng về mức độ sử dụng AI cũng góp phần tạo ra một “vùng xám”, khiến người dùng không xác định được đâu là giới hạn của sự hỗ trợ hợp pháp. Quá trình chuyển hóa này là một diễn biến tiềm ẩn nhiều rủi ro, có nguy cơ làm mất đi bản sắc và giá trị cá nhân của nhà nghiên cứu trong khoa học.

2.3. Các thách thức khi “nguy cơ phụ thuộc” trở thành hiện thực

Khi việc sử dụng AI vượt qua ngưỡng hỗ trợ để trở thành sự phụ thuộc, một loạt thách thức về học thuật, đạo đức và nghề nghiệp sẽ xuất hiện. Những thách thức này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng công trình nghiên cứu mà còn đe dọa đến vị thế trí thức độc lập của đội ngũ giảng viên. Cụ thể là những thách thức sau:

2.3.1. Thách thức về đạo đức và liêm chính học thuật

Đây là vấn đề được quan tâm hàng đầu trong giới học thuật quốc tế. Khi AI

tham gia sâu vào quá trình tạo sinh tri thức, ranh giới giữa sáng tạo và sao chép trở nên mờ nhạt. Hiện tượng “ảo giác thông tin” (AI hallucination) - khi AI tạo ra dữ kiện hoặc trích dẫn không tồn tại - càng làm gia tăng nguy cơ sai lệch khoa học. Trong khảo sát thực hiện với 445 giảng viên và cán bộ quản lý thuộc hơn 330 cơ sở giáo dục tại Hoa Kỳ và Canada năm 2024, 49% người tham gia bày tỏ lo ngại về sự thiên lệch của mô hình AI. 59% lo ngại về an toàn và quyền riêng tư dữ liệu. 53% cho biết họ quan ngại về ảnh hưởng của AI đến năng lực tư duy phản biện của người học [5]. Một khảo sát tại Tecnológico de Monterrey (Mexico) cho thấy 55% sinh viên tin rằng AI có thể ảnh hưởng tiêu cực đến liên chính học thuật, do khả năng bị lạm dụng để gian lận trong làm bài hoặc thi cử. [2]

Những số liệu này cho thấy AI vừa mang lại kỳ vọng to lớn, vừa làm gia tăng sự dè chừng trong giới giáo dục đại học, đặc biệt liên quan đến các giá trị học thuật cốt lõi.

2.3.2. Thách thức về năng lực chuyên môn và tư duy phản biện

Một hệ quả đáng lo ngại của sự phụ thuộc là sự suy giảm năng lực tư duy độc lập. AI cung cấp câu trả lời nhanh và có cấu trúc chuẩn mực, khiến người dùng dễ chấp nhận mà không đặt câu hỏi phản biện. Một khảo sát của Pew Research Center cho 53% người trưởng thành Hoa Kỳ tin rằng AI sẽ làm giảm khả năng tư duy sáng tạo, chỉ 16% cho rằng nó sẽ cải thiện năng lực này. Đối với năng lực giải quyết vấn đề, 29% tin rằng AI có thể giúp con người tốt hơn, nhưng 38% lại cho rằng ngược lại. [9]. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong môi trường sư phạm, nơi giảng viên có trách nhiệm định hướng tư duy khoa học cho sinh viên. Nếu bản thân người thầy không còn khả năng kiểm soát kết quả do AI tạo ra, sinh viên sẽ có xu hướng học theo thói quen thụ động, tin vào công cụ thay vì quy trình tư duy logic.

2.3.3. Thách thức về quản lý học thuật và chính sách

Việc AI được sử dụng rộng rãi trong bối cảnh thiếu khung pháp lý rõ ràng đang tạo ra thách thức lớn cho công tác quản lý nghiên cứu. Các hội đồng khoa học và tạp chí hiện vẫn thiếu công cụ hiệu quả để xác định mức độ can thiệp của AI, dẫn đến sự bất bình đẳng trong đánh giá học thuật. Một khảo sát của Ellucian cho thấy 78% quản trị viên giáo dục lo ngại AI có thể tác động tiêu cực đến tính liên chính học thuật [5]. Các tiêu chí đánh giá hiện nay, vốn chú trọng vào sản lượng công bố, có thể vô tình khuyến khích xu hướng “sản xuất tri thức nhanh” thay vì nghiên cứu có chiều sâu.

2.4. Một số giải pháp để giữ AI ở vai trò “công cụ”

Việc AI trở thành một phần không thể thiếu trong NCKH là một xu thế tất yếu. Để công nghệ này thực sự phát huy vai trò hỗ trợ thay vì thay thế tư duy, giới học thuật cần chủ động định hình văn hóa sử dụng và cơ chế kiểm soát phù hợp, giữ con người ở vị trí trung tâm của quá trình sáng tạo. Trong khuôn khổ của bài viết, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

2.4.1. Xây dựng khung hướng dẫn đạo đức học thuật về AI

Việc xây dựng khung hướng dẫn đạo đức học thuật trong sử dụng AI là yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở giáo dục hiện nay. AI cần được đặt trong khuôn khổ quản lý rõ ràng, xác định cụ thể phạm vi ứng dụng hợp lệ và các giới hạn đạo đức trong hoạt

động NCKH. Bộ quy tắc này không chỉ hướng dẫn giảng viên và sinh viên sử dụng AI một cách minh bạch, trung thực mà còn bảo đảm tính liêm chính học thuật và giá trị sáng tạo cá nhân.

Các quy định nên tập trung vào những nguyên tắc cốt lõi như: công khai công cụ được sử dụng, ghi nhận vai trò hỗ trợ của AI trong sản phẩm nghiên cứu, tránh việc “đồng tác giả hóa” cho các hệ thống máy học và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về bản quyền và dữ liệu. Bên cạnh đó, nhà trường cần hình thành các cơ chế kiểm tra, giám sát, cũng như quy trình phản hồi và xử lý khi có vi phạm. Việc sớm ban hành và phổ biến rộng rãi khung đạo đức không chỉ giúp người sử dụng định vị đúng vai trò của AI mà còn góp phần tạo dựng môi trường học thuật trong sạch, đáng tin cậy và hướng đến phát triển bền vững.

2.4.2. Bồi dưỡng năng lực số và kỹ năng nghiên cứu độc lập

Song song với việc thiết lập khung đạo đức, việc nâng cao năng lực số và kỹ năng nghiên cứu độc lập của giảng viên, sinh viên là nền tảng để sử dụng AI một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Người nghiên cứu cần được trang bị kiến thức về nguyên lý hoạt động của AI, hiểu rõ giới hạn và rủi ro tiềm ẩn, từ đó có thể đánh giá, chọn lọc và kiểm chứng thông tin một cách chủ động.

Các chương trình bồi dưỡng nên hướng tới phát triển toàn diện ba năng lực chính: (1) năng lực hiểu và vận hành công cụ AI trong quy trình nghiên cứu; (2) năng lực tư duy phản biện để nhận diện sai lệch, nguy cơ thông tin và “ảo giác” của AI; và (3) năng lực sáng tạo độc lập - đảm bảo người dùng vẫn là chủ thể của tri thức, không bị chi phối bởi sự “dẫn dắt” của thuật toán.

2.4.3. Xây dựng văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm

Cần kiến tạo một văn hóa học thuật mới, nơi tính minh bạch, phản tư và sáng tạo được đề cao hơn tốc độ. Giảng viên cần được khuyến khích sử dụng AI một cách có ý thức, ghi nhận đóng góp của công cụ nhưng vẫn bảo toàn quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm học thuật. Các diễn đàn khoa học nội bộ là kênh hữu hiệu để chia sẻ kinh nghiệm và hình thành chuẩn mực đạo đức tập thể.

2.4.4. Hoàn thiện chính sách và công cụ kiểm soát học thuật

Các cơ quan quản lý cần phát triển công cụ kiểm định hiện đại, có khả năng phát hiện mức độ can thiệp của AI trong sản phẩm nghiên cứu, các công cụ hiện tại như Turnitin, Quillbot chưa đủ mạnh và hiệu quả. Đồng thời, cần điều chỉnh cơ chế đánh giá, chuyển trọng tâm từ “số lượng” sang “chất lượng và tính sáng tạo”. Chính sách đúng đắn sẽ định hướng giảng viên sử dụng AI như một trợ thủ học thuật, chứ không phải một “lối tắt” để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Kết luận

Sự tích hợp của AI vào hoạt động NCKH đã mở ra một kỷ nguyên mới, nơi con người và công nghệ song hành trong quá trình kiến tạo tri thức. Đối với đội ngũ giảng viên, diễn tiến từ “hỗ trợ” đến “phụ thuộc” vào AI đang đặt ra những câu hỏi nền tảng về bản chất của khoa học và vai trò của chính họ với tư cách là nhà nghiên cứu và nhà giáo dục. Khi các công cụ AI ngày càng tinh vi, ranh giới giữa việc khai thác hợp lý để nâng cao

năng suất và sự lệ thuộc thái quá làm xói mòn tư duy trở nên vô cùng mong manh.

Đề duy trì vị thế của AI như một “công cụ phục vụ tri thức”, trách nhiệm cốt lõi thuộc về chính người giảng viên. Vượt lên trên các chính sách quản lý của cơ sở giáo dục, mỗi giảng viên phải tự định vị mình là một người sử dụng có trách nhiệm, chủ động nhận thức rõ giới hạn can thiệp của công nghệ trong từng công trình. Điều này không chỉ đòi hỏi việc không ngừng bồi dưỡng năng lực số và tư duy phản biện, mà còn là sự cam kết giữ vững vai trò lãnh đạo trí tuệ trong toàn bộ quy trình nghiên cứu. Cách một giảng viên sử dụng AI trong nghiên cứu sẽ trực tiếp định hình phương pháp tư duy khoa học mà họ truyền đạt cho sinh viên. Một người thầy phụ thuộc vào công cụ sẽ tạo ra một thế hệ người học thụ động; ngược lại, một người thầy làm chủ công nghệ sẽ đào tạo nên những nhà khoa học tương lai có năng lực phản biện và sáng tạo.

Thước đo cho sự tương tác thành công với AI trong kỷ nguyên số không nằm ở mức độ ứng dụng, mà ở khả năng bảo toàn và phát huy tư duy độc lập của người giảng viên trong từng sản phẩm tri thức. Khi được khai thác như một “cộng sự” trí tuệ thay vì “người thay thế” tư duy, AI sẽ giúp giảng viên vừa giải phóng mình khỏi các tác vụ cơ học, vừa có thêm không gian để tập trung vào sứ mệnh cốt lõi: đặt ra những câu hỏi nghiên cứu sâu sắc và định hướng cho thế hệ tương lai. Chỉ khi đó, giảng viên mới thực sự tận dụng được sức mạnh công nghệ mà vẫn bảo vệ được linh hồn của nghiên cứu khoa học: tính sáng tạo, trung thực và nhân văn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anara. (2025). *AI in Education Statistics 2025*. <https://anara.com/blog/ai-in-education-statistics>.
- Campbell University. (2025). *AI in Higher Education: A Summary of Recent Surveys of Students and Faculty*. <https://sites.campbell.edu/academictchnology/2025/03/06/ai-in-higher-education-a-summary-of-recent-surveys-of-students-and-faculty/>
- Campus Technology. (2024). *Survey: 86% of Students Already Use AI in Their Studies*. <https://campustechnology.com/articles/2024/08/28/survey-86-of-students-already-use-ai-in-their-studies.aspx>
- Financial Express. (2025). *Explainer: How AI is learning all the wrong lessons from social media data*. <https://financialexpress.com>
- EDUCAUSE. (2024). *Ellucian's AI Survey of Higher Education Professionals Reveals Surge in AI Adoption.*: <https://www.educause.edu/about/corporate-participation/member-press-releases/ellucians-ai-survey-of-higher-education-professionals-reveals-surge-in-ai-adoption>
- Nguyễn Thành Chung, Tạ Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương, Đặng Bảo Sơn, Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Phương Thảo. (2025). *AI trong viết báo quốc tế: Cơ hội, rủi ro và chiến lược từ các tác giả thành công trên thế giới. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội (HIUJS)*, tập 6A, tr. 145. DOI: <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.673>
- N. P. Quân. (2024). *ChatGPT trong khoa học và giáo dục. HIUJS*, tập 30, tr. 149-158. DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.30.2024.653>
- N. T. Phước. (2023). *Sử dụng ChatGPT làm công cụ hỗ trợ trong việc dạy và học ngành truyền thông. HIUJS*, tập 25, tr. 95-100.

- Pew Research Center. (2025). *How Americans View AI and Its Impact on People and Society*. <https://www.pewresearch.org/science/2025/09/17/how-americans-view-ai-and-its-impact-on-people-and-society/>
- ResearchGate. (2024). *Artificial Intelligence and its Impact on Academic Writing and Research Productivity*. https://www.researchgate.net/publication/395028818_Artificial_Intelligence_and_its_Impact_on_Academic_Writing_and_Research_Productivity
- Stanford University. (2025). *How AI can help social science researchers simulate human subjects* <https://news.stanford.edu/stories/2025/07/ai-social-science-research-simulated-human-subjects>
- The Washington Post. (2025). *Can you opt out of AI? These workers are trying*. <https://washingtonpost.com>
- University of Iowa. (2024). *AI-Assisted Literature Reviews*. <https://teach.its.uiowa.edu/news/2024/03/ai-assisted-literature-reviews>
- Yale University. (2024). *AI Accelerates Research Across Social Sciences: Insights from Yale's DISSC*. <https://isps.yale.edu/news/blog/2024/12/ai-accelerates-research-across-social-sciences-insights-from-yales-dissc>
- Zendy. (2025). *AI in Research for Students & Researchers: 2025 Trends & Statistics*. <https://zendy.io/blog/ai-in-research-for-students-researchers-2025-trends-statistics>

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ỨNG DỤNG AI CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ GIÁO VIÊN MẦM NON

PGS.TS.Trương Đình Thăng
Trường CĐSP Quảng Trị

1. Mở đầu

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra một sự chuyển dịch sâu sắc trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục là một trong những lĩnh vực chịu tác động trực tiếp và nhanh nhất. Nếu như trước đây chuyển đổi số trong giáo dục chủ yếu gắn với hạ tầng, phần mềm và học liệu điện tử, thì hiện nay AI đang làm thay đổi sâu hơn cách con người thiết kế hoạt động dạy học, quản lý cơ sở giáo dục, hỗ trợ phát triển chuyên môn và thậm chí là cách giáo viên suy nghĩ về nghề nghiệp của mình. UNESCO cho rằng trong bối cảnh AI, nhà giáo không chỉ cần tri thức chuyên môn và năng lực sư phạm truyền thống, mà còn cần những năng lực mới để sử dụng, kiểm soát và phân biệt AI một cách có trách nhiệm (UNESCO, 2024). Chính vì vậy, UNESCO đã công bố *Khung năng lực AI cho giáo viên*, xác định 15 năng lực thuộc 5 nhóm: tư duy lấy con người làm trung tâm, đạo đức AI, nền tảng và ứng dụng AI, sự phạm với AI và AI cho phát triển nghề nghiệp (UNESCO, 2024).

Trong bối cảnh đó, giáo dục mầm non nổi lên như một lĩnh vực vừa có nhiều cơ hội, vừa có nhiều đòi hỏi đặc thù hơn các cấp học khác. Cơ hội nằm ở chỗ AI có thể hỗ trợ giáo viên và cán bộ quản lý giảm tải những công việc hành chính, thiết kế nhanh hơn các hoạt động giáo dục, cá nhân hóa gợi ý học liệu, hỗ trợ giao tiếp với phụ huynh, tổng hợp báo cáo, xây dựng hình ảnh, câu chuyện và trò chơi học tập phù hợp với chủ đề. Tuy nhiên, khác với các bậc học khác, giáo dục mầm non gắn chặt với tương tác trực tiếp, cảm xúc, ngôn ngữ, thói quen, hành vi và quá trình phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. UNESCO nhấn mạnh rằng việc sử dụng AI tạo sinh trong giáo dục phải đặt trên nền tảng nhân văn, bảo vệ dữ liệu riêng tư, bảo đảm tính phù hợp với lứa tuổi và không làm suy giảm vai trò trung tâm của con người trong giáo dục (Miao & Holmes, 2023). Điều đó cho thấy, với bậc học mầm non, AI chỉ có ý nghĩa khi nó được sử dụng như một công cụ hỗ trợ nhà giáo, chứ không thể thay thế vai trò giáo dục mang tính chăm sóc, nuôi dưỡng và tương tác nhân văn của giáo viên.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số và ứng dụng AI trong giáo dục đang được thúc đẩy nhanh hơn trong những năm gần đây. Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã đặt ra yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển AI cho ngành giáo dục như một định hướng dài hạn nhằm thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025a). Đặc biệt, Thông tư năm 2026 của Bộ GD&ĐT ban hành *Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên* đã tạo ra một căn cứ chính sách trực tiếp cho việc thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong bối cảnh chuyển đổi số và AI. Theo Thông tư này, khung năng lực số gồm 6 miền năng lực, trong đó có một

miền riêng về ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đồng thời được xác định là cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tài liệu học tập, hướng dẫn phát triển năng lực số; và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Bộ GD & ĐT, 2026).

Trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra không phải là có nên ứng dụng AI hay không, mà là phải đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non như thế nào để họ có thể sử dụng AI đúng mục đích, đúng giới hạn và đúng yêu cầu nghề nghiệp. Từ cách tiếp cận đó, bài tham luận này tập trung phân tích yêu cầu mới, thực trạng và những vấn đề đặt ra trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong thời đại AI; đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác này trong giai đoạn tới, từ góc nhìn của các trường cao đẳng sư phạm (CĐSP) nói chung và Trường CĐSP Quảng Trị nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh và yêu cầu

Trước hết cần thấy rằng sự xuất hiện của AI không chỉ đơn thuần là bổ sung thêm một bộ công cụ công nghệ vào nhà trường. Điểm khác biệt của AI, đặc biệt là AI tạo sinh, là nó có khả năng tham gia trực tiếp vào các công việc từng được xem là thuộc về năng lực trí tuệ của con người, như tạo văn bản, gợi ý kế hoạch hoạt động, tổng hợp thông tin, xử lý ngôn ngữ, thiết kế hình ảnh và hỗ trợ ra quyết định. Chính vì vậy, việc đào tạo đội ngũ trong thời đại AI không thể hiểu đơn giản là tập huấn sử dụng vài phần mềm, mà phải là quá trình hình thành một năng lực nghề nghiệp mới: biết phối hợp giữa phán đoán sư phạm của con người với sự hỗ trợ của công nghệ, biết nhận diện rủi ro, biết kiểm chứng đầu ra, biết đặt đạo đức nghề nghiệp lên trên sự thuận tiện của công cụ. Quan điểm này phù hợp với tinh thần của *Khung năng lực AI cho giáo viên* của UNESCO, trong đó năng lực AI được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với quyền con người, đạo đức, tính bền vững và quyền năng nghề nghiệp của giáo viên (UNESCO, 2024).

Với giáo dục mầm non, yêu cầu ấy còn rõ hơn. Bậc học này không lấy việc truyền thụ tri thức làm mục tiêu duy nhất, mà hướng tới nuôi dưỡng, chăm sóc, hình thành nền tảng nhân cách, ngôn ngữ, cảm xúc, giao tiếp và thói quen học tập ban đầu cho trẻ. Vì vậy, trong giáo dục mầm non, AI không thể được nhìn nhận theo cách “càng dùng nhiều càng tốt”, mà phải được sử dụng trong giới hạn hợp lý, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ nhỏ. OECD chỉ ra rằng số hóa đang đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ giáo dục mầm non, không chỉ về mặt kỹ thuật mà còn về trách nhiệm bảo đảm chăm sóc, an toàn và hạnh phúc của trẻ trong thời đại số. Báo cáo này cũng cho thấy phát triển năng lực số cho đội ngũ mầm non phải bao quát cả kỹ năng kỹ thuật, sử dụng có trách nhiệm và các chiều cạnh xã hội – hợp tác trong phát triển nghề nghiệp (Dardanou et al., 2023).

Ở bình diện rộng hơn, kết quả TALIS 2024 cho thấy AI đã đi vào thực tiễn nghề nghiệp của giáo viên nhanh hơn nhiều so với tốc độ chuẩn bị của hệ thống. Trung bình trong các hệ thống giáo dục OECD, 29% giáo viên cho biết họ còn nhu cầu phát triển

chuyên môn về AI, trong khi 38% đã tham gia các hoạt động học tập chuyên môn về nội dung này (OECD, 2025a). Điều đó cho thấy AI không còn là câu chuyện của tương lai xa, mà đã trở thành một yêu cầu hiện hữu đối với phát triển nghề nghiệp nhà giáo. Với các nước đang chuyển đổi mạnh như Việt Nam, thông điệp rút ra là nếu công tác đào tạo và bồi dưỡng không đi trước một bước, đội ngũ rất dễ rơi vào tình trạng “dùng trước, hiểu sau”, từ đó làm gia tăng nguy cơ lệ thuộc, sử dụng thiếu chuẩn mực hoặc sử dụng sai mục tiêu sư phạm.

Riêng tại Việt Nam, dữ liệu TALIS 2024 cho thấy 64% giáo viên báo cáo đã sử dụng AI trong công việc, cao hơn khá nhiều so với mức trung bình OECD là 36%. Tuy nhiên, trong số những người chưa sử dụng AI, 60% cho biết họ thiếu kiến thức và kỹ năng để dạy học với AI, còn 71% cho rằng trường của họ thiếu hạ tầng phục vụ sử dụng AI, trong khi mức trung bình OECD về rào cản hạ tầng là 37% (OECD, 2025b). Những con số này phản ánh một thực tế hai mặt: đội ngũ giáo viên Việt Nam đang tiếp cận AI khá nhanh, nhưng việc tiếp cận ấy chưa đồng đều và còn phụ thuộc mạnh vào điều kiện hạ tầng, năng lực cá nhân và cơ hội được hỗ trợ chính thức từ cơ quan quản lý cũng như các cơ sở đào tạo sư phạm.

Điểm mới cần nhấn mạnh hiện nay là yêu cầu phát triển năng lực không còn chỉ dừng ở nhận thức học thuật hay khuyến nghị quốc tế, mà đã được cụ thể hóa trong chính sách quốc gia. Theo Thông tư năm 2026 của Bộ GD&ĐT, Khung năng lực số gồm 6 miền: (1) tổ chức dạy học, giáo dục trong môi trường số; (2) kiểm tra, đánh giá; (3) trao quyền cho người học; (4) kỹ năng công nghệ số; (5) phát triển chuyên môn; và (6) ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Riêng miền năng lực về AI được cấu trúc thành 4 nhóm năng lực thành phần: tư duy lấy con người làm trung tâm, đạo đức AI, sư phạm AI, và AI cho phát triển chuyên môn. Điều này cho thấy cách tiếp cận của chính sách hiện nay không xem AI là một kỹ thuật phụ trợ, mà là một thành tố có cấu trúc trong năng lực nghề nghiệp của giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

2.2. Thực trạng công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong thời đại AI

Có thể nói rằng trong thời gian gần đây, nhận thức về vai trò của AI trong giáo dục mầm non đã có bước chuyển khá rõ. Nếu trước đây nhiều giáo viên mầm non còn xem AI là khái niệm xa lạ, gắn với kỹ thuật cao hoặc với các cấp học trên, thì nay AI ngày càng được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ công việc hằng ngày. Trong thực tiễn, đội ngũ bắt đầu tiếp cận các công cụ như trợ lý viết, tạo hình ảnh, hỗ trợ thiết kế học liệu, tổng hợp nội dung hay soạn thảo văn bản hành chính. Cùng với đó, một số bài viết chuyên môn ở Việt Nam đã bắt đầu tiếp cận AI trong giáo dục mầm non từ góc nhìn hiệu quả, triển vọng và khuyến nghị chính sách, cho thấy đây không còn là vấn đề bên lề mà đã trở thành một chủ đề chuyên môn thực sự (Vân An, 2025).

Ở cấp quản lý nhà nước, Bộ GD&ĐT đã phát tín hiệu khá rõ về việc thúc đẩy ứng dụng AI trong giáo dục và xây dựng chiến lược phát triển AI cho toàn ngành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025a). Đây là tiền đề quan trọng để các địa phương, các cơ sở

đào tạo giáo viên và các trường mầm non mạnh dạn hơn trong triển khai tập huấn, thử nghiệm mô hình và xây dựng năng lực cho đội ngũ. Tuy nhiên, nhìn từ thực tiễn đào tạo và bồi dưỡng hiện nay, có thể thấy công tác này vẫn chủ yếu ở giai đoạn khởi động, với nhiều hoạt động còn mang tính giới thiệu, định hướng ban đầu, chưa đồng đều giữa các địa phương, chưa có sự chuyển hóa đầy đủ từ khung năng lực sang chương trình bồi dưỡng cụ thể, và chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng một cách đầy đủ. Như vậy, khác với nhận định trước đây là “chưa định hình thành khung nội dung chuẩn”, trong bối cảnh hiện nay có thể nói chính xác hơn rằng khung đã được ban hành, nhưng thách thức lớn là khâu triển khai, cụ thể hóa và vận hành khung trong thực tiễn bồi dưỡng đội ngũ (Bộ GD&ĐT, 2026).

Trong giáo dục mầm non, thực trạng nổi bật nhất là nhu cầu rất lớn nhưng năng lực lại không đồng đều. Sự không đồng đều này thể hiện theo nhiều chiều: giữa cán bộ quản lý và giáo viên; giữa người trẻ và người lớn tuổi; giữa cơ sở thuận lợi và cơ sở khó khăn; giữa người có nền tảng công nghệ và người ít có điều kiện tiếp cận. Trong nhiều trường hợp, giáo viên biết đến ChatGPT, các công cụ tạo ảnh, tạo video hoặc hỗ trợ soạn thảo văn bản, nhưng việc sử dụng thường mang tính tự phát, học qua đồng nghiệp, qua mạng xã hội hoặc các khóa học ngắn hạn, thiếu một định hướng bài bản về sự phạm, đạo đức và an toàn dữ liệu. Điều này dễ dẫn đến tình trạng biết dùng công cụ nhưng chưa biết thẩm định, chỉnh sửa và tích hợp công cụ vào hoạt động giáo dục một cách phù hợp với lứa tuổi mầm non. Nhận định này cũng phù hợp với cảnh báo của UNESCO rằng công nghệ AI có thể được sử dụng rộng rãi rất nhanh trước khi hệ thống giáo dục kịp xây dựng đầy đủ chuẩn mực quản lý và hướng dẫn thực hành an toàn (Miao & Holmes, 2023).

Thực tiễn Quảng Trị cho thấy những tín hiệu tích cực ban đầu. Năm 2025, Sở GD&ĐT Quảng Trị đã tổ chức các hoạt động tập huấn về “ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, trợ lý công việc và tự động hóa” cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non; đồng thời cuối năm 2025 tiếp tục tổ chức hội nghị nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trên địa bàn (Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị, 2025a, 2025b). Những hoạt động này cho thấy địa phương đã chủ động tiếp cận xu hướng mới và nhu cầu từ cơ sở là có thật. Tuy nhiên, xét ở góc độ dài hạn, đây mới là những bước đi ban đầu; từ tập huấn đơn lẻ để đi tới một hệ thống bồi dưỡng thường xuyên, có phân tầng đối tượng, có học liệu chuẩn và có cơ chế hỗ trợ sau tập huấn, vẫn còn một khoảng cách đáng kể. Trong bối cảnh Thông tư 2026 đã ban hành khung năng lực số chính thức, nhu cầu đặt ra cho địa phương không chỉ là tiếp tục tập huấn, mà là xây dựng lộ trình bồi dưỡng bám theo khung, nhất là với đội ngũ giáo viên mầm non và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026; Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị, 2025a, 2025b).

Một thực trạng khác cần được nhìn nhận thẳng thắn là đội ngũ giáo viên mầm non đang chịu áp lực nghề nghiệp lớn, trong khi điều kiện công tác chưa thật sự thuận lợi. Khi Bộ GD&ĐT cho biết toàn quốc còn thiếu hơn 34 nghìn giáo viên mầm non và tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đạt định mức, điều đó đồng nghĩa với việc nhiều giáo viên

phải gánh khối lượng công việc lớn hơn, ít thời gian hơn cho tự học và phát triển chuyên môn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025b). Trong bối cảnh ấy, nếu việc bồi dưỡng AI chỉ được thiết kế theo kiểu thêm một nhiệm vụ mới, thêm một đợt tập huấn mới, thêm một bộ yêu cầu mới, thì rất dễ làm tăng áp lực thay vì giải quyết khó khăn. Công tác bồi dưỡng vì thế phải được thiết kế theo hướng thiết thực: giúp giáo viên và cán bộ quản lý làm việc hiệu quả hơn, tiết kiệm thời gian hơn, giảm tải những phần việc lặp lại, từ đó có thêm điều kiện tập trung vào chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

2.3. Những vấn đề đặt ra đối với công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non trong thời đại AI

Từ thực trạng trên, có thể thấy có một số vấn đề cần đặt ra và xem xét đối với công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

Thứ nhất, cần thu hẹp khoảng cách giữa tốc độ phát triển công nghệ và tốc độ thích ứng của hệ thống đào tạo, bồi dưỡng. AI thay đổi rất nhanh; công cụ mới xuất hiện liên tục; cách sử dụng hiệu quả và an toàn cũng biến đổi nhanh. Trong khi đó, các chương trình bồi dưỡng của hệ thống giáo dục thường cần thời gian để xây dựng nội dung, thẩm định, triển khai và đánh giá. Kết quả là ở nhiều nơi, giáo viên đi trước hệ thống bằng cách tự học và tự dùng, còn chương trình bồi dưỡng chính thức lại đi sau. Khoảng cách này tạo ra rủi ro vì đội ngũ có thể hình thành thói quen sử dụng thiếu chuẩn mực trước khi được định hướng đúng. Dữ liệu TALIS 2024 về nhu cầu bồi dưỡng AI còn khá cao ở giáo viên là một chỉ báo đáng chú ý cho vấn đề này (OECD, 2025a).

Thứ hai, nguy cơ nhầm lẫn giữa ứng dụng AI và lạm dụng AI. AI có thể giúp giáo viên soạn thảo nhanh hơn, gợi ý tốt hơn, trình bày đẹp hơn, nhưng nếu không có năng lực phản biện và kiểm chứng, giáo viên rất dễ lệ thuộc vào đầu ra của công cụ. Với giáo dục mầm non, sự lệ thuộc này đặc biệt nguy hiểm vì sản phẩm giáo dục cho trẻ nhỏ phải được chọn lọc rất kỹ về ngôn ngữ, hình ảnh, nội dung, độ phù hợp tâm lý và giá trị giáo dục. Những gì AI tạo ra có thể trôi chảy, hấp dẫn nhưng không nhất thiết phù hợp với trẻ mầm non trong một bối cảnh văn hóa cụ thể. Bởi vậy, trong đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ mầm non, trọng tâm không phải là “để AI làm thay”, mà là “biết dùng AI như một trợ lý, dưới sự kiểm soát của nhà giáo”. Tinh thần này phù hợp với định hướng lấy con người làm trung tâm trong khung năng lực AI của UNESCO (UNESCO, 2024), và cũng tương thích với thành phần năng lực “tư duy lấy con người làm trung tâm” trong miền ứng dụng trí tuệ nhân tạo của Thông tư 2026 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Thứ ba, vấn đề đạo đức và an toàn dữ liệu. UNESCO cảnh báo rằng ở nhiều quốc gia, quy định quản lý AI tạo sinh còn chậm hơn tốc độ phát triển công nghệ, khiến dữ liệu riêng tư của người dùng chưa được bảo vệ đầy đủ và các cơ sở giáo dục chưa sẵn sàng để thẩm định công cụ (Miao & Holmes, 2023). Trong môi trường mầm non, dữ liệu liên quan đến trẻ em, phụ huynh, hồ sơ phát triển, hình ảnh và nhận xét cá nhân đều là dữ liệu nhạy cảm. Nếu giáo viên hoặc cán bộ quản lý sử dụng AI mà không hiểu rõ rủi ro bảo mật, nhà trường có thể đối mặt với những hệ lụy nghiêm trọng về đạo đức và pháp lý. Vì thế, đào tạo AI cho đội ngũ mầm non trước hết phải là đào

tạo về giới hạn, về trách nhiệm và về nguyên tắc bảo vệ trẻ em. Đây cũng là một nội dung đã được thể hiện rõ trong cấu trúc năng lực “đạo đức AI” của Thông tư 2026 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Thứ tư, vấn đề bất bình đẳng về năng lực và điều kiện triển khai. Dữ liệu TALIS 2024 ở Việt Nam cho thấy những rào cản về kỹ năng và hạ tầng vẫn còn lớn đối với giáo viên chưa sử dụng AI, với tỷ lệ giáo viên nêu khó khăn về năng lực và điều kiện trường học đều ở mức cao hơn đáng kể so với trung bình OECD (OECD, 2025b). Điều này gợi ý rằng nếu không có mô hình bồi dưỡng phù hợp, AI có thể làm rộng thêm khoảng cách giữa những người có điều kiện tiếp cận và những người còn hạn chế. Với các địa phương còn khó khăn, bài toán không nên đặt theo hướng đầu tư ồ ạt vào công nghệ đắt tiền, mà phải ưu tiên xây dựng năng lực cốt lõi, cách sử dụng công cụ phổ biến, chi phí thấp, dễ tiếp cận và gắn với công việc thực tế.

Thứ năm, trong bối cảnh mới hiện nay, một vấn đề rất quan trọng là năng lực triển khai khung ở cấp địa phương và cấp cơ sở giáo dục. Khi Bộ đã ban hành Khung năng lực số, câu hỏi không còn là “có cần khung hay không”, mà là “làm thế nào để chuyển hóa khung thành chương trình, tài liệu, đội ngũ nòng cốt, học liệu và quy trình đánh giá cụ thể”. Nếu không giải quyết tốt khâu triển khai, khung năng lực có thể dừng lại ở giá trị định hướng mà chưa tạo được chuyển biến thực sự trong thực hành nghề nghiệp của cán bộ quản lý, giáo viên mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non trong thời đại AI

Từ phân tích trên cho thấy ngành giáo dục cần chú trọng một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần tổ chức đào tạo và bồi dưỡng bám sát Khung năng lực số mà Bộ GD&ĐT đã ban hành. Nếu trước đây có thể đặt vấn đề “cần xây dựng khung năng lực ứng dụng AI”, thì ở thời điểm hiện nay, cách tiếp cận phù hợp hơn là cụ thể hóa và triển khai hiệu quả khung năng lực số hiện có, trong đó đặc biệt chú trọng miền năng lực về ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Sáu miền năng lực được quy định trong Thông tư 2026 cho thấy phát triển năng lực AI không thể tách rời khỏi tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, trao quyền cho người học, kỹ năng công nghệ số và phát triển chuyên môn. Riêng miền ứng dụng trí tuệ nhân tạo với bốn thành phần là tư duy lấy con người làm trung tâm, đạo đức AI, sự phạm AI và AI cho phát triển chuyên môn cần được sử dụng như trục định hướng khi thiết kế chương trình bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026; UNESCO, 2024).

Thứ hai, cần đổi mới nội dung bồi dưỡng theo hướng “đúng đối tượng, đúng nhu cầu, đúng việc làm”. Cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đều cần AI, nhưng họ không cần giống nhau. Với cán bộ quản lý, bồi dưỡng nên tập trung vào ứng dụng AI trong lập kế hoạch, quản trị hồ sơ, truyền thông với phụ huynh, tổng hợp số liệu, phân tích thông tin phục vụ ra quyết định, hỗ trợ quản lý chất lượng và tổ chức sinh hoạt chuyên môn. Với giáo viên, nội dung cần gắn với công việc hằng ngày hơn: xây dựng kế hoạch hoạt động, thiết kế học liệu, tạo hình ảnh hoặc câu chuyện minh họa, soạn thông báo, nhận xét trẻ, giao tiếp với phụ huynh và đặc biệt là biết thẩm định để điều

chỉnh đầu ra AI cho phù hợp với trẻ nhỏ. Cách tiếp cận này phù hợp với hướng nhấn mạnh của OECD rằng phát triển năng lực số cho đội ngũ ECEC phải gắn với vai trò nghề nghiệp cụ thể và bối cảnh công việc thực tế của người học (Dardanou et al., 2023). Đồng thời, nó cũng tương thích với việc Thông tư 2026 xây dựng bảng mô tả riêng cho giáo viên mầm non và cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, thay vì dùng một chuẩn đồng loạt cho tất cả đối tượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Thứ ba, chuyển mạnh từ tập huấn lý thuyết sang bồi dưỡng thực hành gắn với tình huống nghề nghiệp. Đối với mầm non, bồi dưỡng hiệu quả nhất là bồi dưỡng dựa trên sản phẩm và tình huống thật: viết prompt để xây dựng kế hoạch hoạt động theo chủ đề; yêu cầu AI gợi ý trò chơi nhưng phải chỉnh sửa để phù hợp với trẻ 4 – 5 tuổi; dùng AI để soạn thông báo cho phụ huynh với ngôn ngữ chuẩn mực; dùng AI để tổng hợp báo cáo nhưng phải biết kiểm tra độ chính xác; dùng AI để tạo tranh minh họa nhưng phải sàng lọc về hình ảnh, giá trị và bối cảnh văn hóa. Cách bồi dưỡng này vừa thiết thực, vừa giúp người học hình thành thói quen kiểm soát đầu ra AI thay vì tiếp nhận thụ động. Kết quả TALIS 2024 cho thấy hoạt động phát triển chuyên môn về AI là một nhu cầu rất rõ của giáo viên, do đó bồi dưỡng càng phải đi vào thực chất thay vì chỉ dừng ở phổ biến xu hướng (OECD, 2025a).

Thứ tư, phát triển mô hình bồi dưỡng liên tục tại chỗ và cộng đồng học tập nghề nghiệp về AI trong giáo dục mầm non. OECD nhấn mạnh vai trò của các chiều cạnh xã hội và hợp tác trong phát triển năng lực số của đội ngũ ECEC, cho thấy bồi dưỡng AI không nên dừng ở một khóa học ngắn hạn rồi kết thúc, mà cần gắn với sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ đồng nghiệp, thử nghiệm tại lớp học và chia sẻ kinh nghiệm trong nhà trường, trong cụm trường và trong địa phương (Dardanou et al., 2023). Mỗi cơ sở giáo dục mầm non nên có một nhóm nòng cốt hoặc một hạt nhân chuyên môn về công nghệ số và AI; các trường CDSP có thể đóng vai trò trung tâm hỗ trợ chuyên môn, phát triển học liệu, tư vấn mô hình triển khai và bồi dưỡng đội ngũ cốt cán cho địa phương. Trong bối cảnh Thông tư 2026 đã quy định khá rõ mục đích sử dụng khung năng lực số để xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tài liệu học tập, mô hình cộng đồng học tập nghề nghiệp càng có ý nghĩa như một cơ chế để đưa khung từ văn bản vào thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Thứ năm, một nguyên tắc không thể thiếu là đặt đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ trẻ em và bảo mật dữ liệu làm trung tâm của mọi chương trình bồi dưỡng AI cho giáo dục mầm non. Đối với giáo dục mầm non, điều đó cần được chuyển hóa thành những quy tắc rất cụ thể: không đưa dữ liệu cá nhân nhạy cảm của trẻ lên các nền tảng không bảo đảm; không dùng AI để thay thế hoàn toàn đánh giá chuyên môn của giáo viên; không sử dụng nội dung do AI tạo ra mà không kiểm duyệt; không lạm dụng AI trong các hoạt động vốn đòi hỏi giao tiếp trực tiếp, quan sát thực tế và tương tác cảm xúc. Một chương trình bồi dưỡng AI tốt là chương trình không chỉ dạy cách dùng, mà còn dạy khi nào không nên dùng. Đây chính là tinh thần cốt lõi trong hướng dẫn của UNESCO về AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu (Miao & Holmes, 2023), đồng thời cũng phù hợp với yêu cầu “đạo đức AI” và “tư duy lấy con người làm trung tâm” trong Thông tư 2026 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Thứ sáu, cần xác lập rõ vai trò của các trường CĐSP trong hệ sinh thái đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ mầm non thời đại AI. Các trường CĐSP không nên chỉ dừng ở đào tạo ban đầu cho sinh viên sư phạm, mà cần được phát huy như các trung tâm phát triển chuyên môn, hỗ trợ địa phương và đổi mới thực hành nghề nghiệp. Trong điều kiện hiện nay, các trường CĐSP có thể đảm nhận những nhóm việc quan trọng như nghiên cứu và cụ thể hóa khung năng lực số, nhất là miền năng lực ứng dụng AI, thành chương trình bồi dưỡng phù hợp với đội ngũ mầm non; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn theo nhu cầu địa phương; xây dựng kho học liệu số, ngân hàng tình huống và bộ công cụ thực hành dùng chung; triển khai các nghiên cứu nhỏ, mô hình thí điểm và đánh giá tác động của AI đối với công việc quản lý và dạy học ở bậc mầm non. Với Quảng Trị, nơi đã có bước khởi động trong tập huấn AI cho đội ngũ giáo viên mầm non, Trường CĐSP Quảng Trị hoàn toàn có thể tự định vị mình như một đầu mối chuyên môn đồng hành với Sở GD&ĐT trong giai đoạn tiếp theo (Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị, 2025a, 2025b).

3. Kết luận

Thời đại AI đang đặt giáo dục mầm non trước một yêu cầu mới: phải thay đổi để thích ứng, nhưng không được đánh mất bản chất của giáo dục mầm non. Sự thay đổi ấy không nên được hiểu là chạy theo công nghệ, càng không phải là thay thế vai trò của giáo viên bằng máy móc, mà là nâng cao năng lực nghề nghiệp của cán bộ quản lý và giáo viên để họ sử dụng AI một cách thông minh, có trách nhiệm và phục vụ tốt hơn cho trẻ. Từ các tài liệu quốc tế và thực tiễn trong nước có thể thấy rất rõ rằng, AI chỉ phát huy giá trị tích cực khi đi cùng với tư duy lấy con người làm trung tâm, với đạo đức nghề nghiệp, với cơ chế bảo vệ dữ liệu, với chương trình bồi dưỡng phù hợp và với sự hỗ trợ liên tục từ nhà trường và cơ sở đào tạo (Miao & Holmes, 2023; UNESCO, 2024).

Trong bối cảnh giáo dục mầm non Việt Nam còn thiếu đội ngũ, chịu áp lực công việc lớn và đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong thời đại AI cần được nhìn nhận như một nhiệm vụ chiến lược. Các chương trình bồi dưỡng cần chuyển từ giới thiệu công cụ sang phát triển năng lực; từ đại trà sang phân hóa theo đối tượng; từ tập huấn ngắn hạn sang hỗ trợ nghề nghiệp liên tục; từ chú trọng thao tác kỹ thuật sang chú trọng đạo đức, phán đoán sư phạm và hiệu quả thực tế trong công việc. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu không chỉ là nhận thức đúng về AI mà còn là tổ chức thực hiện hiệu quả Khung năng lực số đã được Bộ GD&ĐT ban hành, bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non có đủ năng lực sử dụng công nghệ số và AI một cách phù hợp, an toàn và nhân văn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026). Với vai trò của mình, các trường CĐSP cần chủ động hơn trong nghiên cứu, thiết kế chương trình, xây dựng học liệu và hỗ trợ địa phương hình thành đội ngũ giáo viên mầm non có khả năng làm chủ công nghệ mà vẫn giữ vững giá trị nhân văn của nghề giáo. Đó cũng chính là con đường để AI trở thành động lực nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, thay vì trở thành một xu hướng nhất thời hoặc một áp lực mới đối với nhà giáo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vân An. (2025). *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục mầm non: Hiệu quả, triển vọng và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam*. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/90145/222/tri-tue-nhan-tao-trong-giao-duc-mam-non-hieu-qua-trien-vong-va-khuyen-nghi-chinh-sach-cho-viet-nam/>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025a). *Xây dựng chiến lược phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) cho ngành giáo dục*. https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx%3FItemID%3D10888?utm_source=chatgpt.com
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025b). *Tạo đột phá cho giáo dục mầm non trong kỷ nguyên mới*. <https://moet.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop2/tao-dot-pha-cho-giao-duc-mam-non-trong-ky-nguyen-moi.html>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT, ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên*. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-18-2026-TT-BGDDT-Khung-nang-luc-so-doi-voi-giao-vien-co-so-giao-duc-mam-non-699666.aspx>
- Dardanou, M., Hatzigianni, M., Kewalramani, S., & Palaiologou, I. (2023). *Professional development for digital competencies in early childhood education and care: A systematic review* (OECD Education Working Papers No. 295). OECD Publishing. https://www.oecd.org/en/publications/professional-development-for-digital-competencies-in-early-childhood-education-and-care_a7c0a464-en.html
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- OECD. (2025a). *Results from TALIS 2024*. OECD Publishing. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2025/10/results-from-talis-2024_28fbde1d/90df6235-en.pdf
- OECD. (2025b). *Results from TALIS 2024: Country note – Viet Nam*. OECD Publishing. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2025/10/results-from-talis-2024-country-notes_eafd703e/viet-nam_82c88ffd/2a361394-en.pdf
- Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị. (2025a). *Tập huấn “ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục, trợ lý công việc và tự động hóa” cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non*. <https://quangtri.edu.vn/he-thong-nghiep-vu/thong-ke-so-lieu/giao-duc-mam-non/tap-huan-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-giao-duc-tro-ly-cong-viec-va-tu-dong-hoa-cho-can-bo-quan-ly-va-giao-vien-mam-no.html>
- Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị. (2025b). *Nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non*. <https://quangtri.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nang-cao-nang-luc-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-cho-can-bo-quan-ly-giao-vien-mam-non.html>
- UNESCO. (2024). *AI competency framework for teachers*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/ZJTE2084>

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGƯỜI HỌC NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG – NHA TRANG

GVCC.TS.Nguyễn Thị Bích Thủy – ThS.Phạm Quang Thuận
Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

1. Mở đầu

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (GD) trẻ mầm non không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là một trong những giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non (GDMN) trong giai đoạn hiện nay. Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD đào tạo, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý mầm non trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Tại Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Trung ương - Nha Trang, Nhà trường đã tích cực chủ động thông tin sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý GDMN; rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng phát triển năng lực, giảm lý thuyết, tăng thực hành tay nghề; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm đào tạo ra đội ngũ giáo viên mầm non và cán bộ quản lý đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về phẩm chất, năng lực và xu thế hội nhập quốc tế. Nhà trường có chủ trương chuyển đổi số trong dạy và học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và ứng dụng AI vào các hoạt động đào tạo, cải tiến chất lượng giáo dục. Việc ứng dụng AI trong các hoạt động của Nhà trường vừa là cơ hội mới, đồng thời cũng vừa là thách thức, đòi hỏi sự trang bị về những kiến thức, kỹ năng ứng dụng cơ bản cho giảng viên (GV) và cả người học trong trường.

Bài viết dưới đây chúng tôi muốn chia sẻ một số thông tin chung về AI và thực trạng ứng dụng AI trong công tác đào tạo, bồi dưỡng người học ngành GDMN của Nhà trường.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận về AI (Artificial Intelligence)

2.1.1. Khái niệm AI

AI là một nhánh của khoa học máy tính tập trung vào việc tạo ra các công nghệ thông minh có khả năng mô phỏng trí thông minh của con người, cho phép con người huấn luyện và lập trình để chúng có thể suy luận, học hỏi và hành động một cách độc lập hoặc theo mệnh lệnh của con người (Lachheb et al, 2025).

2.1.2. Lợi ích của AI trong giáo dục và ứng dụng AI của giảng viên, sinh viên

2.1.2.1. Lợi ích của AI trong giáo dục

AI ngày càng đóng vai trò thiết yếu và được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, trong đó có nghiên cứu khoa học và GD (de la Torre-López et al, 2023). Một số lợi ích tiêu biểu của AI mang lại trong GD có thể kể đến như:

Cá nhân hóa học tập và dạy học thích ứng: AI có khả năng điều chỉnh nội dung, tốc độ và lộ trình học tập theo nhu cầu, trình độ và dữ liệu học tập của từng người học; đồng thời gợi ý tài nguyên học tập cá nhân hóa thông qua các hệ thống dạy học thông minh, giúp người học tiếp cận nội dung phù hợp với năng lực và nhu cầu của mình (Kabudi et al., 2021; Wang et al., 2024).

Hỗ trợ đánh giá, phản hồi và dự báo kết quả học tập: AI hỗ trợ đánh giá thông minh, cung cấp phản hồi nhanh và dự báo nguy cơ học tập của người học. Các ứng dụng cụ thể bao gồm tạo bài kiểm tra nhanh, chấm điểm bài viết của sinh viên (SV) một cách tự động và nhất quán (Lachheb et al., 2025; Zawacki-Richter et al., 2019).

Hỗ trợ phát triển chuyên môn cho GV: Theo đó, AI không chỉ hỗ trợ người học mà còn hỗ trợ GV trong thiết kế hoạt động dạy học, đánh giá, phân tích dữ liệu học tập và phát triển nghề nghiệp (Mustafa et al., 2024; Tan et al., 2025).

2.1.2.2. Lợi ích của việc ứng dụng AI của giảng viên và sinh viên

Trong công tác đào tạo tại các Trường đại học/Cao đẳng, AI có thể mang lại cho GV và SV những lợi ích cụ thể như sau:

a. Lợi ích của việc ứng dụng AI của giảng viên

Đổi mới phương pháp giảng dạy và sáng tạo nội dung thông minh: AI có khả năng giúp GV tạo ra các nội dung dạy học phù hợp, thuận tiện cho việc giảng dạy. Việc tạo ra nội dung thông minh bằng AI sẽ kích thích trải nghiệm thực tế về môi trường học tập trực quan dựa trên web.

Giúp tổng hợp và thu thập dữ liệu: AI giúp GV tìm kiếm, thu thập và tổng hợp dữ liệu cũng như thông tin cần thiết nhằm hỗ trợ quá trình học tập cho SV. Thông qua quá trình tìm kiếm dữ liệu của AI, GV có thể dễ dàng đề ra kế hoạch giảng dạy cá nhân hóa phù hợp với từng SV và những yếu tố ngoại cảnh khác. Điều này cũng giúp GV hệ thống được các dữ liệu về SV của mình một cách nhanh chóng và tiết kiệm thời gian cho các hoạt động giảng dạy khác.

Chatbot (trợ lý cá nhân): Chatbot đóng vai trò như các trợ lý, giúp GV rất nhiều công việc đơn giản như truyền tải kiến thức, giải đáp thắc mắc, lưu trữ thông tin, theo dõi quá trình học tập của SV... Việc sử dụng chatbot giúp GV có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin cũng như đặt câu hỏi liên quan đến bài học để mang lại những thông tin chính xác trong thời gian ngắn nhất.

Giúp chấm điểm bài thi: AI giúp GV thiết lập tiêu chí đánh giá cho đáp án của bài thi để AI chấm điểm. Nếu các tiêu chí và biểu điểm thay đổi, tất cả các bài thi sẽ cập nhật lại điểm một cách tự động. GV có thể dễ dàng xem thống kê về tỷ lệ đúng sai trong từng bài thi của SV, gửi thẳng kết quả cho SV trực tuyến nhanh chóng và tiết kiệm thời gian.

Định vị lại vai trò của người dạy: Khi ứng dụng AI cho GV, GV chỉ đóng vai trò quan sát và tập trung vào các vấn đề giao tiếp, cảm xúc. SV giữ vai trò trung tâm của quá trình GD còn AI chỉ thực hiện các lệnh được yêu cầu ở mức căn bản.

AI không thể thay thế vai trò của GV mà là cơ hội để đưa công việc của GV trở về đúng nghĩa GD lấy người học làm trung tâm: GV chỉ là người truyền cảm hứng, tạo

động lực, khơi gợi ở SV trí tò mò, mong muốn, tích cực, chủ động tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu và khám phá trí thức. Sự đồng hành đúng đắn của GV sẽ tạo ra động lực giúp SV nỗ lực hơn, biết lắng nghe hơn và trở thành một phiên bản tốt nhất dựa trên tài năng của chính bản thân mình.

b. Lợi ích của việc ứng dụng AI của SV

Đổi mới phương pháp học tập: SV có thể có nhiều lựa chọn và giải pháp học tập để mang lại chất lượng và kết quả học tập tốt hơn. SV có thể có cơ hội tương tác với GV qua các ứng dụng như Zoom, Skype, TranS, Vsee... qua đó phát huy tinh thần học tập tích cực, chủ động và sáng tạo của mình.

Đề xuất khóa học thông minh: các thuật toán AI có thể phân tích hồ sơ học tập và sở thích của SV để đề xuất các khóa học và con đường học tập phù hợp nhất với nguyện vọng nghề nghiệp của họ.

Tư vấn học tập được cá nhân hóa: Các cố vấn ảo được hỗ trợ bởi AI có thể hỗ trợ SV lựa chọn chuyên ngành, theo dõi tiến trình và cung cấp hướng dẫn có giá trị về đăng ký khóa học.

2.2. Thực trạng ứng dụng AI trong công tác đào tạo người học ngành Giáo dục mầm non tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

2.2.1. Mô tả khái quát về thực trạng ứng dụng AI trong công tác đào tạo người học chuyên ngành Giáo dục mầm non tại Trường CĐSP trung ương – Nha Trang

Ứng dụng AI trong GD bao gồm ứng dụng trong hoạt động dạy và học, trong hoạt động quản trị – quản lý Nhà trường. Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang cũng đang trên con đường hướng tới mục tiêu thực hiện chuyển đổi số trong đó có ứng dụng AI như một điều tất yếu, đặc biệt là chuyển đổi số trong các hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng như thực hiện các chiến lược để phát triển Nhà trường.

Trước hết, để tiến tới ứng dụng AI vào các hoạt động, Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa dữ liệu của mình trong các hoạt động cụ thể như: Sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, tổ chức giảng dạy, quản lý điểm của SV. Sử dụng phần mềm Zoom để giảng dạy trực tuyến đối với các lớp hệ vừa làm vừa học, các lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, chuyên đề Phương pháp cho trẻ làm quen với Tiếng Anh, các chuyên đề liên quan đến hỗ trợ GD hòa nhập cho trẻ khuyết tật... Sử dụng phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính, sử dụng hệ thống thư viện điện tử, sử dụng phần mềm quản lý tài chính, quản lý tài sản, sử dụng hệ thống chatbot để hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Nhà trường cũng đã thực hiện việc số hóa trong các hoạt động như: số hóa sản phẩm các công trình khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, bài báo đăng trên các ấn phẩm khoa học, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và SV Nhà trường... Tuy nhiên, việc ứng dụng AI đối với các hoạt động quản lý việc giảng dạy và học tập như quản lý SV và GV lên lớp bằng công nghệ nhận diện khuôn mặt, quản lý nhân sự, quản lý các hoạt động kiểm tra, thi, chấm công... hiện tại Nhà trường vẫn chưa thực hiện được.

2.2.2. Thực trạng ứng dụng AI trong hoạt động dạy và học của giảng viên và người học chuyên ngành Giáo dục mầm non tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

Để tìm hiểu thực trạng ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy của GV cũng như hoạt động học tập của người học ngành GDMN tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang, chúng tôi đã tiến hành xây dựng phiếu khảo sát, thiết kế thành đường link, thông qua zalo gửi yêu cầu điền phiếu tới toàn thể GV và SV Nhà trường. Kết quả thu được 44 phiếu khảo sát trên đối tượng là GV và 1364 phiếu khảo sát đối tượng là SV (trong đó có 773 SV năm thứ nhất, 329 SV năm thứ 2 và 262 SV năm thứ 3). Chúng tôi đã nghiên cứu sử dụng phần mềm Excel để xử lý dữ liệu thô và SPSS phiên bản 22 để phân tích dữ liệu.

2.2.2.1. Kết quả khảo sát việc ứng dụng AI trong hoạt động dạy học của GV tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

Bảng 1. Kết quả khảo sát việc ứng dụng AI trong hoạt động dạy học của GV

1. Nhận thức về AI		ĐTB	Độ lệch chuẩn
1	Tôi hiểu khái niệm cơ bản về AI và AI tạo sinh.	3,8	0,8
2	Tôi biết một số công cụ AI có thể hỗ trợ giảng dạy và đánh giá người học.	4,0	0,7
3	Tôi có thể phân biệt AI với các công cụ số thông thường.	3,8	0,7
4	Tôi hiểu những yêu cầu đạo đức và học thuật khi sử dụng AI trong GD.	4,1	0,7
5	Tôi nhận thức được vai trò của AI trong đổi mới dạy học ở bậc cao đẳng sư phạm.	4,2	0,7
Cronbach's Alpha: 0,87		4,0	0,7
2. Mức độ sử dụng AI trong hoạt động giảng dạy			
6	Tôi sử dụng AI để tìm kiếm tài liệu, học liệu và ý tưởng phục vụ giảng dạy.	3,7	0,7
7	Tôi sử dụng AI để thiết kế bài giảng, học liệu hoặc tình huống học tập.	3,2	1,0
8	Tôi sử dụng AI để xây dựng câu hỏi, tiêu chí đánh giá hoặc phản hồi cho SV.	3,3	0,9
9	Tôi sử dụng AI để hỗ trợ hướng dẫn SV học tập, nghiên cứu hoặc thực hành nghề nghiệp.	3,1	0,9
10	Tôi sử dụng AI để điều chỉnh hoặc cải tiến hoạt động giảng dạy sau mỗi học phần/buổi học.	3,1	0,9
Cronbach's Alpha: 0,92		3,3	0,9
3. Lợi ích của AI trong giảng dạy			
11	AI giúp tôi tiết kiệm thời gian trong việc tìm kiếm, tổng hợp và xử lý tài liệu.	4,2	0,5
12	AI hỗ trợ tôi nâng cao chất lượng thiết kế bài giảng, học liệu và hoạt động học tập.	4,1	0,6
13	AI giúp đa dạng hóa ý tưởng tổ chức hoạt động GD phù hợp với ngành GDMN.	4,1	0,5
14	AI hỗ trợ cá nhân hóa việc hướng dẫn, phản hồi và	3,8	0,5

	hỗ trợ SV.		
15	AI góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và phát triển chuyên môn của GV.	4,1	0,5
Cronbach's Alpha: 0,85		4,1	0,5
4. Thách thức khi ứng dụng AI			
16	Tôi còn thiếu kiến thức hoặc kỹ năng để sử dụng AI hiệu quả trong giảng dạy.	3,8	0,7
17	Tôi gặp khó khăn trong việc lựa chọn công cụ AI phù hợp với mục tiêu bài học.	3,5	0,8
18	Tôi lo ngại về nguy cơ đạo văn hoặc gian lận học thuật khi SV sử dụng AI.	4,0	0,8
19	Tôi băn khoăn về độ chính xác và độ tin cậy của nội dung do AI tạo ra.	3,7	0,7
20	Điều kiện hạ tầng, chính sách hoặc hỗ trợ của Nhà trường chưa thật sự thuận lợi cho việc ứng dụng AI.	3,4	0,8
Cronbach's Alpha: 0,75		3,7	0,8

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, thực trạng ứng dụng AI trong hoạt động dạy học của GV tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang đã phản ánh cả 4 phương diện: nhận thức, mức độ sử dụng, cảm nhận lợi ích và những khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai thực hiện.

Về nhận thức đối với AI: điểm trung bình chung của nhóm này đạt 4,0 thuộc mức Rất đồng ý. Điều đó cho thấy phần lớn GV đã có nhận thức khá tích cực và tương đối rõ ràng về AI trong GD. Cụ thể, GV đồng ý rằng họ hiểu khái niệm cơ bản về AI và AI tạo sinh (ĐTB = 3,8); biết một số công cụ AI có thể hỗ trợ giảng dạy và đánh giá người học (ĐTB = 4,0); có thể phân biệt AI với các công cụ số thông thường (ĐTB = 3,8); đồng thời hiểu những yêu cầu đạo đức và học thuật khi sử dụng AI trong GD (ĐTB = 4,1). Đáng chú ý, nội dung “*nhận thức được vai trò của AI trong đổi mới dạy học ở bậc cao đẳng sư phạm*” đạt 4,2 vẫn thuộc mức Đồng ý, nhưng đã tiệm cận ngưỡng Rất đồng ý. Kết quả này phản ánh rằng đội ngũ GV không chỉ nhận biết AI ở mức khái niệm mà còn bước đầu ý thức được ý nghĩa của AI đối với đổi mới hoạt động dạy học của cá nhân.

Về mức độ sử dụng AI trong hoạt động giảng dạy: điểm trung bình chung đạt 3,3 thuộc mức Thỉnh thoảng. Đây là nhóm có điểm thấp nhất trong bốn nhóm khảo sát. Điều này cho thấy việc ứng dụng AI trong thực tiễn giảng dạy chưa thường xuyên. Cụ thể, GV thường xuyên sử dụng AI để tìm kiếm tài liệu, học liệu và ý tưởng phục vụ giảng dạy (ĐTB = 3,7). Tuy nhiên, các hoạt động ứng dụng AI sâu hơn trong tiến trình sư phạm mới chỉ ở mức thỉnh thoảng như: thiết kế bài giảng, học liệu hoặc tình huống học tập (ĐTB = 3,2); xây dựng câu hỏi, tiêu chí đánh giá hoặc phản hồi cho SV (ĐTB = 3,3); hỗ trợ hướng dẫn SV học tập, nghiên cứu hoặc thực hành nghề nghiệp (ĐTB = 3,1) và điều chỉnh hoặc cải tiến hoạt động giảng dạy sau mỗi học phần hoặc buổi học (ĐTB = 3,1). Như vậy, có thể thấy AI hiện nay chủ yếu được GV sử dụng như một công cụ hỗ trợ trong việc chuẩn bị giảng dạy hơn là một công cụ tích hợp thường xuyên vào toàn bộ quá trình tổ chức dạy học cho SV.

Về lợi ích của AI trong giảng dạy: điểm trung bình chung đạt 4,1, thuộc mức Đồng ý. Kết quả này cho thấy GV nhìn nhận khá rõ các giá trị mà AI có thể mang lại cho hoạt động nghề nghiệp. Cụ thể, GV đồng ý rằng AI giúp tiết kiệm thời gian trong tìm kiếm, tổng hợp và xử lý tài liệu (ĐTB = 4,2), hỗ trợ nâng cao chất lượng thiết kế bài giảng, học liệu và hoạt động học tập (ĐTB = 4,1), giúp đa dạng hóa ý tưởng tổ chức hoạt động GD phù hợp với ngành GDMN (ĐTB = 4,1), hỗ trợ cá nhân hóa việc hướng dẫn, phản hồi và hỗ trợ SV (ĐTB = 3,8), đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và phát triển chuyên môn của GV (ĐTB = 4,1). Mặc dù chưa có nội dung nào vượt ngưỡng 4,2 để đạt mức Rất đồng ý, nhưng mặt bằng điểm số cao và khá đồng đều cho thấy AI đã được nhìn nhận như một công cụ có giá trị thực tiễn rõ rệt trong giảng dạy.

Về thách thức khi ứng dụng AI: có điểm trung bình chung là 3,7 thuộc mức Đồng ý. Điều này cho thấy những khó khăn mà GV gặp phải là có thật. GV đồng ý rằng họ còn thiếu kiến thức hoặc kỹ năng để sử dụng AI hiệu quả trong giảng dạy (ĐTB = 3,8); gặp khó khăn trong việc lựa chọn công cụ AI phù hợp với mục tiêu bài học (ĐTB = 3,5); lo ngại về nguy cơ đạo văn hoặc gian lận học thuật khi SV sử dụng AI (ĐTB = 4,0); băn khoăn về độ chính xác và độ tin cậy của nội dung do AI tạo ra (ĐTB = 3,7) và cho rằng điều kiện hạ tầng, chính sách hoặc hỗ trợ của Nhà trường chưa thật sự thuận lợi (ĐTB = 3,4). Trong đó, mục “*điều kiện hạ tầng, chính sách hoặc hỗ trợ của Nhà trường chưa thật sự thuận lợi*” với ĐTB = 3,4 nằm đúng ở mức Phân vân cho thấy đây là vấn đề đã xuất hiện nhưng mức độ cảm nhận chưa mạnh bằng các khó khăn khác. Trong khi đó, lo ngại về đạo văn và gian lận học thuật là thách thức nổi bật hơn cả.

Kết quả phân tích trên cho thấy về cơ bản hầu hết GV đều nhận thức rõ về vai trò và lợi ích của AI trong hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành và đánh giá người học. Tuy nhiên, đa số GV còn gặp nhiều khó khăn khi sử dụng AI và chưa ứng dụng AI thường xuyên trong quá trình dạy học, cần tiếp tục được hỗ trợ bằng các giải pháp phù hợp từ phía Nhà trường.

2.2.2.2. Kết quả khảo sát việc ứng dụng AI trong hoạt động học của người học ngành Giáo dục mầm non tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang

Bảng 2. Kết quả khảo sát việc ứng dụng AI trong hoạt động học của người học

1. Nhận thức về AI		ĐTB	Độ lệch chuẩn
1	Tôi hiểu khái niệm cơ bản về AI và AI tạo sinh.	3,7	1,0
2	Tôi biết một số công cụ AI có thể hỗ trợ học tập trong môi trường cao đẳng sư phạm.	3,8	1,0
3	Tôi có thể phân biệt AI với các công cụ tìm kiếm hoặc công cụ số thông thường.	3,7	1,0
4	Tôi hiểu rằng việc sử dụng AI trong học tập cần tuân thủ đạo đức học thuật.	3,8	1,0
5	Tôi nhận thức được vai trò của AI trong đổi mới học tập và phát triển nghề nghiệp tương lai.	3,8	1,0
Cronbach's Alpha: 0,95		3,7	1,0

2. Mức độ sử dụng AI trong hoạt động học tập			
6	Tôi sử dụng AI để tìm kiếm tài liệu, thông tin hoặc ý tưởng phục vụ học tập.	3,5	0,9
7	Tôi sử dụng AI để tóm tắt, giải thích hoặc hệ thống hóa nội dung bài học.	3,5	0,9
8	Tôi sử dụng AI để hỗ trợ làm bài tập, thuyết trình, viết báo cáo hoặc chuẩn bị sản phẩm học tập.	3,5	0,9
9	Tôi sử dụng AI để luyện tập kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành GDMN. Ví dụ: <i>Luyện làm đồ dùng hoặc trò chơi học tập; Luyện hát, kể chuyện, đọc thơ cho trẻ; Luyện giao tiếp với trẻ,...</i>	3,4	0,9
10	Tôi sử dụng AI để tự đánh giá, chỉnh sửa hoặc cải thiện kết quả học tập của mình. Ví dụ: <i>tự kiểm tra bài viết, cải thiện bài thuyết trình, tự đánh giá bài làm,...</i>	3,4	0,9
Cronbach's Alpha: 0,93		3,5	0,9
3. Lợi ích của AI trong học tập			
11	AI giúp tôi tìm kiếm, tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu học tập nhanh hơn.	3,8	0,9
12	AI hỗ trợ tôi hiểu bài, mở rộng ý tưởng và chuẩn bị tốt hơn cho các nhiệm vụ học tập.	3,8	0,9
13	AI giúp tôi nâng cao chất lượng làm bài tập, thảo luận, thuyết trình hoặc nghiên cứu học phần.	3,8	0,9
14	AI giúp tôi tiết kiệm thời gian khi chuẩn bị nội dung học tập hoặc ôn tập.	3,8	0,9
15	AI hỗ trợ tôi phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng tự học.	3,7	0,9
Cronbach's Alpha: 0,96		3,8	0,9
4. Thách thức khi ứng dụng AI			
16	Tôi còn thiếu kỹ năng đặt câu hỏi hoặc sử dụng AI hiệu quả trong học tập.	3,7	0,9
17	Tôi gặp khó khăn trong việc kiểm tra độ chính xác của nội dung do AI cung cấp.	3,8	0,8
18	Tôi lo ngại việc sử dụng AI có thể dẫn đến phụ thuộc hoặc làm giảm khả năng tự học.	3,8	0,9
19	Tôi băn khoăn về nguy cơ vi phạm đạo đức học thuật khi sử dụng AI trong làm bài.	3,7	0,9
20	Tôi cho rằng Nhà trường chưa có nhiều hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm.	3,7	0,9
Cronbach's Alpha: 0,94		3,7	0,9

Bảng 2 cho thấy việc ứng dụng AI trong học tập của người học ngành GDMN tại Trường CĐSP Trung ương – Nha Trang thể hiện tương đối rõ ở cả 4 phương diện: nhận thức, mức độ sử dụng, lợi ích và những khó khăn, thách thức trong quá trình ứng dụng. Cụ thể:

Về nhận thức của SV về AI: điểm trung bình chung 3,7 thuộc mức Đồng ý. Điều này cho thấy phần lớn SV đã có nhận thức tương đối đầy đủ và đúng đắn về AI. Cụ thể, SV đồng ý rằng họ hiểu khái niệm cơ bản về AI và AI tạo sinh (ĐTB = 3,7), biết một số công cụ AI có thể hỗ trợ học tập trong môi trường CĐSP (ĐTB = 3,8), có thể phân biệt AI với các công cụ tìm kiếm hoặc công cụ số thông thường (ĐTB = 3,7), hiểu rằng việc sử dụng AI trong học tập cần tuân thủ đạo đức học thuật (ĐTB = 3,8), đồng thời nhận thức được vai trò của AI trong đổi mới học tập và phát triển nghề nghiệp tương lai (ĐTB = 3,8). Kết quả này bước đầu cho thấy SV đã tìm hiểu và cũng đã có những kiến thức cơ bản về AI, lợi ích, vai trò, ý nghĩa của AI đối với việc học tập của bản thân.

Về mức độ sử dụng AI trong hoạt động học tập: điểm trung bình chung đạt 3,5 thuộc mức Thường xuyên. Đây là kết quả khá tích cực, cho thấy AI đã bắt đầu được SV đưa vào các hoạt động học tập khá thường xuyên. Cụ thể, SV thường xuyên sử dụng AI để tìm kiếm tài liệu, thông tin hoặc ý tưởng phục vụ học tập (ĐTB = 3,5); sử dụng AI để tóm tắt, giải thích hoặc hệ thống hóa nội dung bài học (ĐTB = 3,5) cũng như hỗ trợ làm bài tập, thuyết trình, viết báo cáo hoặc chuẩn bị sản phẩm học tập (ĐTB = 3,5). Hai nội dung có điểm thấp hơn là sử dụng AI để luyện tập kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành GDMN (ĐTB = 3,4) và sử dụng AI để tự đánh giá, chỉnh sửa hoặc cải thiện kết quả học tập (ĐTB = 3,4) đều nằm ở mức Thỉnh thoảng. Điều này cho thấy SV đã sử dụng AI khá thường xuyên trong các nhiệm vụ học tập mang tính học thuật chung, nhưng việc khai thác AI vào các hoạt động mang tính nghề nghiệp đặc thù hoặc hỗ trợ tự điều chỉnh học tập vẫn còn hạn chế và chưa thường xuyên.

Về lợi ích của AI trong học tập: điểm trung bình chung đạt 3,8 thuộc mức Đồng ý. Kết quả này cho thấy SV nhìn nhận khá rõ những giá trị mà AI mang lại cho quá trình học tập của mình. SV đồng ý rằng AI giúp tìm kiếm, tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu học tập nhanh hơn (ĐTB = 3,8); hỗ trợ hiểu bài, mở rộng ý tưởng và chuẩn bị tốt hơn cho các nhiệm vụ học tập (ĐTB = 3,8); nâng cao chất lượng làm bài tập, thảo luận, thuyết trình hoặc nghiên cứu học phần (ĐTB = 3,8) đồng thời giúp tiết kiệm thời gian khi chuẩn bị nội dung học tập hoặc ôn tập (ĐTB = 3,8). Nội dung “AI hỗ trợ phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng tự học” có điểm trung bình 3,7 thấp hơn nhưng vẫn thuộc mức Đồng ý. Nhìn chung, SV đã cảm nhận tương đối rõ hiệu quả hỗ trợ của AI, đặc biệt ở các phương diện giúp học nhanh hơn, thuận tiện hơn và mở rộng ý tưởng trong học tập.

Đối với thách thức khi ứng dụng AI: điểm trung bình chung đạt 3,7 thuộc mức Đồng ý. Điều này cho thấy mặc dù SV đánh giá tích cực về AI, họ đồng thời cũng nhận thức khá rõ những khó khăn và rủi ro trong quá trình sử dụng. Cụ thể, SV đồng ý rằng họ còn thiếu kỹ năng đặt câu hỏi hoặc sử dụng AI hiệu quả trong học tập (ĐTB = 3,7); gặp khó khăn trong việc kiểm tra độ chính xác của nội dung do AI cung cấp (ĐTB = 3,8); lo ngại việc sử dụng AI có thể dẫn đến phụ thuộc hoặc làm giảm khả năng tự học (ĐTB = 3,8); băn khoăn về nguy cơ vi phạm đạo đức học thuật khi sử dụng AI trong làm bài (ĐTB = 3,7) và cho rằng Nhà trường chưa có nhiều hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm (ĐTB = 3,7). Kết quả này cho thấy

các thách thức không chỉ nằm ở năng lực cá nhân của SV mà còn liên quan đến kỹ năng sử dụng AI một cách có kiểm soát. Điều này cho thấy cần có sự hướng dẫn sử dụng một cách bản và khoa học từ phía GV và Nhà trường.

Tóm lại, kết quả phân tích cho thấy SV nhìn chung có nhận thức tích cực về AI, đã bắt đầu sử dụng AI khá thường xuyên trong học tập và đánh giá cao những lợi ích mà công nghệ này mang lại. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI hiện vẫn chủ yếu tập trung vào các nhiệm vụ học thuật chung, trong khi khai thác AI cho rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và tự điều chỉnh học tập còn hạn chế. Đồng thời, SV cũng nhận thức rõ các thách thức như thiếu kỹ năng sử dụng hiệu quả, khó kiểm chứng thông tin, nguy cơ phụ thuộc và những băn khoăn về đạo đức học thuật. Điều này cho thấy, cần thiết nhất lúc này là sự tăng cường hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn cụ thể, tập trung vào các kỹ năng thực hành cho SV từ phía Nhà trường, GV để nhằm phát huy tối đa năng lực ứng dụng AI trong học tập, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của các nhà tuyển dụng.

2.3. Một số giải pháp ứng dụng AI trong công tác đào tạo người học ngành GDMN tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương – Nha Trang

2.3.1. Nâng cao nhận thức cho giảng viên và sinh viên về ứng dụng AI trong công tác giảng dạy và học tập.

Cần đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, GV và SV trong toàn trường về xu hướng tất yếu, vai trò quan trọng và thời cơ của việc ứng dụng công nghệ số và AI trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, đó là công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non. GV chủ động tìm hiểu và đưa các ứng dụng AI vào hoạt động giảng dạy. GV nghiên cứu và đưa ra các yêu cầu đối với SV như: Tự học và tự trang bị các kiến thức cơ bản về AI, tự nghiên cứu và thực hành để có các kỹ năng cơ bản về sử dụng AI trong học tập, thúc đẩy SV phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và khả năng đưa ra các câu hỏi sáng tạo. Để sẵn sàng cho việc ứng dụng AI trong học tập và nghiên cứu, SV cần có cách tiếp cận AI phù hợp. Thay vì sợ hãi và tránh xa, SV cần mạnh dạn, chủ động tiếp cận, tự học hỏi và nghiên cứu về AI để hiểu rõ về công nghệ này, học tập cách sử dụng nó một cách hiệu quả.

2.3.2. Tăng cường các chuyên đề bồi dưỡng giảng viên và sinh viên những kiến thức cơ bản về AI, đặc biệt là các kỹ năng thực hành ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và học tập.

Xây dựng các chính sách ưu đãi cho GV tham gia đào tạo về công nghệ và AI, bao gồm hỗ trợ tài chính và thời gian. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện ứng dụng AI trong các hoạt động đào tạo, đảm bảo rằng các sáng kiến đổi mới được triển khai đúng hướng và hiệu quả. Để đảm bảo công bằng hơn trong việc tiếp cận công nghệ của người học, Nhà trường xây dựng các khóa học giúp cho những SV chưa được tiếp cận nhiều sẽ tự học để trang bị thêm kỹ năng, năng lực cần thiết cho việc thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, các yêu cầu đối với các học phần nâng cao hơn về AI...

2.3.3. Xem xét việc đưa các học phần mới có liên quan đến chuyển đổi số, công nghệ AI, cách mạng công nghiệp như: phân tích dữ liệu AI, trực quan hóa dữ liệu, đạo đức kỹ thuật số... vào chương trình đào tạo dưới hình thức các học phần tự chọn để trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành ứng dụng AI cho sinh viên.

Đẩy nhanh việc tích hợp kiến thức công nghệ trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non của Nhà trường nhằm giúp đội ngũ giáo viên tương lai nắm bắt được các công cụ và phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập, đồng thời, giúp trang bị cho SV những kỹ năng cần thiết để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và có trách nhiệm, góp phần tạo ra một môi trường GD tiên tiến và toàn diện. Do đó, cần khuyến khích GV đẩy mạnh tích hợp các công cụ AI như ChatGPT, Gemini vào quá trình giảng dạy, đặc biệt trong các hoạt động như phát triển tài liệu, xây dựng kế hoạch bài dạy, phân tích các tình huống thực tiễn. Đây là các công cụ mà GV và SV đều đã quen thuộc nên có thể thực hiện ngay. Đồng thời, khuyến khích SV sử dụng AI để cá nhân hóa việc học tập, tạo ra các bài tập và hoạt động học tập sinh động, tương tác nhằm mang lại hiệu quả học tập cao nhất.

2.3.4. Đẩy mạnh hợp tác giữa các trường sư phạm có đào tạo giáo viên mầm non nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực về ứng dụng AI trong đào tạo người học ngành GDMN.

Sự hợp tác này cho phép các trường chia sẻ kinh nghiệm, nguồn lực và các công cụ AI tiên tiến, giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Hơn nữa, việc hợp tác còn tạo điều kiện cho các trường học hỏi lẫn nhau, phát triển các phương pháp giảng dạy sáng tạo và hiệu quả hơn. Điều này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng và kiến thức của GV mà còn góp phần nâng cao hiệu quả học tập của SV nhằm đáp ứng xu hướng công nghệ hiện đại.

2.3.5. Đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, đặc biệt là ứng dụng AI trong công tác đào tạo vào kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức phổ biến trong GV và SV về sự cần thiết và tính cấp bách của ứng dụng AI trong công tác đào tạo. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu của trường về chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới, sáng tạo. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các kênh truyền thông. Tích cực chia sẻ, phổ biến thành quả, tôn vinh các tấm gương thành công điển hình về việc ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy và học tập của GV và SV Nhà trường.

2.3.6. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trong khuôn viên Nhà trường

Nhà trường cần nhanh chóng đầu tư mạnh về cơ sở vật chất như trang bị thêm các phòng máy tính, phòng máy chủ, nâng cấp hệ thống mạng, xây dựng hệ thống mạng không dây trong khuôn viên trường, tăng cường ứng dụng các phần mềm AI trong các hoạt động quản lý. Bên cạnh đó, Nhà trường cần đầu tư vào việc ứng dụng một hệ thống quản lý học tập có sử dụng công nghệ AI như: Đọc bài giảng cho SV bằng giọng nói của AI; nhận diện khuôn mặt và giọng nói của SV, GV vào hệ thống để giảng dạy và học tập; hỗ trợ SV tìm kiếm tài nguyên; cá nhân hóa chương trình đào tạo để phù hợp với trình độ và năng lực của SV.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát đã cho thấy cả GV và SV đều có nhận thức khá tốt về AI, thể hiện ở việc hiểu khái niệm cơ bản, nhận biết được vai trò của AI trong dạy học và học tập, đồng thời ý thức được yêu cầu về đạo đức học thuật khi sử dụng công nghệ này. Bên cạnh đó, cả hai nhóm đều đánh giá tích cực về lợi ích của AI, đặc biệt trong hỗ trợ tìm kiếm tài liệu, tiết kiệm thời gian, mở rộng ý tưởng, nâng cao chất lượng chuẩn bị bài giảng và nhiệm vụ học tập. Điều này cho thấy AI đã được nhìn nhận như một công cụ có ý nghĩa thiết thực trong môi trường đào tạo người học ngành GDMN của Nhà trường. Tuy nhiên, giữa năng lực nhận thức và năng lực thực hành của cả GV và SV Nhà trường vẫn còn một khoảng cách nhất định. Đối với GV, việc sử dụng AI mới chủ yếu tập trung vào tìm kiếm tài liệu, học liệu và hỗ trợ chuẩn bị giảng dạy, trong khi ứng dụng AI vào thiết kế bài giảng, đánh giá, hướng dẫn SV và cải tiến hoạt động dạy học còn ở mức hạn chế. Đối với SV, AI được sử dụng khá thường xuyên trong các nhiệm vụ học tập chung như tìm kiếm thông tin, tóm tắt nội dung và hỗ trợ làm bài, nhưng việc khai thác AI để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp đặc thù của ngành GDMN và tự đánh giá kết quả học tập vẫn chưa thật sự nổi bật. Cả GV và SV đều cho rằng đang gặp khó khăn trong việc ứng dụng do thiếu các kỹ năng cơ bản để sử dụng AI hiệu quả, khó kiểm tra độ chính xác của nội dung do AI tạo ra, lo ngại về đạo đức học thuật, nguy cơ phụ thuộc vào AI và sự thiếu hụt hướng dẫn cụ thể từ phía Nhà trường.

Để vượt qua những rào cản này và khai thác hiệu quả tiềm năng của AI trong đào tạo người học ngành GDMN của Nhà trường, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như: Nâng cao nhận thức của GV và SV về ứng dụng AI trong công tác giảng dạy và học tập; Tăng cường các chuyên đề bồi dưỡng cho GV và SV những kiến thức cơ bản về AI, đặc biệt là các kỹ năng thực hành ứng dụng AI trong hoạt động giảng dạy và học tập; Đưa các học phần mới có liên quan đến chuyển đổi số, công nghệ AI, cách mạng công nghiệp như: phân tích dữ liệu AI, trực quan hóa dữ liệu, đạo đức kỹ thuật số... vào chương trình đào tạo dưới hình thức các học phần tự chọn để trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành ứng dụng AI cho SV; Đẩy mạnh hợp tác giữa các trường sư phạm có đào tạo giáo viên mầm non nhằm chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực về ứng dụng AI trong đào tạo người học ngành GDMN; Đưa nhiệm vụ chuyển đổi số, đặc biệt là ứng dụng AI trong công tác đào tạo vào kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trong khuôn viên Nhà trường.

AI đã và đang trở thành một công cụ hữu ích trong việc quản trị các cơ sở giáo dục và đào tạo, giúp cho các nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GD, cải thiện các hoạt động quản lý và tối ưu hóa nguồn lực. Trường CĐSP Trung ương Nha Trang sẽ cố gắng tận dụng tối đa những lợi thế mà AI mang lại, trên cơ sở đó xây dựng cho người học một môi trường học tập số hóa, hiện đại, trang bị những kiến thức, kỹ năng phù hợp nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Khương, Trần Thị Lan (2024). *Thách thức, quan điểm và giải pháp của trường đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên trong công tác đào tạo giáo viên trước tác động của cuộc cách mạng công nghệ số và AI*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Kỷ yếu: Hội thảo Khoa học Đào tạo giáo viên trước tác động của công nghệ số và AI (tr. 128-138).
- Lê Văn Tấn, & Phạm Quang Trình. (2023). *Chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo ở trường đại học*. Tạp chí Khoa học GD Việt Nam, (10), 1-6.
- Nguyễn Đăng Thông & Dương Thị Tuyết Mai (2024). *Thực trạng và giải pháp ứng dụng AI tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*. Journal of education equipment: Applied research, Volume 1, Issue 322.
- Phạm Thị Thúy Vân (2025). *Nghiên cứu tác động của AI trong đào tạo giáo viên GD công dân tại một số cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học GD Việt Nam (tr.52-59), Tập 21, Số 04.
- Bozic, V. (2023). *Artificial intelligence as the reason and the solution of digital divide*. Language Education & Technology Journal, 3(2), 115-134.
- De la Torre-López, J., Ramírez, A., & Romero, J. R. (2023). *Artificial intelligence to automate the systematic review of scientific literature*. Computing, 105(10), 2171–2194. <https://doi.org/10.1007/s00607-023-01181-x>
- Kabudi, T., Pappas, I., & Olsen, D. H. (2021). *AI-enabled adaptive learning systems: A systematic mapping of the literature*. Computers and Education: Artificial Intelligence, 2, 100017. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.caeai.2021.100017>
- Kasneci, E., et al. (2023). *ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education*. Learning and Individual Differences.
- Lachheb, A., Leung, J., Abramenska-Lachheb, V., & Sankaranarayanan, R. (2025). *AI in higher education: A bibliometric analysis, synthesis, and a critique of research*. The Internet and Higher Education, 67, 101021. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2025.101021>
- Mustafa, M. Y., Tlili, A., Lampropoulos, G., Huang, R., Jandrić, P., Zhao, J., Salha, S., Xu, L., Panda, S., Kinshuk, López-Pernas, S., & Saqr, M. (2024). *A systematic review of literature reviews on artificial intelligence in education (AIED): a roadmap to a future research agenda*. Smart Learning Environments, 11(1), 59. <https://doi.org/10.1186/s40561-024-00350-5>
- Rudolph, J., Tan, S., & Tan, S. (2023). *ChatGPT: Bullshit spewer or the end of traditional assessments in higher education?* Journal of Applied Learning and Teaching.
- Tan, X., Cheng, G., & Ling, M. H. (2025). *Artificial intelligence in teaching and teacher professional development: A systematic review*. Computers and Education: Artificial Intelligence, 8, 100355. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100355>
- Wang, S., Wang, F., Zhu, Z., Wang, J., Tran, T., & Du, Z. (2024). *Artificial*

intelligence in education: A systematic literature review. Expert Systems with Applications, 252, 124167. <https://doi.org/10.1016/j.eswa.2024.124167>

Zawacki-Richter, O., Marín, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). *Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education – where are the educators?* International Journal of Educational Technology in Higher Education, 16(1), 39. <https://doi.org/10.1186/s41239-019-0171-0>

SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK LÀ MỘT CÔNG CỤ CHUYÊN NGHIỆP NHẪM CHIA SẺ, KẾT NỐI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

ThS.Bùi Thị Thanh Thủy
Trường CĐSP Nam Định

1. Mở đầu

Mạng xã hội Facebook đang là một công cụ số được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng giáo viên tại Việt Nam, đã trở thành một môi trường quan trọng hỗ trợ hoạt động phát triển nghề nghiệp của giáo viên. Nhiều trang hội nhóm giáo viên trên Facebook đã là những không gian chia sẻ tri thức, kinh nghiệm và kết nối cộng đồng chuyên môn. Tuy nhiên, trên trang cá nhân của mỗi giáo viên, việc chuyên nghiệp hóa nhằm phục vụ cho hoạt động giáo dục thì ít nhiều vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh thuật toán tìm kiếm của Facebook hiện nay có sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và mức độ sử dụng còn tăng mạnh từ năm 2024 đến nay, những bài viết với những từ khóa phổ biến, những nội dung hữu ích sẽ có cơ hội lan tỏa ngày càng nhanh tới cộng đồng. Đó là cơ hội và cũng là thách thức cho mỗi người làm giáo dục sử dụng Facebook như một công cụ số chuyên nghiệp để sáng tạo những nội dung nhằm chia sẻ, kết nối và phát triển bản thân, phục vụ cho những công việc của mình. Bài viết chia sẻ kinh nghiệm bước đầu trong việc chuyên nghiệp hóa trang cá nhân của tác giả và kết quả thu được đã có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển bản thân và công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

2. Nội dung

2.1. Nội dung chia sẻ trên Facebook

Với vai trò là một giảng viên tham gia phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng, trực tiếp bồi dưỡng giáo viên ở nhiều tỉnh thành trong cả nước từ giáo viên mầm non đến giáo viên THCS, tôi thấy rằng việc có những bài chia sẻ trên mạng xã hội Facebook sau mỗi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng mình được tham gia là một công việc cần sự kiên trì, bền bỉ, không thể làm trong một thời gian ngắn và đó cũng là trách nhiệm của người làm việc trong lĩnh vực giáo dục với cộng đồng. Từ cách đây hơn chục năm tôi đã có những bài chia sẻ trên Facebook những nghiên cứu của mình về đổi mới giáo dục phổ thông và những năm gần đây là giáo dục mầm non. Tuy nhiên, ý thức về sự chuyên nghiệp hóa, trở thành “người sáng tạo nội dung số”, tôi mới chỉ thực sự quyết tâm làm trong thời gian gần đây. Khi đăng kí để trang cá nhân trở thành công cụ chuyên nghiệp và chủ nhân của trang trở thành “người sáng tạo nội dung số”, Facebook sẽ cho phép chúng ta kiểm tra được lượt tiếp cận mỗi bài viết được bao nhiêu lượt người xem; bao nhiêu % là người theo dõi (bao gồm bạn bè Facebook và người đăng kí theo dõi trang), bao nhiêu % là người chưa theo dõi. Nghĩa là kiểm tra được khả năng lan tỏa nội dung của bài viết (tất nhiên không nên so sánh với những bài viết có độ “hot” với đại đa số cộng đồng, vì đây là những bài viết liên quan đến

chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục). Gắn với việc bồi dưỡng giáo viên nói chung và bồi dưỡng giáo viên mầm non nói riêng, tôi thường chia sẻ những vấn đề sau:



Ảnh. Số liệu ngày 05/4/2026 từ bài viết của tác giả về việc viết sách Bài tập Toán tiểu học 2.1.1. Những nội dung về việc tự học, tự bồi dưỡng, trải nghiệm thực tế và những bài học rút ra từ đó

Việc này vừa là sự chia sẻ nhưng đồng thời cũng là cách để tôi tự gây áp lực tích cực cho mình trong việc không ngừng tự học, tự bồi dưỡng, tự cập nhật kiến thức thường xuyên. Đó cũng là một cách công khai để sẵn sàng cho công việc bồi dưỡng luôn luôn phải có tính khoa học, tính mới và sự hấp dẫn đối với người học. Việc viết một nội dung chia sẻ trên Facebook về những vấn đề này, tôi đặt ra những nguyên tắc sau đây:

Bài viết không được quá dài hoặc quá ngắn: Do đặc thù của đại đa số người dùng Facebook, nếu ngắn quá người đọc thu được ít thông tin thì bài viết không có nhiều giá trị, nếu quá dài thì sẽ khó trong việc tiếp cận đến nhiều người đọc (nếu bắt buộc phải dài thì cần cân nhắc tách bớt nội dung để đưa xuống phần bình luận). Bài viết dài thì cần phân cách từng đoạn ngắn để tạo cảm giác dễ chịu cho người đọc.

Nội dung bài viết phải có cấu trúc rõ ràng: Người đọc phải thu được thông tin về khóa học như địa điểm tổ chức/ giảng viên, nội dung gần gũi để có thể tìm đọc thêm và vận dụng phù hợp. Ngôn ngữ được sử dụng trong sáng, nhẹ nhàng. Số lượng từ khóa trong một bài viết không nên nhiều, từ khóa mới lạ nên có giải thích ngắn gọn.

Cần gắn vị trí địa điểm tổ chức, gắn với từ khóa nổi bật (gắn hashtag): Đây là một cách giúp bài viết dễ được tiếp cận nhờ thuật toán của Facebook, đồng thời cũng là một cách minh bạch hoạt động trải nghiệm của mình. Ví dụ, hashtag *learningstories* (#*learningstories*) (những câu chuyện học tập) hiện có tới hơn 1000 bài viết, hashtag *montessori* (#*montessori*) hiện có khoảng 6,5 triệu bài viết. Ngoài ra, có thể gắn thêm thẻ những người cộng sự của mình để bài viết được tiếp cận nhiều người đọc hơn.

Cần có ảnh/video minh họa: Ảnh/video cần được chọn lọc kỹ lưỡng và được sự cho phép của Ban tổ chức những nơi mình tham gia hoạt động trải nghiệm. Số lượng ảnh/video cũng nên hạn chế từ 1 đến 5 sản phẩm.

Ghim bài viết quan trọng lên đầu trang cá nhân: Những bài viết quan trọng nên ghim lên đầu trang cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định. Bài viết được ghim có nội dung vừa mang tính thời sự và ít nhiều như một lát cắt profile của chủ trang. Điều đó sẽ giúp trang cá nhân sẽ từ từ mở rộng được số lượt xem các bài viết của mình.

Dưới đây là ví dụ cụ thể một số bài viết tác giả đã chia sẻ trên Facebook trong thời gian gần đây liên quan đến giáo dục mầm non:



Thanh Thuỷ đang 😊 cảm thấy thú vị cùng với **Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội**.
29 tháng 9, 2024 · 🌐

...

Mình có thói quen nhật nhật những điều thú vị ở các khoá tập huấn, hội thảo, workshop rồi nghiền ngẫm, tìm đọc, trải nghiệm rồi lại nghiền ngẫm.

Và hôm nay mình "nhặt được" một vài điều rất dễ thương từ workshop tại trường ĐHSP Hà Nội về Assessment and Learning Stories của GS Marek Tesar - Hiệu trưởng của Trường Phát triển Học tập và Thực hành chuyên nghiệp, đồng thời là Trưởng bộ phận phụ trách Hợp tác Quốc tế trực thuộc Khoa Giáo dục và Công tác Xã hội, Đại học Auckland, New Zealand.

Một cách tiếp cận có thể không quá mới nhưng thật thú vị với việc đánh giá trẻ mầm non - ấy là viết những "learning stories".

Cuối workshop, GS có hỏi HV định hướng thế nào về việc vận dụng "Assessment and Learning Stories". Mình thấy nếu "bắt" GVMN phải viết những "learning stories" hàng tuần thôi cũng là quá sức đối với công việc đã quá vất vả của GVMN trong bối cảnh của Việt Nam. Ngay cả khi AI có thể giúp GVMN sáng tác những bài hát, bài thơ hay câu chuyện thì "learning stories" không có AI nào viết được, vì để viết cần sự quan sát tỉ mỉ, cần sự yêu thương và thấu hiểu trẻ!

Mình nghĩ đừng chờ thầy cô viết những "learning stories" - vì thầy cô không thể đủ thời gian, mỗi người cha/mẹ thỉnh thoảng nên tự viết những "learning stories" cho con mình. Vì chắc chắn để viết được thì cha mẹ buộc phải dành thời gian cho con và thấu hiểu con. Và cũng không chỉ khi con còn ở lứa tuổi mầm non, vì rõ ràng càng lớn, mỗi hành trình cùng con càng cần thấu hiểu con. Hoặc cũng chưa cần mục tiêu to tát, chỉ cần để lưu giữ lại những kỉ niệm, bởi không chắc 5 năm, 10 năm hay vài chục năm nữa mình sẽ còn nhớ. Viết và cất riêng cũng được. Nhưng hãy bắt đầu viết. Xưa mình cũng đã từng nói, nếu mà viết thì có 1001 câu chuyện để viết nhưng rồi công việc cứ cuốn đi và rồi thỉnh thoảng lẩm, trong những dịp thật đặc biệt mới viết, mà cũng thật ngắn gọn :)

Ảnh. Bài viết về hoạt động học tập với chuyên gia New Zealand tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (hastag: #learningstories)

Link bài viết:

<https://www.facebook.com/share/p/18JqLPr3U9/?mibextid=wwXIf>

Bài viết trên không chỉ mong muốn tiếp cận người đọc là giáo viên mầm non mà còn là một cách chia sẻ với cha mẹ trẻ em mầm non - những người cần luôn đồng hành cùng các Nhà trường trong quá trình giáo dục con em mình.



Thanh Thủy đang 🥰 cảm thấy biết ơn tại Trường mầm non Aozora Montessori Nam Định.
22 Tháng 10, 2024 · Nam Định · 🌐

Buổi sáng ngày 15/10 vừa qua, một nhóm cô trò trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Định đã có buổi học tập thực tế thật tuyệt vời tại Aozora Nam Định ❤️❤️❤️

Trong khoảng thời gian gần 3 giờ đồng hồ, cô trò được dự 3 hoạt động ở 3 nhóm lớp với lứa tuổi khác nhau do cô Koga Masako - Chuyên gia giáo dục mầm non Nhật Bản, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Văn hoá Nhi đồng Nhật Việt, cố vấn - giáo viên tại hệ thống mầm non Nhật Bản Himawari và Trường Quốc tế Nhật Bản JIS tổ chức.

Ở 3 nhóm lớp, hoạt động đều là đọc Ehon và khai thác Ehon. Các bạn sinh viên đã được học cách cô cầm truyện và cách giới thiệu trang truyện khi đọc cho trẻ như thế nào, biểu cảm/ngữ điệu ra sao và đặc biệt là cách quản lý hoạt động của lớp khi có những trẻ không tập trung.

Phần hấp dẫn tiếp theo đó chính là phần cô khai thác 3 truyện ở 3 lớp - truyện của Nhật Bản nhưng khi khai thác, ở mỗi lứa tuổi lại có kết nối với các trò chơi dân gian của Việt Nam một cách thật bất ngờ, thú vị. Các bạn SV không chỉ học được cách khai thác mỗi truyện một cách cực kì sáng tạo mà còn được mục sở thị phương pháp tổ chức trò chơi, cách chọn/sáng tạo đạo cụ để chơi,... Không những thế, SV còn học được cách biến những người dự lớp thành những thành viên của lớp, để thấy việc dự giờ không hề ảnh hưởng đến hoạt động của các con mà còn biến thành sân chơi chung của cả người lớn và trẻ nhỏ trong một không khí không thể tích cực và hào hứng hơn 🥰🥰🥰.

Xong 3 hoạt động tại 3 lớp, dù đã hơn 11h nhưng cô Koga vẫn tiếp tục ngồi chia sẻ với cô trò trường CĐSP Nam Định về 3 hoạt động đã diễn ra đến tận gần 12h. Có lẽ điều tuyệt vời mà tất cả cô trò đều cảm nhận được, đó là nguồn năng lượng tích cực và sự đáng yêu vô bờ bến của cô - cô hay được mọi người gọi là "em bé Koga", dù cô đã gần 70 tuổi 🥰🥰🥰

Rất hi vọng các bạn sinh viên tiếp tục được dự nhiều hoạt động như thế này - để các bạn có thêm nhiều kiến thức thực tế về cách tiếp cận những mô hình/phương pháp giáo dục tiên tiến, để sẵn sàng cho Chương trình giáo dục mầm non mới, sẵn sàng cho công việc tương lai của mình!

Xin cảm ơn Aozora, cô Koga và các chuyên gia!

Xin được hẹn gặp lại ❤️❤️❤️

P/s: học với "em bé Koga", U50 như mình cùng biến thành "em bé Thanh Thủy". Nhìn ảnh mình trên fp của trường ngộ nghĩnh quá 🥰🥰🥰

<https://www.facebook.com/share/p/tgf41XGQVYcwEo55/?mibextid=WC7FNe>



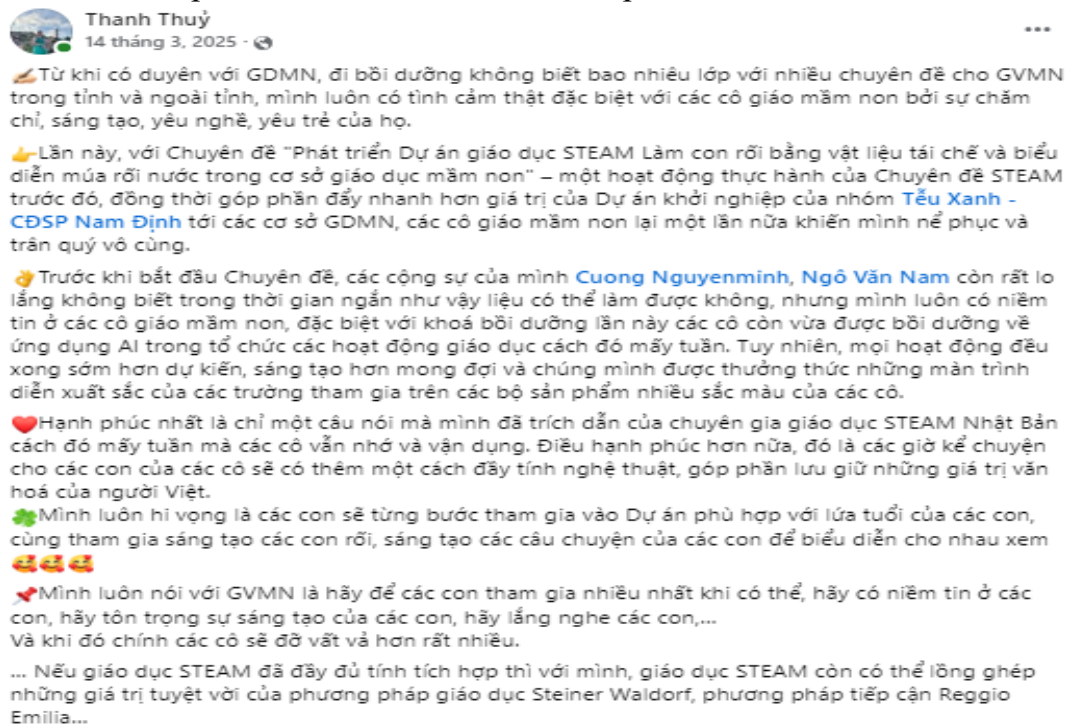
Link bài viết: <https://www.facebook.com/share/p/17ZWsUsyxR/?mibextid=wwXIfr>

Bài viết chia sẻ sự hào hứng của tác giả với việc chính mình học tập được rất nhiều từ chuyên gia quốc tế về tư duy đến phong cách làm việc. Bên cạnh đó, bài viết cũng hướng tới quảng bá việc đào tạo luôn chú trọng gắn với thực tiễn tại các cơ sở giáo dục mầm non của Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, đồng thời cho người đọc thấy trong bối cảnh hiện tại, cơ hội tiếp cận với giáo dục quốc tế dù trực tiếp hay gián tiếp đã dễ dàng hơn rất nhiều.

2.1.2. Chia sẻ về việc tổ chức hoạt động hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng



Link bài viết: <https://www.facebook.com/share/p/1Jht1tMMB9/?mibextid=wwXIfr>



Ảnh: Bài viết chia sẻ hoạt động bồi dưỡng của một chuyên đề.

Link bài viết: <https://www.facebook.com/share/p/18yxEMTZcS/?mibextid=wwXIfr>

Cũng như ở 2.1.1, bài viết chia sẻ những hoạt động này cũng có những nguyên tắc tương tự. Với bài viết chia sẻ việc tự học, tự bồi dưỡng của giảng viên đòi hỏi khả năng tóm tắt, kỹ năng quan sát và tư duy phản biện, cảm xúc của giảng viên ở mỗi khóa học. Với bài viết chia sẻ việc tổ chức bồi dưỡng thì điều quan trọng nhất là giảng viên phải bao quát, quan sát được tỉ mỉ những hoạt động của người học, nhất là những hoạt động thực hành thì mới có thể tóm tắt/ chắt lọc được những chi tiết đắt giá, từ đó mới có thể có được những bài viết vừa là chia sẻ về nội dung chuyên đề bồi dưỡng nhưng đồng thời cũng cho người đọc cảm nhận được chất lượng và sự chuyên nghiệp của khóa bồi dưỡng. Trong những hoạt động hợp tác với chuyên gia quốc tế, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng nội dung hơn nữa, đặc biệt là những vấn đề cần trao đổi trước và trong buổi làm việc chính thức, khi làm việc trực tiếp cần hết sức tập trung vì sự cô đọng súc tích trong tư duy và cách làm việc của họ, sau đó cần tư duy về những kiến thức mới mà họ mang lại gắn với thực tiễn giáo dục tại Việt Nam như thế nào để có thể đưa ra quan điểm của mình vào các bài chia sẻ.

2.2. Hiệu quả bước đầu

Việc kiên trì chia sẻ những bài viết chia sẻ trên Facebook, ngoài việc có giá trị truyền thông cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường, tôi có được những cơ hội kết nối với một số Tạp chí trong nước, chuyên gia nước ngoài, được sự ủng hộ, tin tưởng của một số đơn vị ngoài trường, trở thành đối tác tin cậy trong việc hợp tác chia sẻ các hoạt động chuyên môn. Dưới đây là một số hiệu quả bước đầu:

- Cơ hội viết sách Toán tiểu học cùng những chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục Toán học ở Việt Nam. Link bài viết chia sẻ:

<https://www.facebook.com/share/p/18R3QcXYNy/?mibextid=wwXIfrn>

Được Tạp chí *Tự động hóa ngày nay* phỏng vấn về việc ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Link bài viết: <https://tudonghoangaynay.vn/chuyen-doi-so-viet-tiep-uoc-mo-cua-doanh-nhan-tuoi-ty->

Mời được Tiến sĩ Gai Lindsay (Blog <https://scholars.uow.edu.au/gai-lindsay>), giảng viên khoa Giáo dục mầm non, Trường Đại học Wollongong, Australia bồi dưỡng miễn phí chuyên đề “*Học tập dựa trên dự án theo phương pháp Reggio Emilia trong giáo dục mầm non*” cho giảng viên, sinh viên và CBQL, GVMN của một số trường mầm non trong tỉnh Ninh Bình.



Ảnh: Hiệu trưởng Trường CDSP Nam Định tặng hoa chuyên gia (tháng 5/2025).

Kết nối với MIV (<https://miv.edu.vn> - Viện đào tạo Montessori quốc tế) để một số giảng viên Khoa GDMN, Trường CDSP Nam Định có cơ hội học hỏi với chuyên gia đến từ Hoa Kỳ về Phương pháp giáo dục Montessori hoàn toàn miễn phí.



HỘI THẢO "KHAI MỞ TÂM TRÍ TRẺ MẦM NON - CHỨC NĂNG ĐIỀU HÀNH VÀ TOÁN HỌC MONTESSORI"

✅ Hôm qua ngày 25/08, hội thảo "Khai mở tâm trí trẻ mầm non - Chức năng điều hành và Toán học Montessori" do Viện Giáo dục Montessori Việt Nam (MIV) và Mầm non Casa Dei Bambini Nam Định phối hợp tổ chức đã diễn ra thành công tốt đẹp, dưới sự dẫn dắt của chuyên gia giáo dục cô Normi G. Son, Giám đốc Chương trình đào tạo của Hiệp hội Montessori Hoa Kỳ (AMS) tại Việt Nam và Philippines.

Sự kiện có sự tham gia của cô Lê Thị Thanh Hà - Trưởng khoa cùng các giảng viên trong khoa Giáo dục Mầm non trường CĐSP Nam Định cùng hơn 60 giáo viên và phụ huynh trường Casa.

Link bài viết đầy đủ:

<https://www.facebook.com/share/p/1C4uBXH2wQ/?mibextid=wwXlfr>

Tháng 3/2026, tôi được mời tham gia khóa học về phương pháp giáo dục Montessori với chuyên gia Christine Munn (nguyên Chủ tịch Hiệp hội Montessori Hoa Kỳ) với tư cách là khách mời của MIV - là giảng viên có đóng góp trong việc lan tỏa các mô hình/ phương pháp giáo dục tiên tiến. Khóa học do MIV phối hợp với AMS (American Montessori Society <https://amshq.org/> - Hiệp hội Montessori Hoa Kỳ) tổ chức. Link bài viết chia sẻ bước đầu: <https://www.facebook.com/share/18hvoPsmpp/?mibextid=wwXlfr>

3. Kết luận

Trong một thế giới rất "phẳng" như hiện nay, với ứng dụng chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, cơ hội khai thác nguồn tài nguyên tri thức nhân loại sẽ ngày một rộng mở. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức giáo dục trong nước và quốc tế cũng sẵn sàng với các hoạt động phi lợi nhuận nhằm quảng bá, lan tỏa những giá trị tốt đẹp của họ. Đó là cơ hội nhưng cũng chính là thách thức của mỗi người làm giáo dục, nhất là ở những nơi không phải là vùng trung tâm của quốc gia. Vì vậy, sự chuyên nghiệp hóa trong mỗi khâu làm việc của người làm giáo dục (mà sử dụng Facebook như một công cụ chuyên nghiệp là một vấn đề) đều sẽ giúp cho chúng ta từng bước kết nối vào thế giới trong môi trường số nói chung, từ đó có thêm nhiều kiến thức, phương pháp để sống và làm việc ngày một tốt hơn, đáp ứng yêu cầu giáo dục của thời đại./.

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

ThS. Phạm Thanh Thủy
Trường CĐSP Nam Định

1. Mở đầu

Những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục. AI không chỉ hỗ trợ quản lý giáo dục mà còn mở ra những phương pháp giảng dạy mới, cá nhân hóa quá trình học tập, tăng cường tương tác và kích thích tư duy sáng tạo của người học. Theo báo cáo của OECD (19/01/2026) và UNESCO (2025), AI đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong giáo dục sớm, mang lại nhiều cơ hội đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt trong việc phát triển ngôn ngữ và năng lực tư duy cho trẻ nhỏ [1].

Trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, học phần *“Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”* giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực sư phạm, năng lực ngôn ngữ và thẩm mỹ cho sinh viên. Thông qua học phần này, sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng tổ chức các hoạt động giúp trẻ làm quen với tác phẩm văn học một cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy học phần này tại các trường sư phạm hiện nay vẫn chủ yếu theo phương pháp truyền thống, ít ứng dụng công nghệ hiện đại, dẫn đến hạn chế trong việc phát huy tính sáng tạo, khả năng tương tác và hứng thú học tập của sinh viên.

Mặt khác, trẻ em ngày nay sinh ra và lớn lên trong môi trường số, có khả năng tiếp cận sớm với các thiết bị công nghệ như điện thoại thông minh, máy tính bảng, tivi thông minh... Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giáo viên mầm non trong việc đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, đặc biệt là hoạt động làm quen với tác phẩm văn học – một lĩnh vực giàu tính hình tượng, cảm xúc và sáng tạo. Việc ứng dụng AI vào học phần này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận phương pháp giảng dạy hiện đại mà còn tạo điều kiện để trẻ được trải nghiệm các tác phẩm văn học một cách sinh động, trực quan và hấp dẫn hơn.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài *“Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học phần Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”* nhằm nghiên cứu, đề xuất các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non trong thời đại chuyển đổi số.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận

Học phần *“Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”* có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đào tạo giáo viên mầm non có năng lực tổ chức hoạt động giáo dục ngôn ngữ – thẩm mỹ cho trẻ. Việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy học phần theo hướng tích hợp công nghệ, tăng cường thực hành và cập nhật xu

hướng giáo dục hiện đại sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp trong thời đại mới.

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) là một lĩnh vực công nghệ tiên tiến, tập trung vào việc xây dựng các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các chức năng trí tuệ của con người như tư duy, học hỏi, xử lý ngôn ngữ, nhận diện hình ảnh và ra quyết định. Theo Luckin et al. (2016), AI trong giáo dục không đơn thuần là công cụ kỹ thuật mà là một phương tiện hỗ trợ đổi mới toàn diện quá trình dạy và học, từ việc thiết kế nội dung, tổ chức hoạt động đến đánh giá kết quả học tập. AI mở ra cơ hội để xây dựng môi trường học tập thông minh, linh hoạt và cá nhân hóa, phù hợp với nhu cầu và năng lực của từng người học.

Như vậy, trí tuệ nhân tạo là một công cụ tiềm năng trong việc đổi mới giáo dục, đặc biệt là trong việc cá nhân hóa học tập, mô phỏng tình huống, đánh giá năng lực và tạo môi trường học tập tương tác. Trong giáo dục mầm non, AI có thể hỗ trợ giáo viên tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, tư duy và cảm xúc cho trẻ một cách hiệu quả, sinh động và phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi. Việc nghiên cứu và ứng dụng AI trong đào tạo giáo viên mầm non là một hướng đi cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong thời đại số.

2.2. Cơ sở thực tiễn của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học phần Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

Bên cạnh cơ sở lý luận vững chắc, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào học phần “*Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*” còn được củng cố bởi những cơ sở thực tiễn rõ ràng, phản ánh nhu cầu đổi mới giáo dục, sự phát triển của công nghệ và khả năng tiếp cận của người học. Đặc biệt, tại Trường CĐSP Nam Định, những yếu tố thực tiễn này càng thể hiện rõ nét, cho thấy tính khả thi và sự cần thiết của việc tích hợp công nghệ vào quá trình đào tạo giáo viên mầm non trong bối cảnh hiện đại.

Thực tiễn giáo dục hiện nay đang đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới phương pháp giảng dạy, đặc biệt trong đào tạo giáo viên mầm non. Các chương trình đào tạo truyền thống, vốn thiên về lý thuyết và ít thực hành, đang bộc lộ những hạn chế trong việc phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Trong khi đó, học phần “*Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*” đòi hỏi sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phải có khả năng tổ chức hoạt động, sử dụng ngôn ngữ sư phạm linh hoạt và sáng tạo. Việc ứng dụng AI vào học phần này giúp khắc phục những hạn chế của phương pháp giảng dạy truyền thống, đồng thời tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các tình huống sư phạm thực tế thông qua mô phỏng, tương tác và phản hồi tự động.

Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định, phần lớn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non đã có khả năng tiếp cận công nghệ tốt và thể hiện sự chủ động trong việc sử dụng công cụ số phục vụ học tập. Khảo sát cho thấy nhiều sinh viên đã từng sử dụng các nền tảng AI như ChatGPT để tìm kiếm tài liệu, Canva để thiết kế giáo án trực quan, hoặc Quillionz để xây dựng câu hỏi tương tác. Điều này phản ánh sự chuyển dịch rõ

rệt từ phương pháp học tập truyền thống sang phương pháp tích hợp công nghệ. Việc đưa AI vào học phần không chỉ phù hợp với năng lực công nghệ của sinh viên mà còn đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân hóa, linh hoạt và hiệu quả hơn. Thông qua việc lấy ý kiến khảo sát 200 sinh viên ngành Giáo dục mầm non năm thứ 2 và năm thứ 3, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Thứ nhất, nhận thức của sinh viên về AI

Nội dung	Rất hiểu rõ	Hiểu rõ	Bình thường	Ít hiểu	Không hiểu
Khái niệm AI	14%	26%	32%	18%	10%
Ứng dụng AI trong giáo dục	12%	28%	30%	20%	10%
Ứng dụng AI trong hoạt động cho trẻ LQ với văn học	10%	22%	35%	23%	10%
Kỹ năng sử dụng công cụ AI	9%	21%	30%	25%	15%

Như vậy, phần lớn sinh viên mới chỉ có nhận thức ở mức trung bình hoặc ít hiểu về AI, kỹ năng sử dụng công cụ còn hạn chế.

Thứ hai, hứng thú học tập học phần

Nội dung	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Ít hứng thú	Không hứng thú
Học lý thuyết	18%	34%	30%	12%	6%
Thực hành kể chuyện	26%	40%	24%	8%	2%
Minh họa bằng tranh/hoạt hình	20%	30%	28%	15%	7%
Tổ chức trò chơi, tương tác	24%	36%	28%	10%	2%

Sinh viên hứng thú hơn với phần thực hành kể chuyện và tổ chức trò chơi, nhưng hứng thú với lý thuyết và minh họa còn chưa cao.

Thứ ba, kỹ năng nghề nghiệp hiện tại

Kỹ năng	Thành thạo	Khá	Trung bình	Yếu	Chưa có
Kể chuyện, đọc diễn cảm	12%	28%	35%	20%	5%
Lựa chọn tác phẩm phù hợp độ tuổi	11%	25%	39%	20%	5%
Điều chỉnh nội dung truyện	9%	22%	38%	24%	7%
Minh họa trực quan	10%	20%	34%	25%	11%
Tổ chức hoạt động tương tác	13%	26%	32%	20%	9%
Soạn giáo án văn học	15%	30%	35%	15%	5%

Kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên nhìn chung ở mức trung bình, đặc biệt yếu ở phần minh họa trực quan và điều chỉnh nội dung truyện.

Sinh viên ngành Mầm non có nhu cầu và hứng thú với việc đổi mới phương pháp học tập, nhưng còn thiếu công cụ và kỹ năng.

Việc ứng dụng AI vào học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* là cần thiết, nhằm:

Nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng công nghệ;

Tăng hứng thú học tập, đặc biệt ở phần minh họa và tương tác;

Cải thiện kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho công việc giảng dạy sau này.

Tóm lại, cơ sở thực tiễn của việc ứng dụng AI vào học phần *“Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học”* tại Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định được thể hiện rõ qua nhu cầu đổi mới giáo dục, năng lực công nghệ của sinh viên, sự phát triển của các công cụ hỗ trợ giáo dục và yêu cầu chuẩn hóa năng lực nghề nghiệp. Việc tích hợp AI vào quá trình đào tạo không chỉ phù hợp với xu thế phát triển giáo dục hiện đại mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, hướng tới một nền giáo dục nhân văn, sáng tạo và thích ứng với thời đại công nghệ số.

2.3. Đề xuất biện pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*

2.3.1. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong kể chuyện và đọc diễn cảm

Trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non, học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng kể chuyện, đọc diễn cảm, tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giọng đọc, ngữ điệu, tốc độ, cũng như trong việc tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện. Chính vì vậy, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng kể chuyện, đọc diễn cảm là một hướng đi mới, mang tính đột phá, giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Kể chuyện và đọc diễn cảm là phương pháp cơ bản để trẻ tiếp cận văn học. Thông qua giọng đọc, ngữ điệu, âm thanh minh họa, trẻ không chỉ tiếp nhận nội dung mà còn cảm nhận được cảm xúc, tính cách nhân vật, bối cảnh câu chuyện. Theo các nghiên cứu giáo dục mầm non, trẻ từ 3–6 tuổi có khả năng tiếp nhận ngôn ngữ mạnh mẽ nhưng dễ bị phân tán chú ý. Do đó, giọng đọc cần sinh động, tốc độ phù hợp, có sự nhấn nhá để duy trì hứng thú.

AI trong lĩnh vực Text-to-Speech (TTS) và Speech Synthesis Markup Language (SSML) hiện nay có khả năng tạo ra giọng đọc tự nhiên, đa dạng, thậm chí mô phỏng cảm xúc. Kết hợp với hiệu ứng âm thanh minh họa, AI có thể tái hiện câu chuyện một cách chân thực, hấp dẫn. Đây là cơ sở lý luận để khẳng định rằng AI hoàn toàn có thể trở thành công cụ hỗ trợ sinh viên ngành Mầm non trong việc rèn luyện kỹ năng kể chuyện và đọc diễn cảm.

AI có thể được ứng dụng trong kể chuyện và đọc diễn cảm theo ba hướng chính:

Thứ nhất, tạo giọng đọc nhân vật đa dạng. AI cho phép lựa chọn giọng nam, nữ, già, trẻ, thậm chí điều chỉnh cao độ, âm lượng để phù hợp với từng nhân vật. Ví dụ, trong truyện *Tám Cám*, giọng Tám có thể nhẹ nhàng, trong trẻo; giọng Cám ranh mãnh,

nhANH; giọng mẹ Cám trầm, nghiêm khắc; giọng Bụt hiền từ, ăm ắp. Nhờ vậy, sinh viên có thể luyện tập cách nhập vai nhân vật, học cách phân biệt giọng đọc để tạo sự hấp dẫn cho trẻ.

Thứ hai, tích hợp âm thanh minh họa. AI có thể chèn các hiệu ứng âm thanh như tiếng gió thổi, tiếng chim hót, tiếng mưa rơi, tiếng trống hội. Những âm thanh này giúp trẻ hình dung rõ bối cảnh, tăng khả năng tập trung và hứng thú. Sinh viên khi nghe AI kể chuyện với âm thanh minh họa sẽ nhận ra vai trò quan trọng của yếu tố đa giác quan trong hoạt động cho trẻ làm quen với văn học.

Thứ ba, điều chỉnh tốc độ và ngữ điệu. AI có thể tự động thay đổi tốc độ đọc phù hợp với độ tuổi trẻ. Với trẻ 3–4 tuổi, giọng đọc chậm, rõ ràng; với trẻ 5–6 tuổi, tốc độ nhanh hơn, thêm biểu cảm. Ngữ điệu cũng được điều chỉnh: đoạn cao trào thì nhấn mạnh, đoạn miêu tả thì nhẹ nhàng. Sinh viên có thể quan sát và học cách điều chỉnh giọng đọc phù hợp, từ đó rèn luyện kỹ năng đọc diễn cảm.

Ví dụ minh họa bằng SSML cho đoạn truyện Tấm Cám:

```
xml
<!-- Giọng Tấm -->
<voice name="vi-VN-HoaiMyNeural">
  <prosody rate="slow" pitch="+1st">
    Tấm hiền lành, chăm chỉ, ngày ngày ra đồng bắt tép...
  </prosody>
</voice>
<!-- Giọng Cám -->
<voice name="vi-VN-NamMinhNeural">
  <prosody rate="fast" pitch="-1st" volume="loud">
    Cám nói: "Đề em nhặt trước!"
  </prosody>
</voice>
<!-- Âm thanh minh họa -->
<audio
src="https://www.example.com/sounds/bird.mp3">Tiếng chim
hót</audio>
<audio
src="https://www.example.com/sounds/water.mp3">Tiếng nước
chảy</audio>
</speak>
```

Trong lớp học, sinh viên có thể sử dụng đoạn mã này để luyện tập kể chuyện. Khi nghe AI đọc, họ sẽ nhận ra sự khác biệt giữa giọng Tấm và Cám, đồng thời cảm nhận không gian đồng quê qua âm thanh chim hót, nước chảy. Đây là minh họa trực quan giúp sinh viên hiểu rõ cách kể chuyện đa giác quan.

Có thể khẳng định rằng ứng dụng AI trong kể chuyện và đọc diễn cảm là một biện pháp thiết thực, giúp sinh viên ngành Mầm non rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với văn học cho trẻ. AI không chỉ là công cụ công nghệ mà còn là phương pháp sư phạm hiện đại, hỗ trợ sinh viên từ khâu học tập đến thực hành, chuẩn bị cho công việc chuyên môn sau này.

2.3.2. Minh họa trực quan bằng hình ảnh và hoạt hình

Trong hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, minh họa trực quan bằng hình ảnh và hoạt hình đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Trẻ ở độ tuổi 3–6 thường tiếp nhận thế giới qua giác quan, khả năng tưởng tượng còn hạn chế, nên việc kể chuyện chỉ bằng lời nói đôi khi chưa đủ hấp dẫn. Hình ảnh minh họa giúp trẻ dễ hình dung nhân vật, bối cảnh; hoạt hình ngắn tạo sự sống động, kích thích trí tưởng tượng và hứng thú học tập.

Việc rèn luyện kỹ năng sử dụng hình ảnh và hoạt hình trong tổ chức hoạt động cho trẻ là cần thiết. Tuy nhiên, không phải ai cũng có khả năng vẽ tranh hoặc dựng phim. Đây chính là lúc trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực, giúp sinh viên tạo ra tranh minh họa, hoạt hình ngắn một cách nhanh chóng, phù hợp với nội dung tác phẩm văn học. Đối với sinh viên ngành Mầm non, việc sử dụng AI để tạo hình ảnh và hoạt hình không chỉ giúp tiết kiệm thời gian chuẩn bị mà còn rèn luyện kỹ năng thiết kế hoạt động văn học hấp dẫn, hiện đại. Các công cụ AI như DALL·E, MidJourney, Canva AI, PowerPoint Designer có thể tạo tranh minh họa; Animaker, Powtoon, Toonly có thể tạo hoạt hình ngắn. Đây là cơ sở lý luận để khẳng định rằng minh họa trực quan bằng AI là biện pháp khả thi trong đào tạo sinh viên.

Thứ nhất, tạo tranh minh họa nhân vật và bối cảnh. Sinh viên có thể sử dụng công cụ DALL·E hoặc MidJourney để tạo hình ảnh nhân vật trong truyện. Ví dụ, trong truyện *Tám Cám*, sinh viên yêu cầu AI vẽ hình ảnh Tám hiền lành, Cám tinh nghịch, Bụt hiền từ, hoặc khung cảnh đồng quê. Nhờ đó, sinh viên có tranh minh họa để sử dụng khi kể chuyện cho trẻ.

Thứ hai, chuyển đoạn truyện thành hoạt hình ngắn. Sinh viên có thể dùng Animaker hoặc Powtoon để tạo hoạt hình ngắn, tái hiện một cảnh trong truyện. Ví dụ, cảnh Tám đi bắt tép, Cám đồ trộm phần tép, hoặc cảnh Bụt hiện lên giúp Tám. Hoạt hình này giúp trẻ vừa nghe vừa xem, tăng hứng thú và khả năng tập trung.

Thứ ba, khuyến khích sáng tạo của sinh viên và trẻ. AI không chỉ tạo hình ảnh theo yêu cầu mà còn cho phép sinh viên và trẻ cùng tham gia sáng tạo. Ví dụ, trẻ có thể mô tả nhân vật theo trí tưởng tượng, sinh viên nhập mô tả vào AI để tạo hình ảnh. Điều này giúp trẻ phát triển khả năng tưởng tượng, đồng thời sinh viên học cách tổ chức hoạt động sáng tạo.

Ví dụ 1 – Tạo tranh minh họa bằng DALL·E Sinh viên nhập câu lệnh: “*Vẽ hình ảnh một cô gái trẻ hiền lành, mặc áo yếm, ngồi bên bờ ao bắt tép, phong cách tranh thiếu nhi.*” AI tạo ra hình ảnh Tám hiền lành bên bờ ao. Sinh viên dùng hình ảnh này khi kể truyện *Tám Cám* cho trẻ 4 - 5 tuổi.

Ví dụ 2 – Tạo hoạt hình ngắn bằng Powtoon Sinh viên chọn cảnh Bụt hiện lên giúp Tám. Nhập kịch bản:

Nhân vật: Tám buồn bã, Bụt hiền từ.

Bối cảnh: gốc cây cổ thụ.

Âm thanh: tiếng gió thổi, tiếng chim hót. AI tạo hoạt hình dài 1 phút, sinh viên dùng để minh họa khi kể chuyện cho trẻ 5 tuổi.

Ví dụ 3 – Khuyến khích sáng tạo của trẻ Trong lớp học, sinh viên hỏi trẻ: “Con tưởng tượng Tấm trông như thế nào?” Trẻ mô tả: “Tấm tóc dài, mặc áo màu hồng.” Sinh viên nhập mô tả vào Canva AI, AI tạo hình ảnh Tấm tóc dài, áo hồng. Trẻ thấy hình ảnh giống trí tưởng tượng của mình, tăng hứng thú học tập.

Minh họa trực quan bằng hình ảnh và hoạt hình là biện pháp ứng dụng AI thiết thực trong đào tạo sinh viên ngành Mầm non. Nhờ các công cụ như DALL·E, MidJourney, Canva AI, Animaker, Powtoon,... sinh viên có thể tạo tranh minh họa, hoạt hình ngắn, khuyến khích sáng tạo của trẻ. Đây không chỉ là công cụ công nghệ mà còn là phương pháp sư phạm hiện đại, giúp nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với văn học cho trẻ mầm non.

2.3.3. Tương tác thông minh bằng trí tuệ nhân tạo (AI)

Trong tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non, yếu tố **tương tác** đóng vai trò quyết định đến hiệu quả tiếp nhận. Trẻ không chỉ nghe thụ động mà cần được tham gia vào quá trình học tập: đặt câu hỏi, trả lời, nhập vai, chơi trò chơi. Tuy nhiên, sinh viên ngành Mầm non khi thực hành thường gặp khó khăn trong việc tạo ra các tình huống tương tác hấp dẫn, đặc biệt là khi chưa có nhiều kinh nghiệm tổ chức lớp học.

AI với khả năng mô phỏng nhân vật, tạo chatbot, thiết kế quiz và trò chơi học tập, chính là công cụ hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động tương tác. Nhờ đó, sinh viên vừa học được cách tạo môi trường học tập sinh động, vừa chuẩn bị năng lực nghề nghiệp để áp dụng cho trẻ sau này.

Đối với sinh viên ngành Mầm non, việc rèn luyện kỹ năng tổ chức tương tác là cần thiết. AI có thể đóng vai trò như một “người bạn đồng hành thông minh”, giúp sinh viên tạo tình huống đối thoại, quiz, trò chơi, nhập vai nhân vật. Các công cụ như ChatGPT, Character.AI, Kahoot, Quizizz, Socrative có thể được sử dụng để thiết kế hoạt động tương tác. Đây là cơ sở lý luận để khẳng định rằng ứng dụng AI trong tương tác thông minh là khả thi và cần thiết.

Thứ nhất, chatbot nhân vật. AI có thể đóng vai nhân vật trong truyện, sinh viên và trẻ có thể trò chuyện trực tiếp. Ví dụ, trong truyện *Tấm Cám*, AI đóng vai Bụt, trẻ hỏi: “Ông ơi, sao Tấm lại được giúp đỡ?” → AI trả lời bằng giọng hiền từ, giúp trẻ hiểu ý nghĩa nhân văn. Sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức đối thoại nhân vật.

Thứ hai, quiz và trò chơi học tập. AI có thể tạo quiz, trò chơi ghép tranh, đoán nhân vật. Ví dụ, sau khi kể truyện *Cây tre trăm đốt*, sinh viên dùng **Kahoot** để tạo câu hỏi: “Ai đã giúp chàng trai có cây tre trăm đốt?” → Trẻ chọn đáp án đúng. Sinh viên rèn luyện kỹ năng củng cố kiến thức qua trò chơi.

Thứ ba, trò chơi đóng kịch. AI gợi ý tình huống để sinh viên tổ chức hoạt động nhập vai cho trẻ. Ví dụ, AI gợi ý: “Một bạn đóng vai Tấm, một bạn đóng vai Cám, cùng diễn lại cảnh bắt tép.” Sinh viên học cách tổ chức trò chơi đóng kịch, giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp và cảm thụ văn học.

Ví dụ 1 – Chatbot nhân vật bằng ChatGPT Sinh viên nhập lệnh: “Đóng vai Bụt trong truyện *Tấm Cám*, trả lời câu hỏi của trẻ bằng giọng hiền từ, ngắn gọn, dễ hiểu.” Trẻ hỏi: “Ông ơi, sao Tấm lại được giúp đỡ?” Chatbot trả lời: “Vì Tấm chăm

chỉ, hiền lành, nên ông trời thương và giúp đỡ.” Sinh viên thấy rõ cách tổ chức đối thoại nhân vật.

Ví dụ 2 – Quiz bằng Kahoot Sinh viên tạo quiz sau khi kể truyện *Cây tre trăm đốt*:

- Câu hỏi: “Ai đã giúp chàng trai có cây tre trăm đốt?”

- Đáp án: A. Nhà vua, B. Ông lão, C. Bụt, D. Cám. Trẻ chọn đáp án C. Sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế câu hỏi củng cố kiến thức.

Ví dụ 3 – Trò chơi ghép tranh bằng Quizizz Sinh viên nhập hình ảnh nhân vật Tấm, Cám, Bụt vào Quizizz. Trẻ chơi trò ghép tranh: nối tên nhân vật với hình ảnh. Sinh viên học cách sử dụng công cụ AI để tạo trò chơi trực quan.

Ví dụ 4 – Kịch bản đóng vai bằng ChatGPT Sinh viên nhập lệnh: “*Gợi ý kịch bản nhập vai cho trẻ 5 tuổi trong truyện Tấm Cám, đơn giản, dễ diễn.*” AI gợi ý:

- Một bạn đóng vai Tấm, ngồi bắt tép.

- Một bạn đóng vai Cám, chạy đến đồ giỏ tép của Tấm sang giỏ của mình.

- Một bạn đóng vai Bụt, xuất hiện giúp Tấm. Sinh viên dùng kịch bản này để tổ chức trò chơi đóng kịch theo tác phẩm văn học.

Tương tác thông minh bằng AI là biện pháp ứng dụng thiết thực trong đào tạo sinh viên ngành Mầm non. Nhờ các công cụ như **ChatGPT, Character.AI, Kahoot, Quizizz, Socrative**, sinh viên có thể tạo chatbot nhân vật, quiz, trò chơi, kịch bản nhập vai. Đây không chỉ là công cụ công nghệ mà còn là phương pháp sư phạm hiện đại giúp nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với văn học cho trẻ mầm non.

2.3.4. Kết nối đa phương tiện và công nghệ mới bằng trí tuệ nhân tạo (AI)

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc kết hợp đa phương tiện và công nghệ mới vào hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học cho trẻ mầm non là xu hướng tất yếu. Trẻ ở độ tuổi 3 – 6 có khả năng tiếp nhận mạnh mẽ qua giác quan, đặc biệt là thị giác và thính giác. Nếu chỉ kể chuyện bằng lời, trẻ dễ mất tập trung; nhưng khi kết hợp hình ảnh, âm thanh, hoạt hình, thực tế ảo (VR/AR), trẻ sẽ tham gia học tập một cách hứng thú và chủ động hơn.

Đối với sinh viên ngành Mầm non, việc rèn luyện kỹ năng sử dụng đa phương tiện và công nghệ mới trong giảng dạy là cần thiết. Tuy nhiên, nhiều sinh viên chưa có kinh nghiệm hoặc kỹ năng thiết kế bài giảng đa phương tiện. AI chính là công cụ hỗ trợ, giúp sinh viên dễ dàng kết nối các yếu tố nghe – nhìn – vận động, đồng thời tiếp cận công nghệ mới như VR/AR, học tập hợp tác trực tuyến.

Đối với sinh viên ngành Mầm non, việc sử dụng AI để kết nối đa phương tiện và công nghệ mới không chỉ giúp tiết kiệm thời gian chuẩn bị mà còn rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng hiện đại, phù hợp với xu hướng giáo dục trong thời đại số.

Thứ nhất, kết hợp nghe – nhìn – vận động. AI có thể tạo ra bài giảng kết hợp hình ảnh, âm thanh, hoạt hình, và trò chơi vận động. Ví dụ, khi kể chuyện *Tấm Cám*, sinh viên dùng AI để tạo hình ảnh nhân vật, âm thanh minh họa, hoạt hình ngắn, và trò chơi đóng vai. Công cụ có thể dùng: Canva AI, Powtoon, Animaker, Microsoft PowerPoint Designer.

Thứ hai, ứng dụng thực tế ảo (VR/AR). AI kết hợp với công nghệ VR/AR giúp sinh viên và trẻ “bước vào” không gian văn học. Ví dụ, sinh viên dùng CoSpaces Edu hoặc Google Expeditions để tạo cảnh hội làng trong truyện *Tám Cánh*. Trẻ đeo kính VR, nhìn thấy nhân vật Tám đi dự hội, nghe tiếng trống hội, cảm nhận không khí lễ hội. Đây là trải nghiệm nhập vai giúp trẻ hứng thú và hiểu sâu hơn nội dung.

Thứ ba, học tập hợp tác trực tuyến. AI hỗ trợ tạo môi trường học tập trực tuyến, nơi sinh viên cùng nhau khám phá và thảo luận tác phẩm. Ví dụ, sinh viên dùng Microsoft Teams kết hợp Copilot hoặc Google Classroom AI để tổ chức buổi học trực tuyến, chia nhóm thảo luận về ý nghĩa nhân văn của truyện *Cây tre trăm đốt*. AI gợi ý câu hỏi thảo luận, tổng hợp ý kiến nhóm, và đưa ra báo cáo.

Ví dụ 1 – Kết hợp nghe – nhìn – vận động bằng Canva AI Sinh viên nhập lệnh: “*Tạo slide kể chuyện Tám Cánh cho trẻ 4 tuổi, gồm hình ảnh nhân vật, âm thanh minh họa, và trò chơi đoán nhân vật.*” AI tạo slide:

- Hình ảnh Tám hiền lành, Cánh tinh nghịch.
- Âm thanh chim hót, nước chảy.
- Trò chơi đoán nhân vật qua tranh. Sinh viên dùng slide này để kể chuyện trẻ vừa nghe vừa nhìn vừa tham gia trò chơi.

Ví dụ 2 – Ứng dụng VR bằng CoSpaces Edu Sinh viên tạo cảnh hội làng trong truyện *Tám Cánh*:

- Nhân vật: Tám mặc áo yếm, đi dự hội.
- Bối cảnh: sân đình, trống hội, cờ bay.
- Âm thanh: tiếng trống, tiếng người nói cười. Trẻ đeo kính VR, bước vào cảnh hội làng, cảm nhận không khí lễ hội. Sinh viên học cách tổ chức hoạt động đóng vai bằng công nghệ VR.

Ví dụ 3 – Học tập hợp tác trực tuyến bằng Microsoft Teams Copilot Giảng viên tổ chức buổi học trực tuyến:

- Chủ đề: “Ý nghĩa nhân văn của truyện *Cây tre trăm đốt*.”
- AI gợi ý câu hỏi: “Vì sao chàng trai được Bụt giúp đỡ?”
- Sinh viên thảo luận nhóm, AI tổng hợp ý kiến, đưa ra báo cáo. Sinh viên học cách tổ chức thảo luận trực tuyến, kết hợp AI để nâng cao hiệu quả.

Kết nối đa phương tiện và công nghệ mới bằng AI là biện pháp ứng dụng thiết thực trong đào tạo sinh viên ngành Mầm non. Nhờ các công cụ như Canva AI, Powtoon, Animaker, CoSpaces Edu, Microsoft Teams Copilot, sinh viên có thể tạo bài giảng đa giác quan, ứng dụng VR/AR, tổ chức học tập hợp tác trực tuyến. Đây không chỉ là công cụ công nghệ mà còn là phương pháp sư phạm hiện đại, giúp nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với văn học cho trẻ mầm non.

3. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, xây dựng nội dung ứng dụng, chúng tôi nhận thấy:

AI có tác động tích cực rõ rệt đến hứng thú học tập của sinh viên ở tất cả tiêu chí: giọng đọc AI, hình ảnh minh họa, hoạt hình, chatbot nhân vật, quiz/trò chơi. Điều này chứng minh rằng AI giúp học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học* trở nên sinh động, hấp dẫn.

AI cải thiện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên. Sinh viên có tiền bộ rõ rệt trong kỹ năng kể chuyện, đọc diễn cảm, lựa chọn và điều chỉnh tác phẩm, minh họa trực quan, tổ chức hoạt động tương tác. Đây là những năng lực cốt lõi mà giáo viên mầm non cần có.

AI nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Quan sát cho thấy trẻ tham gia tích cực hơn khi có hỗ trợ AI, đặc biệt là với hình ảnh minh họa, hoạt hình và trò chơi tương tác. Trẻ chú ý hơn, hứng thú hơn, và phát triển khả năng ngôn ngữ, trí tưởng tượng tốt hơn.

AI hỗ trợ giảng viên trong công tác giảng dạy. Giảng viên tiết kiệm thời gian soạn giáo án, có thêm nguồn tư liệu phong phú, và có công cụ phân tích kết quả học tập của sinh viên. Điều này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

** Một số kiến nghị*

Để ứng dụng AI hiệu quả hơn trong đào tạo ngành Mầm non, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

Đưa nội dung ứng dụng AI vào chương trình đào tạo chính thức. Các học phần phương pháp cần tích hợp hướng dẫn sử dụng AI, giúp sinh viên làm quen và rèn luyện kỹ năng ngay từ khi còn học tập.

Tổ chức các buổi tập huấn, workshop cho giảng viên và sinh viên. Giúp giảng viên và sinh viên nắm vững cách sử dụng các công cụ AI như ChatGPT, DALL·E, Kahoot, CoSpaces Edu, Microsoft Copilot...

Xây dựng kho tư liệu số dùng chung. Tạo thư viện tranh minh họa, hoạt hình, giáo án mẫu, quiz... để giảng viên và sinh viên có thể tham khảo và sử dụng trong giảng dạy.

Đảm bảo yếu tố đạo đức và an toàn khi sử dụng AI. Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên sử dụng AI một cách đúng đắn, tránh lệ thuộc, đồng thời đảm bảo nội dung phù hợp với trẻ mầm non./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). *Thông tư Ban hành khung năng lực số đối với giáo viên, CBQL cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024). *Chương trình giáo dục mầm non.* NXB Giáo dục Việt Nam.

Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2015). *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học.* NXB Giáo dục Việt Nam.

Trần Thị Kim Liên (2020). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy mầm non.* Tạp chí Giáo dục, số 456.

Phạm Thị Hồng (2021). *Đổi mới phương pháp dạy học văn học cho trẻ mầm non.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 12.

Trường CDSP Nam Định (2025). *Kế hoạch Thực hiện chuyển đổi số trong trường CDSP Nam Định.* Kế hoạch số 212/KH-CDSPND, ngày 24/9/2025

Microsoft Education (2024), *AI in the Classroom: Practical Applications for Teachers.*

Quizizz (2023), *Interactive Learning with AI*, <https://quizizz.com>

Canva for Education (2024), *AI-powered Design Tools for Teachers*, <https://www.canva.com/education>

NÂNG CAO NĂNG LỰC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀO GIẢNG DẠY CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐIỆN BIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC

TS.Lê Tùng
Trường CĐSP Điện Biên

1. Mở đầu

Trí tuệ nhân tạo (AI) được cho là công nghệ quan trọng nhất của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, là yếu tố có thể dẫn đến sự thay đổi trật tự toàn cầu trong tương lai. Hầu hết các nước, đặc biệt là các cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và một số nước EU đã ban hành và xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AI, cũng như nâng cao vị thế của quốc gia trong cuộc cạnh tranh giành vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực này.

Cùng với xu hướng phát triển AI trên toàn cầu, Việt Nam đã xác định trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo là những trụ cột quan trọng trong hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong kỉ nguyên vươn mình của đất nước. Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030 đã xác định mục tiêu: *“Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đưa trí tuệ nhân tạo trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đến năm 2030 Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, phát triển các giải pháp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong khu vực Asean và trên thế giới”*; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng đã xác định mục tiêu đến năm 2030 *“Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo”*.

Đối với Giáo dục, trí tuệ nhân tạo đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng cá nhân hóa trải nghiệm học tập, tăng cường khả năng tiếp cận kiến thức của người học; tự động hóa công việc hành chính, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên... Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp lý khẳng định rõ vai trò, yêu cầu tất yếu của ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới giáo dục: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” xác định CDS trong lĩnh vực giáo dục là một trong tám lĩnh vực cần được ưu tiên trước: *“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng*

nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa..."; Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 đã xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo là: "Thúc đẩy phát triển và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục: dự đoán nhu cầu công việc của thị trường; xác định tiêu chí đánh giá sinh viên, hỗ trợ sinh viên xác định được thế mạnh việc làm khi tốt nghiệp; tự động hóa quy trình nghiệp vụ của giáo viên; xác định các tiêu chí nhằm đạt mục tiêu học tập; cá nhân hóa việc học tập, nâng cao hiệu quả học tập có sự trợ giúp của giáo viên và trợ giảng ảo; hỗ trợ nâng cao nhận thức của sinh viên"; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo" đã xác định một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là "Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học..."; Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định "Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" là một trong 7 nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó có ghi: "Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, hiện đại hóa phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo"; Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo đã xác định "Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo" là một trong 8 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Trong đó, có nêu: "Nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ nhà giáo ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm. Có chính sách khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo".

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành xây dựng Chiến lược ứng dụng AI trong giáo dục, đặt mục tiêu tổng quát là: Ứng dụng AI một cách tổng thể và có hệ thống vào các hoạt động của ngành giáo dục, hướng đến xây dựng một nền giáo dục số hiện đại, hiệu quả và bền vững. Định hướng đến năm 2035, AI sẽ trở thành công cụ phổ biến đối với mỗi người học, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Năng lực ứng dụng công nghệ số nói chung và năng lực ứng dụng AI của đội ngũ nhà giáo được xem là yếu tố then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong nhà trường. Do đó, nâng cao năng lực ứng dụng AI của đội ngũ giảng viên là nhiệm vụ cấp thiết, mang tính chiến lược của các trường Cao đẳng sư phạm trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Cấu trúc năng lực ứng dụng AI trong dạy học của giáo viên

2.1.1. Khái niệm về trí tuệ nhân tạo

Theo Thông tư số: 02/2025/TT-BGDĐT, trí tuệ nhân tạo là việc phát triển các hệ thống máy móc có khả năng thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận và giải quyết vấn đề.

Theo Thông tư số: 18/2026/TT-BGDĐT, trí tuệ nhân tạo là lĩnh vực khoa học và công nghệ nhằm tạo ra các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện những chức năng trí tuệ của con người như học tập, suy luận, nhận thức, giao tiếp và ra quyết định.

2.1.2. Cấu trúc năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học của giáo viên

Năng lực ứng dụng AI vào giảng dạy là khả năng ứng dụng, tích hợp AI một cách có hiệu quả và có đạo đức vào công việc giảng dạy, hỗ trợ học tập và phát triển chuyên môn của giáo viên.

Theo Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT, năng lực ứng dụng AI của giáo viên gồm 04 thành tố, cụ thể là:

(1). Tư duy lấy con người làm trung tâm: Giáo viên xác định các giá trị và thái độ đối với sự tương tác giữa con người và AI; ứng dụng AI để hỗ trợ, tăng cường khả năng dạy học nhưng vẫn đảm bảo vai trò trung tâm của con người.

(2). Đạo đức AI: Giáo viên thể hiện sự hiểu biết và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi sử dụng AI như tính minh bạch, công bằng, tôn trọng quyền riêng tư, giải thích rõ ràng cho người học về cách sử dụng AI.

(3). Sự phạm AI: Giáo viên có khả năng tích hợp AI vào phương pháp sư phạm một cách có chủ đích và hiệu quả để hỗ trợ việc thiết kế dạy học, hỗ trợ học tập, kiểm tra đánh giá và giao tiếp xã hội.

(4). AI cho phát triển chuyên môn: Giáo viên có khả năng ứng dụng AI để tự động hóa công việc, cập nhật tài liệu và xu hướng giáo dục, nâng cao năng lực chuyên môn và thúc đẩy học tập suốt đời.

Mỗi năng lực thành phần, được chia thành 03 cấp độ, bao gồm cơ bản, thành thạo và nâng cao. Các cấp độ tiến triển năng lực ứng dụng AI của giáo viên phản ánh mức độ mà giáo viên có thể phát triển qua thời gian.

Các trường Cao đẳng Sư phạm có thể căn cứ Thông tư số: 02/2025/TT-BGDĐT, Thông tư số: 18/2026/TT-BGDĐT và khung năng lực AI cho giáo viên của UNESCO (2025) để xây dựng khung năng lực AI cho giảng viên làm cơ sở cho việc xây dựng các tiêu chí đánh giá, bồi dưỡng năng lực ứng dụng AI cho giảng viên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thời đại AI.

2.2. Thực trạng năng lực ứng dụng AI của đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên

Trường CĐSP Điện Biên tổ chức đào tạo 01 ngành Giáo dục Mầm non. Từ năm 2020 đến nay, mỗi năm Trường được tỉnh Điện Biên đặt hàng tuyển sinh 150 sinh viên cao đẳng sư phạm. Hiện nay, nhà trường có 90 giảng viên cơ hữu; có 04/90 tiến sĩ (chiếm 4,44%), 84/90 thạc sĩ (chiếm 93,33%), 02/90 cử nhân đại học (chiếm 2,22%);

có 48/90 giảng viên hạng II (chiếm 53,33%), 42/90 giảng viên hạng III (chiếm 46,67%). Giảng viên của Trường có độ tuổi trung bình là 42,9 tuổi; số năm công tác trung bình 19,7 năm.

Trong bối cảnh CĐS giáo dục diễn ra mạnh mẽ, cùng với định hướng phát triển năng lực số nói chung, việc tiếp cận và ứng dụng AI trong giảng dạy của đội ngũ giảng viên trường CĐSP Điện Biên đã bước đầu có những chuyển biến quan trọng, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên của nhà trường.

2.2.1. Ưu điểm

Nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng, vai trò của AI trong giảng dạy đã từng bước được nâng cao. Đội ngũ giảng viên cơ bản đã nhận thức được AI không chỉ là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà còn là phương tiện quan trọng thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học; AI giúp giảng viên tiết kiệm thời gian, nâng cao chất lượng bài giảng và tăng hiệu quả tổ chức dạy học. Đặc biệt, các giảng viên trẻ thể hiện rõ sự chủ động trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thử nghiệm các công cụ AI vào hoạt động chuyên môn thông qua việc tự học, tự nghiên cứu các nguồn tài liệu (sách, internet, youtube, facebook, tiktok...) hoặc tham gia các khóa học trực tuyến.

Việc ứng dụng công nghệ số và AI trong dạy học đã được triển khai hầu hết ở các tổ chuyên môn và bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Phần lớn các giảng viên có khả năng lựa chọn và ứng dụng các công cụ AI phổ biến trong quá trình dạy học. Các công cụ AI giảng viên thường xuyên sử dụng là ChatGPT (91,4%), Gemini (48,6%) và Canva AI (48,6%), Capcut AI (31,4%). Ngoài ra, giảng viên còn sử dụng một số công cụ AI khác như Veo3, ELSA speak, Google AI Studio...

Giảng viên ứng dụng các công cụ AI chủ yếu trong việc thiết kế bài giảng và phát triển học liệu số, qua đó hỗ trợ cá nhân hóa quá trình học tập và nâng cao tính linh hoạt của hoạt động dạy học. AI cũng được một số giảng viên sử dụng để hỗ trợ xây dựng phương tiện dạy học, tạo tình huống học tập và tối ưu hóa quy trình chuẩn bị bài, phát triển chuyên môn...Tuy nhiên, mức độ ứng dụng AI của đa số giảng viên còn ở mức cơ bản, chỉ một số ít giảng viên ở mức thành thạo.

Ngoài việc ứng dụng trong giảng dạy, giảng viên cũng đã bước đầu ứng dụng AI vào công tác nghiên cứu khoa học khá hiệu quả. Trong nghiên cứu khoa học, giảng viên ứng dụng AI hỗ trợ trong việc tìm kiếm ý tưởng, tổng quan tài liệu, xác định khoảng trống nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, phân tích dữ liệu, gợi ý cấu trúc đề cương nghiên cứu, kiểm tra đạo văn và chuẩn hóa phong cách học thuật, từ đó thúc đẩy năng lực nghiên cứu độc lập của giảng viên.

Có thể thấy năng lực ứng dụng AI trong giảng dạy của đội ngũ giảng viên Trường CĐSP Điện Biên đang trong giai đoạn chuyển tiếp từ tiếp cận sang mức độ cơ bản. Những kết quả bước đầu đã tạo nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển năng lực ứng dụng AI của giảng viên đạt các mức độ cao hơn và làm chủ công nghệ.

2.2.2. Hạn chế

Một bộ phận giảng viên chưa hiểu rõ bản chất, vai trò và phương thức ứng dụng

AI, dẫn đến còn tâm lý ngại đổi mới, thận trọng, e ngại, thiếu niềm tin vào độ tin cậy của AI. Ở chiều hướng ngược lại, việc lạm dụng AI có thể dẫn đến nguy cơ làm suy giảm năng lực tư duy độc lập, tư duy phản biện và sáng tạo của giảng viên.

Năng lực số nói chung và năng lực ứng dụng AI của giảng viên chưa đồng đều. Sự chênh lệch về trình độ công nghệ giữa các giảng viên là khá rõ rệt. Các giảng viên chuyên ngành công nghệ thông tin, giảng viên trẻ, giảng viên có nền tảng công nghệ thông tin tốt có khả năng tiếp cận nhanh hơn, thành thạo hơn các giảng viên không phải chuyên ngành công nghệ thông tin, giảng viên cao tuổi.

Phần lớn giảng viên mới dừng ở việc sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, chưa thực sự làm chủ công nghệ trong thiết kế hoạt động dạy học, tổ chức đánh giá và cá nhân hóa học tập. Kỹ năng ứng dụng AI trong thiết kế các học liệu thông minh (video, mô phỏng, thực tế ảo) và các mô hình trợ lý dạy/học ảo của đa số giảng viên còn rất hạn chế.

2.3. Một số giải pháp nâng cao năng lực ứng dụng AI cho đội ngũ giảng viên

Một là, nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên về ứng dụng AI trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Mỗi giảng viên cần nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của AI trong giáo dục và đào tạo; vai trò, trách nhiệm của giảng viên trong việc ứng dụng AI hỗ trợ đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên của Nhà trường.

Nhà trường kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi số theo từng giai đoạn. Thường xuyên chỉ đạo các khoa, tổ chuyên môn tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản của Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuyển đổi số và ứng dụng AI trong giáo dục thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của đơn vị.

Đẩy mạnh tinh thần tích cực, chủ động tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng và hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao nhận thức về ứng dụng AI trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên. Đưa nội dung ứng dụng AI trong giảng dạy vào nhiệm vụ tự học, tự bồi dưỡng của giảng viên hằng năm.

Tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm các cơ sở giáo dục hay các mô hình ứng dụng AI hiệu quả.

Hai là, tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về ứng dụng AI cho đội ngũ giảng viên. Đây được xem như là giải pháp trọng tâm, then chốt để nâng cao năng lực ứng dụng AI cho đội ngũ giảng viên.

Chú trọng quan tâm tổ chức các lớp/khóa học bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sử dụng AI cho đội ngũ giảng viên như: kiến thức cơ bản về AI; ứng dụng AI trong dạy học và nghiên cứu khoa học; đạo đức, pháp lý và an toàn dữ liệu... Nội dung chương trình các khóa bồi dưỡng được phân hóa đảm bảo phù hợp với mức độ tiến triển năng lực của giảng viên, kết hợp cả kiến thức lý thuyết và thực hành, giúp giảng viên hiểu rõ cách lồng ghép AI vào bài học một cách hiệu quả. Đồng thời, khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên chủ động tham gia các khóa bồi dưỡng về sử dụng AI trong dạy

học theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp. 100% giảng viên của Nhà trường đã được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học "Đào tạo giáo viên 2025 – Hành trình phủ AI" tỉnh Điện Biên do tổ chức STEAM FOR VIETNAM tổ chức.

Các khoa/tổ chuyên môn tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên đề về ứng dụng AI trong dạy học nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng AI, đồng thời tuyên truyền, phổ biến các quy chế nhằm đảm bảo AI được sử dụng một cách hiệu quả, có trách nhiệm và công bằng, minh bạch.... Tổ chức cuộc thi “Thiết kế bài giảng ứng dụng AI”, “Ứng dụng AI thiết kế đồ dùng dạy học”...Khuyến khích giảng viên, sinh viên chia sẻ kinh nghiệm thông qua câu lạc bộ ứng dụng AI trong giảng dạy và học tập.

Phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo của Đoàn Thanh niên, đội ngũ giảng viên trẻ trong việc nâng cao năng lực ứng dụng AI trong dạy học và học tập thông qua việc tổ chức các hoạt động như: Ngày hội AI, Dự án AI và các cuộc thi sáng tạo với AI ...

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về ứng dụng AI trong dạy học. Định hướng, khuyến khích các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm hằng năm về ứng dụng AI trong dạy học các môn học/học phần. Kịp thời khen thưởng đối với các tác giả/nhóm tác giả có kết quả nghiên cứu tốt, có giá trị thực tiễn và khả năng ứng dụng cao.

Tăng cường hợp tác hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các đơn vị, tổ chức bên ngoài Nhà trường nhằm tạo điều kiện cho giảng viên được tham gia các dự án, đề tài khoa học và học hỏi kiến thức, kỹ năng ứng dụng AI trong giáo dục.

Trong 02 năm học 2024-2025 và 2025-2026, trường CDSP Điện Biên tổ chức 02 Hội thảo khoa học “Phát triển năng lực số của giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay” (có 25 bài viết của các giảng viên trong Nhà trường) và Hội thảo “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học” (có 25 bài viết của các giảng viên trong Nhà trường). Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến về ứng dụng AI của giảng viên nhà trường được nghiệm thu và đưa vào sử dụng như các đề tài: “Ứng dụng AI vào thiết kế một số hoạt động dạy học học phần Tiếng Anh 2”, “Ứng dụng AI trong thiết kế video, bài giảng cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non”, “Ứng dụng AI nâng cao hiệu quả tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học”, “Ứng dụng AI vào thiết kế hoạt động hỗ trợ tự học kỹ năng nói Tiếng Anh cho sinh viên”, “Đánh giá tác động của công nghệ số đến hoạt động học tập của sinh viên ngành Giáo dục mầm non”, “Thiết kế mô hình học tập ảo nhằm nâng cao năng lực tự học học phần Quản lý trong giáo dục mầm non cho sinh viên”; các sáng kiến: “Một số giải pháp về ứng dụng AI và Canva trong thiết kế học liệu trực quan cho trẻ mầm non”, “Ứng dụng AI thiết kế Ebook giúp phát triển ngôn ngữ và tư duy trẻ mẫu giáo dành cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non”, “Một số biện pháp khai thác hiệu quả Chat GPT trong giảng dạy ở trường CDSP Điện Biên”, “Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non sử dụng Chatbot AI trong học tập”, “Ứng dụng AI trong quản lý sinh viên nội trú”, “Ứng dụng AI vào sáng tác nhạc trong giáo dục mầm non”,

“Ứng dụng AI và Google Scholar trong hướng dẫn sinh viên tìm kiếm và xử lý tài liệu khoa học hiệu quả”, “Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu một số khảo sát các bên liên quan về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của trường CĐSP Điện Biên”, “Hướng dẫn sinh viên sử dụng AI thiết kế bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự ôn luyện nhằm nâng cao kết quả học tập học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành”, “Ứng dụng AI trong số hoá truyện cổ và trò chơi dân gian nhằm phát triển năng lực số cho sinh viên”, “Ứng dụng AI và Azota vào kiểm tra, đánh giá học phần tiếng Anh 2” ...

Bốn là, đổi mới, phát triển chương trình đào tạo theo hướng nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học. Thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, Nhà trường đã tổ chức thực hiện việc rà soát, bổ sung năng lực số và trí tuệ nhân tạo vào chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của các học phần. 100% các học phần thuộc Chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung và xác định mức độ đóng góp vào chuẩn đầu ra về phát triển năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học.

Năm là, tiếp tục đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng công nghệ để hỗ trợ việc ứng dụng AI, bao gồm bảo đảm kết nối internet ổn định, tốc độ cao và trang bị thiết bị công nghệ hiện đại. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, đảm bảo giáo viên có đủ điều kiện và tài nguyên để triển khai AI trong lớp học.

Đầu tư bổ sung các tài liệu sách chuyên khảo, giáo trình về ứng dụng AI tại Trung tâm thư viện của Nhà trường để phục vụ GV và sinh viên nghiên cứu, học tập.

Hỗ trợ mua các gói tài khoản AI giáo dục (như ChatGPT Plus, Gemini Advanced, Canva Pro for Education) để cấp cho các Khoa/Tổ chuyên môn dùng chung. Việc sử dụng bản trả phí sẽ giúp giảng viên tiếp cận các tính năng nâng cao, tốc độ xử lý nhanh hơn và bảo mật dữ liệu tốt hơn so với bản miễn phí.

Sáu là, xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng AI có trách nhiệm. Nghiên cứu ban hành quy định nội bộ của Nhà trường về sử dụng AI trong dạy học và nghiên cứu khoa học nhằm đảm bảo các nguyên tắc về minh bạch, an toàn, đạo đức và hiệu quả.

Đưa năng lực ứng dụng AI trong dạy học và nghiên cứu khoa học vào tiêu chí đánh giá năng lực của giảng viên, làm căn cứ đánh giá, xếp loại viên chức và xét thi đua, khen thưởng hằng năm nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên.

3. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, ứng dụng AI trong dạy học và nghiên cứu khoa học là xu hướng tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở Trường CĐSP Điện Biên, góp phần tạo nguồn nhân lực giáo dục có tư duy số vững vàng, sẵn sàng thích ứng với kỷ nguyên 4.0. Một trong những yếu tố có vai trò cốt lõi, then chốt đảm bảo cho việc triển khai ứng dụng AI trong nhà trường đạt hiệu quả chính là năng lực ứng dụng AI của đội ngũ giảng viên. Nâng cao năng lực ứng dụng AI cho đội ngũ giảng viên Trường CĐSP Điện Biên là một nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Để thực hiện hiệu quả công tác này,

cần triển khai đồng bộ các giải pháp về nhận thức, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, cải thiện hạ tầng số, xây dựng chính sách quản lý và tổ chức hoạt động ứng dụng AI đảm bảo hiệu quả, trách nhiệm./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2024). *Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo*.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển giáo dục*.
- Trần Xuân Quang, Văn Thị Hồng Hạnh, Lê Thái Hưng, Nguyễn Thị Phương Vy (2025), *Khung năng lực tích hợp AI cho giáo viên: phát triển chuyên môn và bảo đảm đạo đức nghề nghiệp*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, Tập 21, Số 04 (2025)
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định 127/QĐ-TTg về Chiến lược quốc gia về AI*.
- UNESCO (2023), *AI competency framework for teachers* (Khung năng lực AI cho giáo viên).

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC DẠY VÀ HỌC TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM KIÊN GIANG

ThS. Nguyễn Ngọc Trác
Trường CĐSP Kiên Giang

1. Mở đầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Để thích ứng với tình hình mới và tận dụng cơ hội mà cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư mang lại, ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW với mục tiêu tổng quát: “Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái”. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030”. Do đó, trong thời gian qua, chuyển đổi số (CĐS) luôn được sự quan tâm đặc biệt của các Bộ, ngành, địa phương. Điều này đã làm cho CĐS tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia.

Đồng hành cùng xu hướng tất yếu này, tỉnh Kiên Giang (nay sáp nhập tỉnh An Giang) đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình và nghị quyết liên quan đến chuyển đổi số như: Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về tăng cường ứng dụng CNTT và CĐS trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 31/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 – 2035 và định hướng tới năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều này khẳng định tầm quan trọng, tính cấp thiết và xu hướng tất yếu của CĐS trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học, cao đẳng nói riêng. Trường Cao đẳng Sư phạm (CĐSP) Kiên Giang cũng xác định CĐS trong đào tạo là một trong

những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường trong các hoạt động quản lý, điều hành cũng như trong hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên Trường.

2. Nội dung

2.1. Thuận lợi

Trường CĐSP Kiên Giang với hơn 45 năm hình thành và phát triển, tập thể lãnh đạo trường luôn chú trọng quán triệt và triển khai đổi mới dạy và học theo đúng tinh thần các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cũng như hướng dẫn từ các cấp quản lý. Nhà trường có đội ngũ giảng viên tin học có trình độ cao, có hiểu biết sâu rộng về chuyên ngành. Đội ngũ giảng viên tin học có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi trong các hoạt động của trường, có thể đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Hầu hết viên chức của Nhà trường đều có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) cơ bản trở lên, có thể thực hiện một số nhiệm vụ trên môi trường số. Một số giảng viên có năng lực khai thác các dữ liệu mở, các tài liệu số để phục vụ công tác chuyên môn, công tác giảng dạy.

UDCNTT trong các hoạt động, Nhà trường đã sử dụng các phần mềm quản lý viên chức, sinh viên, phần mềm quản lý điểm, phần mềm thư viện; ban quản trị website của Trường đã và đang thực hiện khá hiệu quả. Giai đoạn dịch COVID-19, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, toàn thể viên chức, giảng viên và sinh viên Nhà trường đã nỗ lực vượt khó, triển khai hiệu quả việc dạy và học trực tuyến, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch năm học đề ra. Hằng năm, việc đánh giá tiết dạy tốt của giảng viên, hội thi Nghiệp vụ sư phạm của sinh viên trong kế hoạch thi đua luôn chú trọng tăng cường UDCNTT trong dạy và học của giảng viên và sinh viên.

2.2. Khó khăn

Thứ nhất là, một bộ phận cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng và xu hướng tất yếu của chuyển đổi số trong giáo dục với nhiều lý do khác nhau. Đây là công việc mới mẻ, chưa được triển khai nên thường sẽ gặp phải những ý kiến không đồng thuận, ngại khó, không muốn thay đổi. Cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên đã quen với môi trường truyền thống, khi chỉ chuyển sang môi trường số sẽ làm thay đổi thói quen của họ, mà thay đổi thói quen là việc không dễ thực hiện. Từng năm học, các giảng viên đều thực hiện nhiệm vụ làm nghiên cứu khoa học (NCKH) và có ý thức UDCNTT vào công tác chuyên môn, tuy nhiên tỷ lệ công trình NCKH về UDCNTT trong giảng viên có tăng nhưng vẫn chưa cao và chưa thực sự đáp ứng được các yêu cầu về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.

Thứ hai là, hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT (máy tính, máy in, máy quét và các thiết bị ngoại vi), đường truyền, dịch vụ Internet đã được trang bị cho tất cả phòng, khoa, dãy phòng học trong trường. Mặc dù vậy, hệ thống Internet của chưa đồng bộ, đường truyền tốc độ chưa cao, hệ thống máy tính lạc hậu, tốc độ xử lý thấp, bộ nhớ thấp, nhiều máy tính không đáp ứng về cấu hình để cài đặt các phần mềm mới phục vụ công tác đào tạo, quản lý, cũng như phục vụ dạy học.

Thứ ba là, Nhà trường chưa có kho học liệu số (như bài giảng điện tử, bài giảng e-learning, giáo án điện tử, bài trình chiếu điện tử, thí nghiệm ảo, phần mềm mô phỏng và các loại học liệu khác như: tranh, ảnh, biểu đồ, hình vẽ, clip,...) đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; năng lực số của giảng viên, sinh viên đang có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn cần những nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa để nâng cao trình độ và kỹ năng này.

2.3. Giải pháp

Một là, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Nhà trường cần thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ lãnh đạo, giảng viên, sinh viên với những khái niệm cơ bản, tầm quan trọng, ý nghĩa và sự tác động của chuyển đổi số đối với giáo dục và đào tạo trong bối cảnh hiện nay; sự cần thiết của ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học; các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về UDCNTT và chuyển đổi số trong giáo dục. Đẩy mạnh tuyên truyền vai trò, trách nhiệm của chi ủy, trưởng các đơn vị trong việc triển khai, quán triệt nội dung UDCNTT và chuyển đổi số.

Hai là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cho chuyển đổi số. Nhà trường cần tạo điều kiện tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giảng viên để nâng cao các kiến thức, kỹ năng cần thiết về CNTT, an toàn thông tin để làm việc trên môi trường số như: sử dụng hệ thống quản lý học tập trực tuyến để tăng cường khả năng truy cập và tương tác học tập của người học; sử dụng công nghệ và phần mềm giảng dạy để tạo ra môi trường học tập sống động, tương tác, tích cực và hấp dẫn; tạo ra nội dung học tập (tài liệu, bài giảng, bài tập...) phong phú, đa dạng và linh hoạt; sử dụng phân tích dữ liệu để đánh giá tiến trình học tập, đánh giá năng lực, phẩm chất của người học; tạo ra môi trường học tập kỹ thuật số bằng cách khuyến khích sinh viên và giảng viên sử dụng công nghệ số, tài liệu điện tử và tài nguyên số; xác định và có các biện pháp bảo mật thông tin để đảm bảo an toàn và bảo vệ dữ liệu.

Ba là, đầu tư và nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT. Nhà trường cần chú trọng quan tâm đầu tư hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT phục vụ chuyển đổi số như: trang bị đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao phục vụ cho việc kết nối mạng hệ thống máy tính trong nội bộ để phục vụ cho công tác nghiệp vụ trên không gian số, đào tạo trực tuyến; đầu tư và nâng cấp hệ thống máy tính với tốc độ xử lý cao, bộ nhớ dung lượng lớn, có cấu hình mạnh đáp ứng yêu cầu cài đặt các phần mềm mới. Ngoài ra, Nhà trường cần đầu tư phòng quay video chuyên nghiệp để dựng các bài giảng trực tuyến; các phòng học đa phương tiện theo mô hình thông minh với các thiết bị cơ bản như: máy tính điều khiển được kết nối với hạ tầng mạng có cài đặt các phần mềm thực hiện hỗ trợ cho việc giảng dạy và học trực tuyến, camera hội nghị truyền hình, hệ thống âm thanh chất lượng cao, camera thu hình vật thể có độ phân giải cao...

Bốn là, phát triển nền tảng số. Nhà trường cần tiếp cập, sử dụng hiệu quả các nền tảng giáo dục số do các cấp quản lý triển khai, được xây dựng nhằm mục tiêu thu thập, lựa chọn, chia sẻ học liệu số dùng chung phục vụ đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá trong nhà trường, các nền tảng dạy và học trực tuyến

được tích hợp nhiều công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo (AI), Học máy (Machine Learning),... nhằm thúc đẩy việc học thích ứng (Adaptive Learning), tối ưu hóa quá trình giảng dạy của giáo viên, nâng cao năng lực người học.

Năm là, phát triển kho học liệu số. Dữ liệu số luôn là một thành phần quan trọng và cốt yếu trong việc chuyển đổi số. Do đó, Nhà trường phải xây dựng, phát triển kho học liệu số (sách, giáo trình, bài giảng, video và các tài liệu khác) nhằm đáp ứng nhu cầu dạy học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học; đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình dạy học mới dựa trên các nền tảng số.

3. Kết luận

Chuyển đổi số, UDCNTT, trí tuệ nhân tạo AI trong dạy và học đã và đang trở thành một xu hướng quan trọng, tất yếu trong giáo dục và đào tạo. Trường CĐSP Kiên Giang với bề dày kinh nghiệm hơn 45 năm hình thành và phát triển, để tiếp tục đóng góp cho công tác giáo dục và đào tạo của địa phương, thực hiện tốt mục tiêu chuyển đổi số, trong giai đoạn tới, tập thể lãnh đạo Nhà trường tiếp tục xác định tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với sự phát triển giáo dục của địa phương, của toàn ngành; thể hiện sự quyết tâm thực hiện mục tiêu chuyển đổi số; đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, nền tảng số, kho dữ liệu số; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, sinh viên về vai trò và lợi ích chuyển đổi số trong hoạt động Nhà trường. Mỗi giảng viên, viên chức Nhà trường cần có nhận thức sâu sắc, xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị cốt lõi, tin tưởng vào lãnh đạo của Nhà trường, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực số, trình độ ngoại ngữ để có thể nắm bắt và áp dụng công nghệ thành công trong giảng dạy và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay./.

